



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Pixabay.com

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL 2563 (2019)** (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNT-NHK), trang 8
- ♦ **NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 10
- ♦ **BÀI MINH NÓI VỀ HẠNH NGUYỄN CỦA THIÊN SƯ MẬT KHÊ** (ĐNT. Thích Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **CỘI SÁLA HUYỀN THOẠI** (Samādhipunno Định Phúc), trang 16
- ♦ **TÌNH THIẾNG LIÊNG** (Nguyễn Thế Đăng), trang 20
- ♦ **VÀO XUÂN** (thơ Trần Thiên Thi), trang 21
- ♦ **THÔNG TƯ CẦU AN CHO HT. THÍCH NGUYỄN TRÍ** (Hội Đồng Điều Hành), tr. 22
- ♦ **THƯ MỜI CHỨNG MINH VÀ THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2563** (Sa môn Thích Đồng Thiện), trang 23
- ♦ **VĂN HÓA ĐA DẠNG GIỮA LỄ PHẬT ĐẢN & GIÁNG SINH** (TN. Giới Hương), trang 24
- ♦ **SÔNG BIÊN NHA TRANG** (thơ Tâm Nhiên), trang 27
- ♦ **NHU CẦU VÌ HÒA BÌNH VÀ ÂN CẦN** (Tuệ Uyên dịch), trang 28
- ♦ **KHÔNG NÊN NÚP DƯỚI Ô DÙ – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ♦ **THƯ MỜI AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN GHPGTNTNHK** (Hội Đồng Điều Hành), trang 33
- ♦ **THÔNG BÁO AN CƯ** (Hội Đồng Điều Hành), trang 34
- ♦ **CÁC DANH TẶNG ĐỜI NGUYỄN**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **TRỞ VỀ NGUỒN** (thơ Diệu Viên), trang 37
- ♦ **THIÊN TRONG CUỘC ĐỜI MỘT NGƯỜI HÀNH KHÁT** (TM Ngô Tăng Giao), tr. 38
- ♦ **THÔNG BÁO THỰC HIỆN BỘ 2 CỦA "VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI – SỰ KHẢO"** (Ban Chủ Trương Văn Học Sưu Khảo), trang 39
- ♦ **MAY RA, TỈNH TỌA** (thơ Phù Du), tr. 40
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 1 & PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 9** (HT. Thích Đồng Tuyên), trang 41-45

- ♦ **ĐỌC 3 BÀI THƠ VỀ ĐỨC PHẬT CỦA THI HẠO RILKE** (Huỳnh Kim Quang), trang 48
- ♦ **GIÁ DẠNG THẦY TU** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 50
- ♦ **ĐÌNH TỤ MÂY** (Tiểu Lục Thân Phong), trang 52
- ♦ **HƯƠNG VỀ NGUỒN CỘI, NGỒ THOÁT** (thơ Tánh Thiện), trang 53
- ♦ **STORIES OF FIVE OLD BHIKKHUS** (Daw Mya Tin), trang 54
- ♦ **XUÂN SẮC BIẾC HỒNG, THUY TIÊN...** (thơ Tiểu Lục Thân Phong), trang 55
- ♦ **BẠC THÁNH XỬ KIỆN** (Truyện cổ Phật giáo), trang 56
- ♦ **NAU CHAY: GÒI BÁP CHUÔI** (LinkedIn), trang 57
- ♦ **TẠI SAO NHIỀU NGƯỜI HOA KỲ ĐĂNG HƯƠNG VỀ PHẬT GIÁO** (Phan Tấn Hải dịch), trang 58
- ♦ **ĐÊM SAO, NGÃ...** (thơ Thục Độ), tr. 62
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 63
- ♦ **XƯƠNG SÓNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ **TÌM NHAU TRONG CỎ PHÙ VÂN** (thơ Hạnh Chi), trang 65
- ♦ **XÂY CHÙA VÀ XÂY ĐẠO TRÀNG** (Nguyễn Giác), trang 66
- ♦ **KỶ LỤC CỦA MỘT BẠC THẦY** (Vĩnh Hào), trang 68
- ♦ **XÂY CHÙA CHO AI?** (Thanh Thi), tr. 72
- ♦ **NGƯỜI MẸ THỬ HAI** (thơ Tuệ Nha), trang 74
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 11** (Vĩnh Hào), trang 75
- ♦ **THƯƠNG NHƯ...** (thơ Huyền Vũ), trang 78



Báo Chánh Pháp số 89, tháng 04.2019, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SỐNG HÒA

Khó giữ được tâm an khi con người và thế giới chung quanh thường xuyên chuyển động, loạn động...

Tâm dễ vọng động khi quan sát, lắng nghe hình ảnh, âm thanh, tin tức (tốt hay xấu, lành hay dữ, vui hay buồn)... dù chỉ gián tiếp qua một màn ảnh nhỏ nơi bàn viết.

Tâm cũng dễ giao động, xúc động trước những tiếng kêu đau thương của con người, con vật.

Có những tiếng thét gào khổ đau, mất mát nhân thân và tài sản từ những nạn nhân bão lụt, động đất, lốc xoáy, hỏa hoạn... cũng như tử nạn giao thông, tật bệnh, bom mìn chiến tranh, bản giết vì thù hận, ganh ghét và kỳ thị...

Trong khi nền văn minh kỹ thuật của nhân loại bước vào thế kỷ 21 đã phát triển và mở mang vô hạn thì lòng người càng lúc càng trở nên hẹp hòi, cổ chấp, thành kiến, vô cảm, ác độc.

Vũ khí của loài người cổ xưa là để tự vệ hoặc săn mồi với từng loài thú, nay là những công cụ giết người hàng loạt (hàng chục đến hàng trăm, hàng ức đến hàng triệu) chỉ qua một ngón tay lấy cò hoặc nhấn nút.

Người lớn đã bày vẽ những trò chơi chiến tranh, kinh doanh vũ khí, khích động hận thù... để rồi trở thành nạn nhân của chiến tranh: âu lo và hãi sợ, đe dọa và bắt nạt, điều đình và mặc cả... để tìm sự an toàn trong ngưng chiến hay hòa bình (tạm thời).

Và lạ thay, khi lòng hận thù, kỳ thị và hiếu chiến của con người đi đến chỗ xuống động nhất thì lại được một số đông tán thưởng, cổ vũ; rồi càng được cổ vũ, người ta càng hăng say, điên cuồng hơn, lấy sự giết hại, đày đọa cho khổ đau người khác làm thành tích và để nhân danh giai cấp, tôn giáo hay sắc tộc được cho là trên hết, là trung tâm của tất cả.

Đặt mình trên tất cả, sẽ không hòa được với những người ở dưới. Đặt mình

bên trái, sẽ không hòa được với những người bên phải; đặt mình bên phải, sẽ không hòa được với những người bên trái.

Đặt mình vào giữa, sẽ không hòa được với những người chung quanh.

Thực ra, mỗi người ở đời đều cùng lúc ở trên, ở dưới, ở bên trái, ở bên phải và ở giữa. Trên-dưới, phải-trái, trước-sau hay ở giữa đều chỉ là một vị trí tương đối và tùy theo góc độ và nhãn kiến của chủ thể và đối tượng. Tất cả đều hỗ tương, liên hệ, tương thuộc lẫn nhau. Không có vị trí tối thượng, tối hảo, cố định nào dành riêng cho ai. Mọi người đều bình đẳng trong sự sinh ra, bệnh tật, già yếu và chết đi; mọi người đều bình đẳng trong máu lệ (chết và khổ đau). (*)

Điều quan trọng là sống và chết như thế nào trong hành trình trăm năm đi qua trần gian này.

Không cần vay mượn triết lý của các tôn giáo, chủ nghĩa, học thuyết từng dẫn dắt con người từ mấy ngàn năm qua. Chỉ cần tự quan sát kinh nghiệm bản thân trong giao tiếp, ứng xử với đồng loại.

Sống hòa với người mới có hạnh phúc.

Ngoại trừ muốn ẩn dật trong rừng thẳm núi cao, còn như sống với gia đình, xã hội thì phải sống hòa. Nhưng vào rừng, lên núi ẩn cư mà bất hòa với thiên nhiên và muôn thú thì cũng không thể hạnh phúc.

Hạnh phúc an vui chỉ có được nếu biết sống hòa với người khác. Vợ chồng hòa hợp sẽ hạnh phúc. Cha-con, mẹ-con hòa hợp, sẽ hạnh phúc. Hàng xóm láng giềng hòa hợp sẽ hạnh phúc. Chủ nhân và nhân viên hòa hợp sẽ hạnh phúc. Xã hội hòa hợp sẽ hạnh phúc.

Nhưng làm thế nào để hòa được với kẻ khác? – Đơn giản là hãy tự làm mờ nhạt mình đi, đừng tô đậm cái tôi của mình trước kẻ khác. Vì lòng thương, vì mong mọi hạnh phúc an vui đến với người khác mà quên mình đi; đừng cho mình là quan trọng, cao quý, còn kẻ khác là phụ thuộc, thấp hèn.

Lòng tự tôn, tự đại và nỗ lực tiến thân bất chấp mọi thủ đoạn có thể dẫn người ta đến một chóp đỉnh vinh quang nào đó,

nhưng con đường ấy thường là con đường gập ghềnh, khúc khuỷu, nhiều gian nan, đau khổ cho tự thân, và hẳn nhiên là gieo rắc khổ đau cho nhiều người khác.

Tự cao, tự mãn là mầm mống tạo mâu thuẫn, xung đột. Người tự cao tự mãn đi đâu, đến đâu cũng bị người ghét và xa lánh; trong khi người biết nhường nhịn và tha thứ, chia sẻ và cho đi, mới hòa được với người, gần gũi được với người.

Một lần đến, một lần đi, qua cuộc sống mong manh ngắn ngủi này, hãy như suối tìm về nơi thấp nhất, như sông chảy về biển cả, như mưa rơi xuống rừng sâu, cánh đồng, núi cao, thung lũng và sa mạc. Hòa, tan.

(*) Ý này từ câu "Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn như nhau," được cho là của Đức Phật; thường được trích dẫn một cách phổ thông trong các sách vở của Phật giáo Việt Nam, nhưng nguồn gốc từ kinh nào thì người viết chưa tìm ra được. Trong Chương 43, sách *Đường Xưa Mây Trắng* của Thiền sư Nhất Hạnh có kể giai thoại Đức Phật độ cho Sunita xuất gia, tựa của chương này là

"Máu ai cũng đỏ, nước mắt ai cũng mặn." Câu chuyện Sunita thì được tìm thấy trong Trưởng Lão Tăng Kê, Chương XII, Phẩm Mười Hai Kê, do HT. Thích Minh Châu dịch, không thấy câu nói về bình đẳng giai cấp hay hình ảnh máu và nước mắt. Nhưng tư tưởng về bình đẳng thì được thể hiện qua sự thu nhận người xuất gia làm đệ tử Phật một cách cởi mở, không phân biệt thành phần xã hội, cũng như pháp Lục Hòa được áp dụng trong sinh hoạt Tăng đoàn; còn ý tưởng phủ nhận giai cấp, dòng dõi, nơi sinh của hàng tự cho là "thượng tầng" trong xã hội Ấn-độ thời Phật thì được tìm thấy trong Kinh Pháp Cú, Phẩm Bà-la-môn, Câu 376, bản dịch và chú thích của HT. Thích Thiện Siêu, như sau: "*Chẳng phải vì bện tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà-la-môn; nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt Chánh pháp, đó là kẻ Bà-la-môn hạnh phúc.*" (Chú thích số 205 của dịch giả: "*Bà-la-môn (Brahmana) ở đây là tiếng chỉ chung người hành đạo thanh tịnh, chứ không phải như nghĩa thông thường chỉ riêng về giai cấp đạo sĩ Bà-la-môn.*")



Photo: StockSnap (Pixabay.com)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

ĐIỀU ÂM lược dịch

NEPAL: Cột trụ A Dục Vương tại Lâm Tì Ni cần được bảo tồn

Lâm Tì Ni, Nepal - Cột trụ A Dục Vương, một cổ vật lịch sử và khảo cổ quan trọng có một dòng chữ đề cập đến sự đàn sinh của Đức Phật, đã dần xấu đi trong vài năm qua.

Nhóm chuyên gia của Constantino Meucci, nhà tư vấn và bảo tồn đá của UNESCO, đã thực hiện một nghiên cứu chi tiết về cột trụ này từ năm 2013 đến 2016 và nộp báo cáo về nghiên cứu của họ.

Đây là cột trụ được Vua A Dục của Ấn Độ dựng vào năm 249 trước Công nguyên.

Các chuyên gia cho rằng việc tén đồ đặt tiền xu và các vật phẩm cúng dường khác như nhang, sữa hoặc dầu dưới chân trụ trong một thời gian dài khiến cột trụ này mất màu, biến dạng và yếu đi.

Ông Meucci còn nghĩ rằng nước từ cái ao cũng có thể ảnh hưởng đến đoạn 13 feet 8 inches được chôn dưới đất của cột trụ.

Trong báo cáo của mình, vị giáo sư người Ý khuyến nghị các biện pháp phòng ngừa cần thực hiện để bảo tồn cột trụ này.

(tipitaka.net - February 15, 2019)

THÁI LAN: 5 người thuộc dân tộc Shan nhận giải thưởng của Thái Lan về cống hiến cho Phật giáo

Ngày 13-2-2019, năm người dân tộc Shan (ở Miến Điện) đã được Hiệp hội Phật giáo Thái Lan chọn cho giải thưởng đạo đức, là một sự tôn vinh các nhà sư hoặc người thế tục đã thể hiện các đạo lý của Phật giáo.

Lễ trao giải diễn ra tại hội trường Buddha Munthung ở tỉnh Nakhon Phathom, Thái Lan. Hàng trăm người từ 30 quốc gia đã được chọn cho vòng trao giải này.

Sư trưởng Sao Nawkham La Dhamma Sami, một người nhận giải đến từ trường Đại học Phật giáo ở thủ phủ Taunggyi của bang Shan, Miến Điện, nói rằng giải thưởng được trao cho những người đã cố gắng truyền bá Phật giáo và làm tình nguyện viên trong công tác xã hội, giáo dục, chính trị và kinh tế.

(tipitaka.net - February 15, 2019)



Buổi trao giải thưởng đạo đức của Phật giáo Thái Lan để tôn vinh các nhà sư hoặc người thế tục đã thể hiện các đạo lý của Phật giáo

Photo: Shan Herald

PAKISTAN: Tỉnh Khyber Pakhtunkhwa (KP) phân bổ 500 triệu rupees cho việc bảo tồn các di tích Phật giáo

Ngày 14-2-2019, ông Atif Khan, Bộ trưởng Du lịch và

Văn hóa tỉnh KP cho biết chính quyền tỉnh đã phân bổ 500 triệu rupees để bảo tồn các di tích Phật giáo trong tỉnh.

Nói chuyện với phái đoàn của Cục Phát triển Quốc tế (DFID) Pakistan tại văn phòng của mình, ông Atif Khan cho biết chính quyền tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp để quảng bá du lịch, và đó là một phần của các bước để bảo tồn các di tích Phật giáo nhằm thu hút tín đồ đến với Đức Phật.

Ông Atif nói rằng 20 điểm du lịch mới đã được xác định trong tỉnh, và công việc phát triển sẽ sớm bắt đầu để tạo điều kiện cho du khách đến các địa điểm này. Ông nói thêm rằng cả chính phủ liên bang và chính quyền tỉnh đều cam kết thúc đẩy du lịch như một ngành công nghiệp.

(Pakistan Observer - February 15, 2019)



Ông Atif Khan, Bộ trưởng Du lịch và Văn hóa tỉnh KP
Photo: Google

CỘNG HÒA BURYATIA (Liên bang Nga): Bức họa Đức Phật lớn nhất ở Nga

Bức họa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lớn nhất ở liên bang Nga có thể được nhìn thấy tại nước cộng hòa Buryatia. Cao 33 mét, bức họa nói trên được miêu tả trên Đá Bayan-



Cột trụ A Dục Vương tại Lâm Tì Ni, Nepal—Photo: tipitaka.net

Khongor gần làng Bayan Gol ở Quận Khorinsky.

Hình ảnh của Đức Phật Thích Ca được tạo tác có mức tác động tối thiểu đến môi trường tự nhiên. Họa phẩm không hoàn toàn được chạm khắc; chỉ có lớp đá trên cùng được gỡ bỏ để thể hiện các đường viền của hình ảnh.

Sau khi hoàn thành bức họa vào năm 2016, vùng này đã trở thành một trung tâm nổi tiếng đối với du khách và người hành hương.

Đá Bayan-Khongor được xem là một nơi linh thiêng của người Buryat ở Khorinsky kể từ thời xa xưa. Người dân làng Bayan Gol tập trung tại vách đá linh thiêng này 2 lần một năm.

(Buddhistdoor Global – February 16, 2019)



*Bức họa Đức Phật Thích Ca trên Đá Bayan-Khongor, nước cộng hòa Buryatia
Photos: Buddhistdoor Global*



NAM HÀN: Tổng thống Moon Jae-in: "Các chuyến tham quan và ở lại chùa trên Núi Kumgang sẽ là dự án kinh tế đầu tiên với miền Bắc"

Ngày 18-2-2018, trong cuộc gặp với các vị lãnh đạo của 7 nhóm tôn giáo lớn nhất tại Nam Hàn và Bộ trưởng Bộ Văn hóa Do Jong-hwan tại Nhà Xanh ở Seoul, Tổng thống Moon Jae-in nói rằng chương trình bị đình chỉ đến Núi Kumgang ở Bắc Hàn có thể sẽ là dự án liên-Triều đầu

tiên được nối lại sau khi 2 nước tái khởi động sự hợp tác kinh tế trong thời kỳ hậu-cấm vận.

Tháng trước, Phật phái Tào Khê của Nam Hàn thông báo ý định khảo sát kỹ các lựa chọn cho việc ở lại qua đêm tại Chùa Singye trên Núi Kumgang.

Tổng thống Moon ủng hộ sáng kiến này và hy vọng chính phủ Nam Hàn sẽ giúp Tông phái Tào Khê đàm phán kế hoạch này với Bình Nhưỡng, vì chương trình ở lại chùa có thể mở đường cho các tour du lịch khác đến Núi Kumgang.

Chùa Singye trên Núi Kumgang thường được đề cập như một điển hình về hợp tác liên-Triều. Ngôi chùa này đã bị phá hủy trong Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), và sau đó được xây dựng lại và tu sửa theo một dự án chung với sự giúp đỡ của cộng đồng Phật giáo Nam Hàn sau hội nghị thượng đỉnh liên-Triều lần đầu tiên vào năm 2000.

(Buddhistdoor Global – February 19, 2019)



Tổng thống Moon Jae-in, (đứng giữa), cùng các nhà lãnh đạo của bảy nhóm tôn giáo lớn nhất ở Nam Hàn và Bộ trưởng Văn hóa Do Jong-hwan tại Nhà Xanh ở Seoul vào ngày 18-2-2019

Photo: koreajoongangdaily.com



Tượng Phật bị hư hại một phần và tảng đá khắc hiệp ước hòa bình cổ xưa tại Tịnh xá Sangamuwa (Tích Lan)



*Vách đá Chonson trên Núi Kumgang, Bắc Hàn
Photo: koreakonsult.com*

TÍCH LAN: Phế tích lịch sử tại Tịnh xá Sangamuwa cần sự quan tâm của nhà nước

Các di tích lịch sử tại Đại Tịnh xá Sangamuwa Raja ở khu Udabulathgama sẽ bị mất vĩnh viễn đối với Tích Lan trừ khi Bộ Khảo cổ học tiến hành các bước để bảo tồn những tài sản quốc gia vô giá này.

Những kẻ săn tìm kho báu đã làm hỏng một tượng Phật trong tịnh xá, và các bức tường tại đây có những vết nứt trong khi các bức bích họa thì bị hủy hoại.

Trong tịnh xá còn có tảng đá được khắc một hiệp ước hòa bình do Parakramabahu Đại đế và Gajabahu Đế Nhị ký kết cách đây 866 năm. Hai vị vua đã ký hiệp ước này để mang lại hòa bình và hòa hợp giữa 2 vương quốc khi một cuộc nội chiến nổ ra vào năm 1153. Bản khắc hiện nay chỉ còn 14 dòng.

Sư trưởng Tịnh xá là Hòa thượng Aluthgama Mangala Thera cho biết hiệp ước này là hiệp ước hòa bình được khắc lên đá đầu tiên trên thế giới.

(Tipitaka Network – February 26, 2019)

NHẬT BẢN: Chùa Kodaiji ở Kyoto ra mắt robot Quan Âm

Ngày 23-2-2019, trong nỗ lực tiếp cận các thế hệ trẻ Nhật Bản, Chùa Kodaiji ở Kyoto đã ra mắt robot Quan Âm để truyền đạt những giáo lý của Đức Phật.

Robot Quan Âm được phát triển với chi phí 100 triệu Yen, dự kiến sẽ bắt đầu thuyết giảng trước công chúng vào tháng 3. Robot này là một dự án chung giữa Thiền tự Kadaiji và Hiroshi Ishiguro, giáo sư về robot thông minh tại Đại học Osaka.

Cao 77 inches và nặng 132 pounds, robot Quan Âm có thể chuyển động thân mình, cánh tay và đầu, nhưng chỉ có bàn tay, mặt và vai bọc bằng silicon được thiết kế trông giống da người. Ở mắt trái của robot này có cài đặt một máy quay video.



Robot Quan Âm



Photo: The Telegraph & Getty Images

Robot Quan Âm được lập trình (theo hệ điều hành An-

droid) để cung cấp các bài giảng từ Tâm Kinh bằng tiếng Nhật, với các phiên bản được dịch sang Anh ngữ và Hoa ngữ chiếu lên một màn hình dành cho du khách nước ngoài.

(The Telegraph - February 25, 2019)

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma xếp hạng ba trong 100 người lãnh đạo tinh thần có ảnh hưởng nhất của Tạp chí Watkins

Đức Đạt lai Lạt ma xếp hạng ba trong danh sách 'Những người còn sống có ảnh hưởng nhất về tinh thần' năm 2019 của Tạp chí Watkins. Vị lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng này là người thường xuyên trong top 3 của danh sách nói trên trong những năm qua.

Danh sách năm 2019 của tạp chí Anh Quốc Watkins có trụ sở tại Luân Đôn đã xếp hạng Đức Đạt lai Lạt ma thứ 3, sau Giáo hoàng Francis và nữ hoàng truyền thông Hoa Kỳ Oprah Winfrey.

Danh sách năm 2019 của Watkins còn có các nhân vật Phật giáo khác như đạo sư tâm linh-tác giả Thích Nhất Hạnh, nữ tu Phật giáo-tác giả Pema Chodron và cựu tăng sĩ-chuyên gia Robert Thuman.

(Phayul - February 26, 2019)



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Phayul*

CỘNG HÒA TUVA (Liên bang Nga): Bảo tàng Quốc gia Tuva tổ chức triển lãm các di tích Phật giáo

Một cuộc triển lãm có tựa đề Di tích Linh thiêng đã được tổ chức từ ngày 22-1 đến 22-2-2019 tại Viện Bảo tàng Quốc gia Aldan-Maadyr (Sáu mươi Chiến binh) của Cộng hòa Tuva.

Trong số các hiện vật trưng bày, Bảo tàng có một bộ sưu tập thường trực về Phật giáo. Các di tích linh thiêng này được tìm thấy vào năm 2009 bởi vị Lạt ma cao cấp Lobsan Chamzy của Nga trong quá trình phục hồi các bộ sưu tập của bảo tàng.

Lạt ma Chamzy được mời để hệ thống hóa các cuốn kinh và lập danh sách số cổ vật Phật giáo của bảo tàng. Ông và các nhà sư khác đã trải qua 7 tháng lau chùi và sắp xếp bộ sưu tập này với sự trợ giúp của nhân viên bảo tàng và tình nguyện viên. Trong đầu của một trong số các tượng Phật, họ phát hiện có chứa các di tích linh thiêng gồm tro cốt, tóc, đất và quần áo của các vị thầy Phật giáo.

(Home:Buddhistdoor Global - February 26, 2019)



*Quang cảnh lễ khai mạc triển lãm Di tích Linh thiêng tại Viện Bảo tàng Quốc gia Aldan-Maadyr (Cộng hòa Tuva)
Photos: facebook.com & museum.tuva.ru*

PAKISTAN: Hàn Quốc cung cấp thiết bị để bảo tồn di sản Phật giáo của Pakistan

Islamabad, Pakistan – Như một phần của các nỗ lực hợp tác, chính phủ Hàn Quốc đã cung cấp thiết bị bảo tồn để xử lý và bảo quản các di sản của Pakistan, nhất là các mẫu vật nghệ thuật Phật giáo – vốn được phát hiện từ những di tích khảo cổ của các khu bảo tồn Phật giáo ở khu vực Gandhara cổ đại.

Các thiết bị này có giá 50,000 USD, bao gồm hệ thống kiểm soát môi trường cho các viện bảo tàng, thiết bị để làm sạch và bảo tồn cổ vật.

Đại sứ Hàn Quốc đã bàn giao các thiết bị cho các quan chức hữu trách của Pakistan tại Bảo tàng Islamabad vào ngày 15-2-2019.

(Tipitaka Network – February 26-28, 2019)



Một thánh địa Phật giáo tại Pakistan

Photo: tribune.com.pk

CAM BỐT: Chư tăng và các nhà hoạt động tổ chức nghi lễ Phật giáo để bảo vệ rừng Prey Lang

Một nhóm các nhà hoạt động lâm nghiệp cùng với các nhà sư đã tổ chức một nghi lễ Phật giáo vào hạ tuần tháng 2-2019, với hy vọng bảo vệ khu rừng Prey Lang ở đồng bằng trung bộ của Cam Bốt.

Rừng này đã bị tàn phá bởi nạn phá rừng do khai thác trái phép, với phần lớn gỗ bất hợp pháp được buôn lậu ra nước ngoài.

Trong buổi lễ, chư tăng và các nhà hoạt động đã quấn vải y màu vàng của Phật giáo quanh các cây rừng với niềm

tin rằng những người khai thác gỗ, có thể là những Phật tử, sẽ nghĩ hai lần về việc đốn hạ cây cối được quấn vải y truyền thống này. Những người tham gia buổi lễ nói trên cho biết họ thấy nhiều cây lớn đã bị đốn hạ.

(Big News Network – March 1, 2019)



Chư tăng và các nhà hoạt động tổ chức nghi lễ Phật giáo để bảo vệ rừng Prey Lang—Photo: RFA

NHẬT BẢN: Thiên sư Takaoka cung cấp nơi trú ngụ cho tất cả những người đến Nhật Bản

Tại thành phố Nagoya ở miền trung nước Nhật, Thiên sư 75 tuổi Shucho Takaoka đã biến ngôi chùa Tokurin-ji của ông thành một nơi trú ngụ cho những người thất cơ lỡ vận.

Dưới sự chỉ đạo của sư Takaoka, trong khi cũng phục vụ như một trung tâm cộng đồng cho các cá nhân và cư dân địa phương cùng chí hướng, chùa Tokurin-ji (thuộc thiên phái Phật giáo Soto) cung cấp một nơi tạm trú cho những người có nhu cầu, bao gồm người tị nạn, người tìm nơi trú ngụ, nạn nhân của bạo lực gia đình, và thậm chí cả sinh viên.

Hầu hết các hoạt động của nhà chùa được tài trợ bởi sự quyên góp từ cộng đồng địa phương, nhưng sư Takaoka nói ông cố gắng bảo đảm rằng có càng nhiều tiền càng tốt để giúp đỡ những người cần giúp đỡ. "Tôi đã tự cải tạo mái chùa để tiết kiệm tiền, vì vậy tôi hy vọng họ sẽ thứ lỗi cho tôi", ông nói. "Tôi chỉ muốn giúp đỡ những người gặp khó khăn thôi", ông nhấn mạnh một cách đơn giản.

(Buddhistdoor Global – March 3, 2019)



Thiên sư Takaoka uống trà cùng một vị khách người Nigeria tại chùa Tokurin-ji, Nagoya (Nhật Bản)

Photo: japantimes.co.jp

TRUNG QUỐC: Chính quyền Trung Quốc phá hủy tượng Quan Âm khắc trên vách đá

Hà Bắc, Trung Quốc - Ngày 2-3-2019, pho tượng Bồ tát Quan Âm cao 57.9 mét đã bị chính quyền Trung Quốc kích nổ thành một đồng đá vụn. Trước khi bị phá hủy, pho tượng được đục khắc từ một vách đá này đã nổi bật là tượng Phật Quan Âm khắc đá cao nhất thế giới.

Tượng này được tạo tác trong Khu Thặng cảnh Sinh thái Wuwushui, nơi được bảo vệ ở tỉnh Hà Bắc.

Được xây dựng với kinh phí 2,539,000 usd, và trong 2 năm ngắn ngủi, pho tượng nói trên đã thu hút hơn 10,000 du khách mỗi ngày.

Lệnh xóa sổ tượng Quan Âm ở Hà Bắc xuất phát trực tiếp từ chính quyền trung ương Trung Quốc, một nguồn tin cho biết. "Trên khắp đất nước, mọi người đã bị cấm thờ cúng hoặc cúng dường các tượng Phật".

(Taiwan News – March 4, 2019)



Tượng Phật Quan Âm khắc trên vách đá trước và sau khi bị phá hủy tại Hà Bắc, Trung Quốc—Photos: Bitter Winter



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM CHÁNH VĂN PHÒNG

704 East "E" Street, Ontario, CA 91764 – U.S.A. – Tel & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL. 2563 - 2019

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Cùng với hàng trăm triệu người con Phật trên khắp thế giới đang hoan hỷ đón mừng ngày Đản Sinh lần thứ 2643 của đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vọng hường về thánh địa Lâm Tỳ Ni nơi Đức Bồ Tát thị hiện ra đời thành tâm cúi đầu đánh lễ và xưng tụng đại nguyện độ sinh cạo cả của Đấng Thiên Nhân Sư.

Khi Bồ Tát Hộ Minh từ Cung Trời Đâu Suất bước xuống nhân gian để thành tựu thế nguyện tự giác và giác tha, Ngài đã gửi đi cho nhân loại một thông điệp hàm chứa hai điều khai thị hy hữu chưa từng có trong lịch sử loài người. Đó là, đóa sen Phật tánh thanh khiết chỉ được nở hoa viên mãn nơi ao tù bùn lầy ô nhiễm của thế gian, và việc thành tựu giác ngộ tối thượng để giải thoát khổ đau rốt ráo là khả tính mà tất cả mọi chúng sinh đều có thể làm được.

Từ ý nghĩa thông điệp mà đức Phật đã khai thị đó, chúng ta nghiệm chứng được rằng dù thế gian này dấy dấy bất an và khổ lụy vẫn là nơi có nhiều thuận duyên nhất để con người thành tựu đại nguyện giác ngộ và giải khổ cho mình và tất cả chúng sinh. Chúng ta chiêm nghiệm rằng không có khổ thì sẽ không có động lực thôi thúc con người đi tìm sự diệt khổ; không có vô minh phiền não thì sẽ không có cơ hội để con người tìm ra ánh sáng trí tuệ để liễu giải bản chất của các pháp chỉ là duyên sinh vô tự tánh.

Vì thế, người con Phật nên rõ ràng rằng không đâu khác ngoài ngay nơi cõi đời uế trước này mà lập nguyện thành Phật để độ mình và tha nhân. Do vậy, tịnh Phật quốc độ hay xây dựng nhân gian thành cõi Phật là bản nguyện của người Phật tử.

Kinh Duy Ma dạy rằng, "*Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh,*" tùy tâm thanh tịnh mà cõi Phật thanh tịnh. Mọi pháp đều do tâm sinh. Cho nên, khi tâm rộng lặng thì các pháp tịch lặng. Đây chính là Phật độ, là tịnh độ.

Bởi vậy, Phật Giáo lấy việc tu tập Giới-Định-Tuệ để rửa sạch ba nghiệp, thấu rõ nguồn tâm làm chất liệu xây dựng cõi Phật tại nhân gian. Khi thân tâm trong sạch thì ở đâu cũng là đạo tràng thanh tịnh có thể độ người vượt thoát biển mê. Khi thân tâm cấu nhiễm thì xây lâu đài điện các nguy nga cũng chỉ là tù ngục giam hãm người trong ba cõi sáu đường.

Gội rửa ba nghiệp, làm sạch thân tâm cũng là phương thức kiến hiệu nhất để người con Phật góp phần vào việc xây dựng xã hội an lạc, hòa bình và thịnh vượng. Khi thân tâm con người trong sạch tự khắc sẽ giúp chuyển hóa tham lam, thù hận và si mê cho nhân quần xã hội. Ngày nào mầm mống của tham, sân và si còn tồn tại trong mỗi cá nhân con người hay trong cộng đồng xã hội thì ngày đó vẫn còn những bất an, khủng hoảng, chiến tranh và đau khổ.

Tổ chức Đại Lễ Đản Sinh của Đức Phật, không chỉ xung tụng ân đức hóa độ cao dày của Ngài là đủ. Mỗi người con Phật chúng ta cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để quảng bá sâu rộng Giáo Pháp có năng lực như thuốc thần chữa lành mọi căn bệnh khổ não của chúng sinh. Trong đó trước hết chính mỗi người chúng ta phải tự mình thực nghiệm và minh chứng về hiệu quả vi diệu của Phật Pháp.

Trong hoàn cảnh xã hội đầy bất an, khủng hoảng và tai ương hiện nay, Giáo Pháp giác ngộ và giải thoát của Đức Phật lại càng cần thiết hơn bao giờ hết trong việc góp phần xây dựng cuộc sống an lạc cho từng cá nhân, và đóng góp hữu hiệu vào việc hóa giải những bạo tàn, thù hận và bất công trong xã hội.

Đây mới chính là tòa nhà Phật Pháp cao cả và lợi lạc vô biên mà tất cả người con Phật nên tâm tâm niệm niệm tạo dựng mọi lúc, mọi nơi, chứ không phải là những điện đài lầu các nguy nga tráng lệ bằng vật chất không thể trụ vững trước cơn lốc vô thường biến dịch của cuộc đời.

Làm được như vậy, chúng ta mới có thể báo đáp trong muôn một công ơn xuất thế của Đức Thế Tôn khi thị hiện ra đời để cứu khổ vạn loại chúng sinh.

Trong niềm hoan hỷ vô hạn của mùa Phật Đản Sinh, thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK, kính chúc chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni pháp lạc vô biên, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử Bồ Đề Tâm bất thoái, thân tâm thường an lạc.

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản Sinh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

California, ngày 10 tháng 3 năm 2019 - Phật Lịch 2563

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng



Sa Môn Thích Thắng Hoan



NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

PHỤ BẢN 1

Phần phụ bản thứ nhất là ghi lại những tài liệu có quan hệ đến Kinh Pháp Hoa để giúp chúng ta rộng đường hiểu biết. Những tài liệu này là những bài học rất cần thiết cho kiến giải của chúng ta nếu như muốn tham cứu chiều sâu rộng của Kinh Pháp Hoa đã được Tông Thiên Thai phê phán và phân loại. Sự phê phán và phân loại của Tông Thiên Thai về nội dung của Kinh Pháp Hoa qua nhiều lãnh vực lý giải. Đây cũng là những tài liệu đáng giá cho chúng ta mở rộng tầm mắt trong việc nghiên cứu và tu tập. Tôi xin trích dịch ra đây để cống hiến quý độc giả hành trì Kinh Pháp Hoa tiện việc tham khảo.

Còn phụ bản thứ hai là biên soạn tài liệu về xuất xứ và lịch sử phiên dịch về Kinh Pháp Hoa để chúng ta thấy được tầm giá trị của bộ kinh này qua chiều dài lịch sử truyền bá mà đã được các giới học giả đông tây cổ kim lưu tâm. Những tài liệu này cũng là một dữ kiện có tính cách văn học nhằm đem lại cho chúng ta hiểu thêm trình độ kiến giải của các nhà phiên dịch qua những tác phẩm của họ lưu truyền. Tôi xin ghi lại hầu cống hiến quý độc giả tiện việc tham khảo.

I.- PHÁP HOA NHỊ DIỆU

(Rút ra trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa)

1/- Tương đãi diệu

2/- Tuyệt đãi diệu

Chữ *Diệu* nghĩa là sự màu nhiệm không thể

nghĩ bàn. Chữ *Diệu* ở đây không phải là tâm tư của các Bồ Tát, ngôn ngữ cũng không thể luận bàn đến. Theo ý chánh của Kinh Pháp Hoa, chữ

Diệu gồm có hai nghĩa là khai huyền và hiển thật.

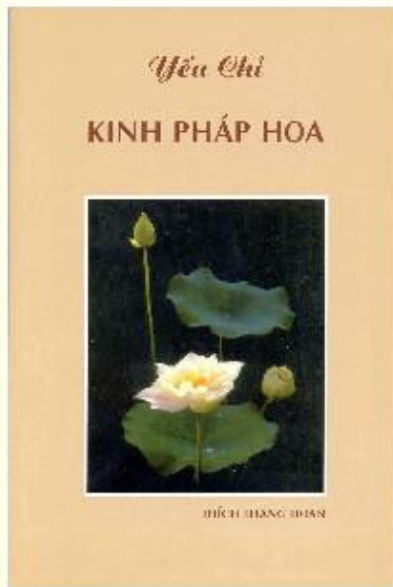
Khai Huyền Hiển Thật: Khai là phát, là mở ra. Giáo pháp của ba thừa, Thỉnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thì thuộc về Huyền. Hiển là lộ diện, là hiện bày. Giáo lý giáo pháp của Phật Thừa thì thuộc về Phật. Phật nói Kinh Pháp Hoa chính là khai huyền ba thừa để hiển bày chân thật nhất thừa. Khai Huyền là thuộc về Tương Đãi Diệu và Hiển Thật là thuộc về Tuyệt Đãi Diệu.

1- Tương Đãi Diệu: Đãi tức là đối đãi, do kia trông đợi nơi đây gọi là đãi. Tương tức là hình tướng của kia và đây hỗ tương với nhau nên gọi là tương. Tương Đãi Diệu, nghĩa là pháp thô tương đối nói trước để hiển bày pháp diệu tuyệt đối nói sau.

Theo Kinh Pháp Hoa, hình tướng thuyết pháp bốn thời ba giáo nói

trước là thuộc về pháp thô và hình tướng thuyết Kinh Pháp Hoa nói sau là thuộc về pháp diệu. Về phương diện Khai Huyền, nghĩa thứ nhất của chữ *Diệu* là, đợi bốn thời đầy đủ tuyệt đối rồi sau đó mới nói Kinh Pháp Hoa nên gọi khai huyền và cũng gọi là Tương Đãi Luận. Tương Đãi Luận nghĩa là luận bàn những pháp thuộc tương đối. Theo Kinh Pháp Hoa, Tương Đãi Luận là trong khi hiển bày Kinh Pháp Hoa trước hết bốn thời và ba giáo phải được mở bày xong. Kinh nói rằng: "*Cõi Phật trong mười phương chỉ có pháp nhất thừa.*" Kinh lại nói tiếp: "*Rõ biết các pháp Thanh Văn, Pháp Hoa là vua của các kinh.*"

Bốn thời là: thời Pháp Hoa, Thời Lộc Uyển,





thời Phương Đăng và thời Bát Nhã. Ba Giáo là: Tạng Giáo (Giáo lý của Tiểu Thừa), Thông Giáo (Giáo lý thông cả Tiểu Thừa và Đại Thừa) và Biệt Giáo (Giáo lý đặc biệt của Đại Thừa).

2- Tuyệt Đãi Diệu: nghĩa là các pháp thô ở trước đã dứt hẳn, hình tướng đối đãi lại không còn nữa, nghĩa là huyền ba thừa của Pháp Hoa đã mở xong thì ngay lúc đó chân thật của Phật Thừa đã ẩn tàng, ngoài thật không có huyền và ngoài huyền không có thật, thật tức là huyền, huyền tức là thật, nên gọi là **tuyệt đãi diệu**.

II.- PHÁP HOA TAM CHU ĐẶNG THỌ KÝ LÀM PHẬT

(Rút ra trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 10)

A.- ĐỊNH NGHĨA:

a- Tam Chu, nghĩa là đủ hạng:

b- Pháp Hoa Tam Chu, nghĩa là đức Phật thuyết pháp Kinh Pháp Hoa để độ ba hạng Thánh Văn có căn cơ lanh lợi và đản độn, có khả năng giác ngộ trước và sau.

Đối với hàng Thánh Văn, đức Phật căn cứ vào ba hạng trình độ là Thượng Căn, Trung Căn và Hạ Căn thuyết Kinh Pháp Hoa để thọ ký cho họ làm Phật. Do đó lối thuyết pháp này của Phật được gọi là Pháp Hoa Tam Chu Đặng Thọ Ký Làm Phật.

B.- NỘI DUNG THUYẾT PHÁP:

Về phần Tích Môn, đức Phật thuyết Kinh Pháp Hoa để thọ ký cho ba hạng Thánh Văn thành Phật như sau:

1.- Hạng nói pháp:

Đối với một mình ngài Xá Lợi Phất là hạng thượng căn, đức Phật nói thẳng lý chân thật của Diệu Pháp khiến cho ngài ngộ được Nhứt Thừa. Đây là cách thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất để được làm Phật. Lối thuyết pháp này của đức

Phật có liên quan đến phẩm Phương Tiện và phẩm Thí Dụ ở trước.

2. Hạng nói dụ:

Đối với hạng trung căn gồm bốn vị trong nhóm ngài Đại Ca Diếp (bậc Thượng Toạ), Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên và Đại Mục Kiền Liên (Duy Na), đức Phật nói thí dụ ba xe, nghĩa là lúc đầu huyền biết hứa bố thí cho ba xe và sau đó hiển bày chân thật chỉ có một xe lớn để khiến cho họ nhận đó ngộ được Nhứt Thừa, vì hạng này đối với pháp Nhứt Thừa đã nói ở trên đều không giác ngộ. Đây là cách thọ ký cho nhóm này để được làm Phật. Lối thuyết pháp này của đức Phật có liên quan đến bốn phẩm: phẩm Thí Dụ, phẩm Tín Giải, phẩm Dược Thảo và phẩm Thọ Ký.

3.- Hạng nói nhân duyên:

Ngoài ra hạng Thánh Văn thuộc hạ căn đối với hai hạng Pháp và Dụ đã trình bày ở trên đều không thể thông suốt. Hạng hạ căn này gồm có:

a- Ngũ Bách Đệ Tử: Phú Lâu Na, Kiều Trần Như, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Đà Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà, Ly Bà Đa, Chu Đà Sa Đà Đà v.v... tất cả là 500 vị.

b- Hạng Thọ Học Vô Học: A Nan (Thị Giả cho Phật), La Hầu La và 2,000 người thuộc hạng Hữu Học cũng như hạng Vô Học. Trong đây có Đề Bà Đạt Đa.

c- Hạng Khuyến Khích Thọ Trì: Ba Xà Ba Đề Tì Kheo Ni Di Mẫu của Phật. Da Du Đà La mẹ của ngài La Hầu La và 6,000 Tỷ Kheo Ni hữu học và vô học.

Đối với những hạng Thánh Văn hạ căn ở trên, đức Phật liền nói ở Nhân Duyên kiếp trước của ngài khi ngài được đức Phật Đại Thông Trí Thắng trao truyền hạt giống Nhứt Thừa cho nên ngày nay mới được chứng quả Bồ Đề khiến cho họ vào được đạo Nhứt Thừa. Đây là cách thọ ký cho những hạng này được vào đạo Nhứt Thừa. Lối thuyết pháp này của đức Phật có liên quan đến các phẩm như: phẩm Hóa Thành Dụ, phẩm Ngũ Bách Thọ Ký v.v...

(còn tiếp)



BÀI MINH NÓI VỀ HẠNH NGUYỆN CỦA THIÊN SƯ MẬT KHẾ

Điều ngự tử Tín Nghĩa sưu khảo

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Lời người sưu khảo: *Thiên sư Mật Khế là vị đệ tử lớn của Tổ Giác Tiên, khai sơn Trúc Lâm Đại Thánh tự tại cố đô Huế. Tất cả hạnh nguyện của Ngài đã có đủ trong bài Ký và bài Minh do cụ Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám phụng soạn và được Hòa thượng Thích Giác Nhiên, đương kim Chứng minh Đại Đạo sư cho Hội An Nam Phật Học duyệt. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi muốn nói thêm rằng: Thiên sư Mật Khế là Tăng sĩ trẻ duy nhất tại Cố đô Huế trực tiếp làm Giáo sư cho hàng hàng lớp Tăng Ni miền Trung tự học tại trường Phật học Vạn Phước, là một vị phóng viên tài ba đã từng cùng với Pháp sư Trí Độ đi khắp miền Trung từ Quảng Ngãi ra đến Quảng trị để lấy tin tức Phật giáo về để làm báo chí. Thiên sư cũng là vị Giảng sư trẻ tuổi nhất được Đức Từ Cung Đoàn Huy Hoàng Thái Hậu mời vào cung đình để giảng dạy Di Đà Sớ Sao cho Hoàng tộc và quan lại của triều đình; cũng là vị Tăng trẻ được Hội An Nam Phật Học trực tiếp xây tháp phụng thờ Ngài Tổ Đình Trúc Lâm. (Quý vị muốn rõ thêm chi tiết xin mời đọc cuộc đời và Hành trạng của Ngài trong cuốn Trúc Lâm Thiên Phái Tại Huế, của tác giả Tín Nghĩa hay Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang)*

* * *

Dưới đây là toàn văn bài Bia và bài Minh vừa chữ Nho, vừa phiên âm và dịch nghĩa. Có phần phóng ảnh phần chữ Nho để quý vị thông Nho đọc khỏi nghi ngờ. Kính đa tạ - Tín Nghĩa.

**Sắc Tứ Trúc Lâm Đường Thượng Tì
Kheo Tâm Địa Mật Khế Sung Phật Học Hội
Giảng Sư Chí Minh (Văn bia ngài Mật Khế)
Hòa thượng Giác Nhiên duyệt - Tâm
Minh Lê Đình Thám soạn.**

Chữ Nho:

勅賜竹林大聖寺當上比丘心地密契充
佛學會講師誌銘。

密深微妙法
契機方便說



THIÊN SƯ MẬT KHẾ
(1904—1935)

了悟宗旨時
法法何曾說。

如是妙法，離言說相，離名字相，不垢不淨，不斷不常，本自無生，應有感，悟微斯旨，其唯佛學會，講師釋密契乎！講法名心地，號密契，承天府，香水縣，神符社，黎族人也。

Phiên âm:

**Sắc tứ Trúc Lâm Đại Thánh tự đường
thượng Tỳ kheo Tâm Địa Mật Khế sung**

**Phật Học hội Giảng sư chí minh,
Mật thâm vi diệu pháp,
Khế cơ phương tiện thuyết,
Liễu ngộ tông chỉ thời,
Pháp pháp hà tăng thuyết.
Như thị diệu pháp, ly ngôn thuyết
tướng, ly danh tự tướng, bất cấu bất tịnh,
bất đoạn bất thường, bốn tự vô sanh, ninh
ứng hữu cảm, ngộ vi tư chỉ, kỳ duy Phật
học hội Giảng sư Thích Mật Khế hồ! Giảng
sư pháp danh Tâm Địa, hiệu Mật Khế.
Thừa Thiên phủ, Hương Thủy huyện, Thần
Phù xã, Lê tộc nhơn dã.**

Dịch nghĩa:

Bài Ký và bài Minh nói về hành trạng của Giảng sư hội An Nam Phật Học là Tỷ kheo pháp danh Tâm Địa, pháp tự Thích Mật Khế, huynh trưởng chùa Sắc tứ Trúc Lâm Đại Thánh – Huế.

*Pháp vi diệu thâm mật,
Khế cơ phương tiện thuyết,
Liễu triết diệu chỉ ấy,
Pháp pháp thường như vậy.*

Không thể dùng ngôn ngữ văn tự để nói lên được, buộc lòng người ta tạm nói là "ly ngôn thuyết tướng." Pháp tự nó là nó, nó không là gì hết, song đầu óc của con người lại gán cho nó một tên gọi. Tên gọi ấy chẳng phải là tự thân của pháp, vì thế ở vào lãnh vực tối vi diệu, nơi đây buộc lòng người ta phải nói: "ly danh tự tướng." Nó bất cấu, bất tịnh, chẳng phải đoạn diệt, chẳng phải thường còn. Pháp vốn vô sanh. Ai là người thiết sự am hiểu một cách tường tận về diệu nghĩa ấy? Duy chỉ có Giảng sư của hội An Nam Phật Học Thích Mật Khế!

Giảng sư dòng họ Lê, sanh quán tại làng Thần Phù, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, xuất gia có pháp danh thượng Tâm hạ Địa, pháp tự Thích Mật Khế.

Chữ Nho:

色座如幻，何妨地異繁花，名相本空，豈論耶非權貴，常生智慧，英名早播于童年，深種善根，出家方界天九歲，因緣非淺，受訓度於竹林寺覺先證明大師，戒律精通，進圓具於西天寺心淨堂頭和尚，利生大願，得少寧許求安，弘法深心，遍處參學斯道，幾度在天與十塔，開悟於字裏行間，有時而順化廣南，敷演於沙門居士。

Phiên âm:

**Sắc tòa như huyễn, hà phương địa dị
phồn hoa, danh tướng bốn không, khởi
luận da phi quyền quý, thường sanh trí
tuệ, anh danh tạo bá vu đồng niên, thâm
chúng thiện căn, xuất gia phương giới
thiên cứu tuệ, nhơn duyên phi thiện, thọ
huấn độ ư Trúc Lâm tự Giác Tiên Chứng
minh đại sư, giới luật tinh thông, tân viên
cụ ư Tây Thiên tự Tâm Tịnh đường đầu
Hòa Thượng, lợi sanh đại nguyện, đắc**

**thiểu ninh hứa cầu an, hoằng pháp thâm
tâm, biến xứ tham học tư đạo, kỳ độ tại
Thiên Hưng Thập Tháp, khai ngộ ư tự lý
hành gian, hữu thời nhi Thuận Hóa Quảng
Nam, phu diễn ư Sa môn cư sĩ.**

Dịch nghĩa:

Cõi sắc tướng như tuồng huyễn mộng, sao còn đất lạ mới phồn hoa. Danh tướng xưa nay vốn không, sao còn luận bàn không nhà quyền quý. Tự tâm thường sanh trí tuệ, tiếng tốt thuở còn đồng niên. Đã khéo trồng thiện căn, xuất trần ngày lên chín (9 tuổi). Nhờ nhơn duyên sâu dày, sớm thọ huấn với lão Hòa Thượng Giác Tiên, khai sơn Trúc Lâm Đại Thánh tự, đồng thời là sáng lập viên, là Chứng minh Đạo sư của Hội An Nam Phật Học.

Tự thân của Giảng sư, giới luật trình bạch, kiên trì và tinh thông. Giảng sư được thọ cụ túc giới với Đại lão Hòa Thượng Tâm Tịnh khai sơn chùa Tây Thiên.

Chỉ nguyện lớn lúc nào cũng hướng đến lợi sanh, dù việc nhỏ cũng hứa khả yên lòng, chí hoằng pháp sâu sắc, lại diệu với, tự thân bốn ba khắp mọi nẻo trong chốn Thiên môn, với dụng tâm tìm sâu vào ý đạo. Có những chuỗi ngày học đạo với ngài Tuệ Pháp chùa Thiên Hưng, rồi lại mấy lần cất bước vân du tham học với ngài Đại lão Hòa Thượng Phước Huệ tại chùa Thập Tháp xứ Quy Ninh (nay là tỉnh Bình Định). Từ đó, tâm trí ngày càng sáng lên qua cầu kinh bài kệ và bắt nguồn từ Kinh Luận ấy, ngấm ngấm hướng dẫn Giảng sư có một cuộc sống vô cùng nhàn hạ!

Đã có những lúc đến Thuận Hóa, cũng có những lần về lại Quảng Nam, tuyên dương đạo mầu, trước chư vị đại Sa môn, trước muôn ngàn cư sĩ mến mộ.

Chữ Nho:

學半功倍逆知深厚宿根，詞易義明，何止貫通教藏，毘尼嚴淨，行解相應，般若圓融，理事無礙，佛學會多番說法，聖眾傾心，萬福寺一年講經，山門生色。甲戌秋，講師奉慈宮端徽皇太后旨召，開講彌陀疏鈔，闡明唯心樂國，顯如來之覺不覺，伏自涅槃。

Phiên âm:

**Học bán công bội nghịch tri thâm hậu
túc căn, từ dị nghĩa minh, hà chí quán
thông giáo tạng, Tỳ ni nghiêm tịnh, hạnh
giải tương ứng, Bát nhã viên dung, lý sự vô
ngại, Phật học hội đa phiên thuyết pháp,
thánh chúng khuyh tâm, Vạn Phước tự
nhất niên giảng kinh, sơn môn sanh sắc.
Giáp Tuất thu, giảng sư phụng Từ Cung
Đoan Huy Hoàng Thái Hậu chỉ triệu, khai
giảng Di Đà Sở Sao, xiển minh duy tâm Lạc
quốc, hiển Như Lai chi giác bất giác, phục
tự niết bàn.**

Dịch nghĩa:

Với giảng sư dụng tâm về việc học, dù mới một nửa công phu, song nhờ vào thiện căn

thông tuệ; nên mức độ nhận thức am tường, thấu hiểu vô cùng thâm hậu, nói năng giản dị song nghĩa lý sâu sắc, thấu suốt tận nguồn Pháp tạng. Tỳ ni, Oai nghi giới luật tuần hành cẩn trọng. Do vậy, biểu lộ vào cuộc sống hằng ngày, người ta thấy nơi con người Giảng sư hạnh và giải lúc nào cũng tương quan ảnh hiện mà không hề trái chống. Bất nhã trí ngài đã nhập diệu, cho nên với Ngài lý vô ngại, mà sự cũng vô ngại. Tại Hội trường của Hội An Nam Phật Học, Thầy đã tăng giảng thuyết, khiến cho người nghe phải dốc lòng mến mộ. Tại chùa Vạn Phước, Thầy đã giảng Kinh và dạy Luật cho cả một thể hệ Tăng Ni tham học khắp sơn môn chốn kinh thành Hương giang Ngự lãnh. Nhờ vậy, Ngài đã khơi dòng trí tuệ tận nội tâm cho một lớp người phát túc siêu phượng.

Mùa thu năm Giáp Tuất, Thầy được Từ Cung Đoàn Huy Hoàng Thái Hậu cung thỉnh vào nội cung thuyết giảng về bộ kinh A Di Đà Sở Sao. Dịp ấy, Thầy đã khéo sử dụng ngôn ngữ văn tự làm cho vua quan nghe giảng đều thấu hiểu diệu lý "Duy tâm Tịnh Độ." Đồng thời cũng bắt nguồn từ đó, mọi học viên đều hiểu "N hư Lai tạng tâm" là cảnh giới sau khi hành giả đã quán triệt phương diện bất giác của nội tâm (giác bất giác). Thiệt sự thấu hiểu tường tận như vậy, gọi là đã tự đặt mình vào cảnh giới của Niết bàn.

Chữ Nho:

示陀那後之真非真，圓成妙有，幻心幻境，稱性即空，不去不來，守屍奚益。保大十年，講師年方三十一歲，病中得法於本師覺先偈曰：

心地光含法性圓
西來大意顯南天
豁然直徹曹溪路
免在玲俚五十年。
乃於此年佛慶誕日卯時圓寂。

噫！佛法難起如此其極世界，不乏飯粥增壽命，何獨短於我講師釋密契哉。

Phiên âm:

Thị đà na hậu chi chơn phi chơn, viên thành diệu hữu, huyền tâm huyền cảnh, xứng tánh tức không, bất khứ bất lai, thủ thị hề ích! Bảo Đại thập niên, giảng sư niên phượng tam thập nhất tuệ, bình trung đặc pháp ư Bồn sư Giác Tiên kệ viết:

**Tâm địa quang hàm pháp tánh viên,
Tây lai đại ý hiển Nam thiên,
Khoát nhiên trực triệt Tào Khê lộ,
Miễn tại linh đình ngũ thập niên.**

**Nãi ư thử niên Phật khánh đản nhật
Mão thời viên tịch. Y! Phật Pháp nan khởi
nhị thử ký cực thể giới, bất pháp phạm
chúc tăng thọ mạng, hà độc đoản ư ngã
giảng sư Thích Mật Khế tại!**

Dịch nghĩa:

Tối hậu của nội tâm giác ngộ là am hiểu tường tận về cảnh giới "Đà Na vi tế thức." Cảnh giới ấy là chơn mà cũng là "phi chơn." Và cũng bắt nguồn từ đây, tự nó viên thành tính diệu hữu. Hành giả có được mức độ nhận thức đến như thế rồi, lập tức tận chiều sâu nội tâm thấy "Tâm là huyền mà cảnh cũng là huyền." Bấy giờ tận chơn tâm (xứng tánh) mới thiết sự am hiểu tường tận về cảnh giới "tức không." Cảnh giới "tức không" ấy xưa nay vẫn là "vô sở tung lai, diệc vô sở khứ" (bất khứ bất lai). Qua đó cho ta thấy, "khăng khăng ôm giữ có được ích gì."

Niên hiệu Bảo Đại năm thứ 10, Giảng sư vừa tròn 31 tuổi. Trong cơn bệnh, Ngài lại đặc pháp với Bồn sư là Giác Tiên lão Hòa Thượng. Kệ rằng:

*Tâm địa sáng ra pháp diệu tâm,
Tây lai Tổ ý rọi trời Nam,
Bồng nhiên hội ngộ Tào Khê lộ,
Thôi khỏi bận lòng mấy chục năm.*

Vào giờ Mão ngày Khánh đản đức Bồn sư năm ấy, Giảng sư viên tịch.

Ồi! Có phải chăng đây là thời kỳ Phật pháp khó bề hưng thịnh? Ai là người ở vào lúc tận cùng thế giới mù khơi không thiếu thọ mạng, sao mà riêng chỉ có Thích Mật Khế, Giảng sư của Hội An Nam Phật Học, thọ mạng lại ngắn ngủi như vậy!

Chữ Nho:

嗚呼！講師戒德純真，慧根絕世，平常日用，不離自性彌陀，無意語言，都是大乘妙旨，開示法界性，第一義重得，宣揚堅固菩提心，佛學會賴成立。雖示樂邦有願，蓮池自在化生，可憐忍土慈悲願切護法心欣嘆，

世間之空虛念，衆生之眼目得，命余記講師法施功德以最未來。余不量力受有此舉述其行狀庶之系，以銘曰：

Phiên âm:

**Ô hô! Giảng sư giới đức thuần chơn tuệ
căn tuyệt thể, bình thường nhật dụng, bất
ly tự tánh Di Đà, vô ý ngữ ngôn, đồ thị Đại
thừa diệu chí, khai thị pháp giới tánh, đệ
nhất nghĩa trung đặc, tuyên dương kiên cố
Bồ đề tâm, Phật học hội lại dĩ thành lập.
Tuy thị Lạc bang hữu nguyện, liên tri tự tại
hóa sanh, khả lân nhân độ diệu duyên.
Đàm hoa hà thần tái đồ. Phật học hội đồng
nhơn từ bi nguyện thiết hộ pháp tâm hân
thán, thể gian chi không hư niệm, chúng
sanh chi nhân mục đặc. Mạng dự ký giảng
sư pháp thí công đức dĩ tối vị lai. Dư bất
lượng lực hữu thử cử thuật ký hành trạng
thứ chi hệ, dĩ minh viết:**

Dịch nghĩa:

Ồ hay! Giới đức của Giảng sư thuần bề chân chánh. Tuệ nhãn của Giảng sư tuyệt thể vô luân. Sinh hoạt bình thường vẫn không rời

Di Đà tự tánh. Vô ý xuất ngôn vẫn trọn ý nghĩa Đại thừa diệu chỉ. Pháp tánh đệ nhất nghĩa luôn luôn được Giảng sư tuyên dương, khiến cho Bồ đề tâm càng thêm kiên cố. Hội An Nam Phật Học nhờ đó mà được thành tựu.

Tuy cũng cố ước nguyện thác sanh vào ao sen giải thoát ở quán Tây bang Cực lạc, song cũng phải thương tình cho tính nhân nại nơi quốc độ diệu duyên này, chẳng biết ngày nào hoa Ưu Đàm mới có duyên tái ngộ!

Mọi người ở Hội An Nam Phật Học đồng khởi từ bi tâm, nhất niệm nguyện khắc cốt ghi tâm, dù hoàn cảnh nào cũng hoan hỷ hộ trì chánh pháp. Song, không sao tránh khỏi bi tâm mà rằng: Công đức pháp trí của Giảng sư Thích Mật Khế, đối với nhiều thế hệ là vô lượng vô biên, không sao nói lên hết được; vì rằng pháp trí là nhân mục của mọi người. Thế nên nay đây, tôi đã không tự lượng sức mình, chỉ sơ lược một bài ký như trên và bài minh như sau:

Chữ Nho:

蘊身非有
心性本空
於斯究竟
宗通說通。
有大醫師
知見圓融
施靈妙藥。
哀愍衆生
受三途苦
豁破迷雲
普施法雨。

Phiên âm:

**Uẩn thân phi hữu,
Tâm tánh bản không,
Ư tư cứu cánh,
Tông thông thuyết thông.
Hữu đại y sư,
Tri kiến viên dung,
Thí linh diệu dược,
Liệu bị quần mông.
Ai mẫu chúng sanh,
Thọ tam đồ khổ,
Khoát phá mê vân,
Phổ thí pháp vũ.**

Dịch nghĩa:

Thân ngũ uẩn chẳng thường,
Tâm diệu hạnh chơn không,
Cứu cánh diệu lý này,
Tông thông thuyết cũng thông.
Y vương bậc Đại sư,
Tri kiến tợ thái hư,
Tìm thuốc cứu thế nhơn,
Độ khổ hiện lẽ chơn.
Vì thương thương chúng sanh,
Thọ nhận Tam đồ khổ,



Tổ đình Trúc Lâm, Huế

Vẩy áo vệt mây mờ,
Bỉ ngạn đưa đến bờ.

Chữ Nho:

契理契機
開示未悟
功德昭彰
湛然常住。

保大十年，乙亥七月佛歡喜日，佛學會證明大導師覺然和尚閱。佛學會副會長心明黎廷探和南奉僕。

學會敬立。

Phiên âm:

**Khế lý khế cơ,
Khai thị vị ngộ,
Công đức chiếu chương,
Trạm nhiên thường trú.**

Bảo Đại thập niên, At Hợi thất nguyệt Phật hoan hỷ nhật. Phật học hội Chứng minh Đại đạo sư Giác Nhiên Hòa Thượng duyệt.

Phật học hội Phó Hội trưởng Tâm Minh Lê Đình Thám hòa nam phụng soạn. Phật học hội kính lập.

Dịch nghĩa:

Vì khế lý khế cơ,
Mở bày kẻ chưa ngộ,
Công đức rạng ngàn thu,
Vẳng bất nơi thường trú.

Bia dựng vào triều Bảo Đại thứ 10, năm Ất Hợi, tháng bảy ngày Phật hoan hỷ.

Chứng minh Đại đạo sư Hội An Nam Phật Học, Hòa Thượng Giác Nhiên duyệt.

Phó Hội trưởng Hội An Nam Phật Học Tâm Minh Lê Đình Thám cẩn soạn.

Hội An Nam Phật Học bái lập.

CỘI SĀLA HUYỀN THOẠI

SAMĀDHIPUÑÑO ĐỊNH PHÚC

Mời đọc và xem hình đầy đủ nơi nguồn:

<https://spunno.wordpress.com/2017/04/29/coi-sala-huyen-thoai/>

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Tháng Tư lại về, người con Phật háo hức đón chào một mùa Phật lịch[1] mới. Rằm tháng Tư là một trong những lễ hội Phật giáo quan trọng và có ý nghĩa vô cùng đặc biệt với hàng đệ tử Phật. Vì chính vào ngày này, Thái tử Siddhattha ra đời nơi ngự uyển Lumbini của hai dòng tộc nội ngoại. Rồi sau ba mươi lăm năm sau, cũng vào ngày trăng tròn tháng Tư, Bồ-tát Gotama chứng đắc Tam minh[2] và đạt thành quả Chánh đẳng chánh giác (Sammāsambuddha) dưới cội cây Assattha[3], trở thành vị Giác ngộ vĩ đại của toàn cõi nhân thiên. Năm tám mươi tuổi, sau bốn mươi lăm năm hoằng pháp độ sanh, đức Thế Tôn Gotama đã viên tịch Níp-bàn tại khu rừng của tộc Mallā ở Kusinārā. Suốt tám mươi năm, Thế Tôn đã cống hiến toàn bộ cuộc đời mình để đem hương vị bất tử, vị ngọt của giải thoát đến cho nhân thiên, những chúng sanh hữu duyên được giác ngộ. Nói về cuộc đời của đức Phật thì không thể bút nào, truyện nào hoặc bộ phim kinh điển nào có thể diễn tả hết được ân đức vĩ đại của một bậc vĩ nhân như Ngài.

Rằm tháng Tư lại về, những tín đồ Phật giáo lại đón chào đại lễ Tam hợp để kỷ niệm ba sự kiện lớn và tưởng nhớ đến ân đức của đức Phật. Vào những dịp này, chúng ta đến các chùa, sẽ rất dễ thấy, nếu không nói là đã quá phổ biến, hình ảnh hoàng hậu Māyā đứng vịn cội cây và Bồ-tát đản sanh ra khi ấy liền đi bầy bước với bài kệ "Thiên thượng thiên hạ..." bất hủ. Hoặc là hình ảnh đức Thế Tôn viên tịch Níp-bàn dưới tàn song long thọ chẳng hạn. Có thể nói, toàn bộ cuộc đời của Thế Tôn, Ngài luôn gắn bó với hình ảnh của thiên nhiên, rừng núi, cội cây mà thôi. Đã có nhiều cội cây được ghi danh vào trong kinh điển nhưng nếu mà nói thì cội Sāla chỉ đứng thứ nhì, sau cội Bồ-đề mà thôi, về sức ảnh hưởng lớn trong Phật giáo. Trong ba sự kiện của đại lễ Tam hợp thì đã có hai sự kiện liên quan đến cây Sāla, chỉ duy nhất sự kiện Bồ-tát thành đạo là dưới cội Bồ-đề mà thôi. Chính vì thế, bài viết hôm nay xin được đề cập đến cội Sāla huyền thoại này.

Trong Trường Bộ Kinh[4], đức Phật đã

giảng về một số phương pháp thông thường khi một vị đại Bồ-tát đản sanh khác với một phàm phu bình thường, tức loài người chúng ta. Chẳng những đức Phật Cồ-đàm (Gotama) trong thời hiện tại mà chư Phật trong quá khứ như đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassī), đức Phật Thi-khí (Sikhī), đức Phật Tỳ-xá-bà (Vesabhū), đức Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha), đức Phật Câu-nà-hàm (Konāgamana), đức Phật Ca-diếp (Kassapa)... cũng có một số hiện tượng siêu xuất giống nhau khi các Ngài vừa giáng sanh ra khỏi bào thai của các thân mẫu. Các phương cách đản sanh của chư Phật đều giống nhau như sự xuất hiện của các Ngài giữa thế gian này đã cảm ứng đến thế giới chư thiên và các loài khác; các Ngài đều giáng sanh dưới gốc cây giữa thiên nhiên bao la; các Ngài đều từ hông mẹ bước ra và tuyên bố các Ngài là bậc tối thượng trong tam giới; các Ngài đều có hảo tướng với ba mươi tướng tốt và tám mươi tướng phụ và thông điệp của các Ngài ở đời là cứu khổ cho chúng sanh. Đức Phật diễn tả cụ thể phương pháp đản sanh của chư Phật trong quá khứ và hiện tại qua hình ảnh đầy màu sắc của Bồ-tát Tỳ-bà-thi và thân mẫu của Ngài.





Phần Nidānakathā[5] (Thuyết Duyên Luận) mở đầu của Chú giải Chuyện tiền thân Jātaka-aṭṭhakathā được xem như là một bài nghiên cứu đề cập khá chi tiết về lịch sử cuộc đời của đức Phật trong hệ thống Tam tạng kinh điển Pāli ghi lại rằng: Hoàng hậu Mahāmāyā ngự đến một cây Sāla có thân to, đầy hoa đang nở rộ. Khi đứng đưa cánh tay phải lên, thì cành cây tự nhiên sà xuống, bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế dáng đứng rất đẹp và rất vững vàng. Liền lúc ấy, hoàng hậu trở dạ, các cung nữ lập tức che màn xung quanh nơi đang đứng[6]; khi ấy, đức Bồ-tát cao quý đản sinh ra đời khỏi lòng hoàng hậu Mahāmāyā một cách nhẹ nhàng, thành thoi với bàn chân phải bước xuống trước, ví như một vị pháp sư rời khỏi pháp tòa. Khi ấy, là vào ngày thứ sáu, ngày trăng tròn tháng Vesākha (nhằm ngày rằm tháng Tư) năm 623 trước tây lịch, đúng mười tháng trụ thai trong lòng mẹ.

Như đã nói, cũng vào ngày trăng tròn tháng Tư, khi Thế Tôn được tám mươi tuổi thọ, chuyển hành trình cuối cùng của Ngài, Thế Tôn đã viên tịch Níp bàn dưới hai cội Sāla trong rừng ở Kusinārā. Kinh điển ghi lại rằng: đức Thế Tôn lên đường qua bờ bên kia sông Hiraññavatī, đến ở Kusinārā – Upavatama – rừng Sāla của dòng họ Mallā. Khi Phật và các vị Tỳ-khưu đến rừng cây sāla thì trời đã xế chiều. Thế Tôn bảo Đại đức Ānanda:

– Này Ānanda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sāla. Này Ānanda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

Đại đức Ānanda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sāla. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông

bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

Lúc bấy giờ, cây sāla trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Những thiên hoa Maṇḍārava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài, nhạc trời trên hư không trổ dây để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Rồi Như Lai nói với Đại đức Ānanda:

– Này Ānanda, các cây sāla song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Maṇḍārava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bột trời chiên-đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trổ dây để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai. Nhưng, này Ānanda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ānanda, nếu có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ānanda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. [7]



Một hình tượng cây đi vào huyền thoại như thế đó mà có lẽ một điều vô cùng đáng tiếc là rất nhiều, có thể nói là đa số, những người con Phật chúng ta đều bị nhầm lẫn và vẫn muốn được nhầm lẫn chứ không chịu thay đổi. Đó chính là cây sālā huyền thoại mà chúng tôi đang nói đến. Đa số những hình ảnh chúng ta trưng bày về việc đàn sanh và viên tịch đều sử dụng hình cây sālā "fake" chứ thật ra không phải là cây sālā kinh điển nói đến.

Cây sālā fake ấy tên thật là cây đầu lân, còn gọi là ngọc kỳ lân, hàm rồng; tên khoa học là *Couroupita Guianensis*. Loại cây này phổ biến trong khu rừng nhiệt đới, đặc biệt là ở lưu vực sông Amazon. Nó có nguồn gốc ở Guyana (Nam Mỹ). Ngày nay cây này có thể tìm thấy ở Ấn Độ, miền nam dãy núi Hy Mã Lạp, và về sau được trồng nhiều nơi ở Nam Á và Đông Nam Á. Cây đầu lân là một loại cây thân gỗ, cây có thể cao tới 30-35m. Hoa ra từ thân cây, suốt từ gốc lên, chùm hoa dài ra liên tục có thể tới 3m. Quả lớn tròn to đường kính quả 15-24 cm, có 200-300 hạt trong một quả. Quả cây đầu lân có tính kháng sinh, kháng nấm, sát khuẩn và có tác dụng giảm đau. Cây được sử dụng để chữa bệnh cảm lạnh và đau dạ dày. Nước uống làm từ các lá được sử dụng để chữa bệnh da, và Shamans (ở Nam Mỹ) đã được sử dụng ngay cả bộ phận của cây để điều trị bệnh sốt rét. Bên trong quả có thể khử trùng vết thương và lá non chữa đau răng. Tuy nhiên, tại Sri Lanka, Thái Lan và một số quốc gia Phật giáo khác thì cây sālā thường bị nhầm lẫn với cây đầu lân này, cũng như với cây vô ưu (*Saraca asoca* hoặc cây Asoka). Do đó, tại các chùa chiền cũng thường trồng cây ngọc kỳ lân, đầu lân hay hàm rồng. Một sự hiểu lầm thật đáng tiếc là như vậy. Minh đem một loại cây không liên quan đến đức Phật để gán ghép cho nó thành một huyền thoại thì không đáng như vậy đâu.

Nếu ai đã từng hành hương về xứ Phật,

đến dâng lễ nơi Thánh tích Kusinārā, địa điểm đức Phật đã viên tịch Níp-bàn thì sẽ thấy được những cây sālā của Ấn Độ như thế nào. Khắc hoàn toàn với cây đầu lân sālā fake nhé. Cây sālā chính hiệu tên thật là *Shorea Robusta*, là một loài cây gỗ trong họ Dipterocarpaceae. Đây là một loại cây ở Ấn Độ, vùng miền nam dãy núi Hy Mã Lạp. Về sau sālā được trồng nhiều nơi ở Nam Á và Đông Nam Á, và ngày nay là một loại cây được trồng để cung cấp gỗ.

Trong kinh điển, cây sālā được gọi theo phiên âm là cây ta-la và có thể tìm kiếm trong một số bài kinh hoặc chú giải. Ví dụ như là đức Phật từng lấy ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Rồi thấy một cây sālā lớn, cao, thẳng, còn tươi, không có lỗi lõm. Người đó đốn cây, tía cành lá và làm cho thân cây trơn tru và gọt đều với con dao, bào cho sạch thân cây ấy. Sau đó, người ấy đem cây ấy xuống sông để vượt qua sông. Chắc chắn rằng thân cây ấy không thể giúp người ấy vượt qua sông được vì người đó không biết cách đèo thuyền, chỉ đèo bên ngoài chứ không đèo bên trong để tạo thành chiếc thuyền.[8]

Hoặc là trong kinh Ví dụ cái chừa, đức Phật sử dụng cây sālā để thuyết giảng cho chư Tỳ-khưu như sau:

Chư Tỳ-kheo, cũng như gần một thôn làng hay thị trấn nhỏ, có ngôi rừng cây sālā lớn, ngôi rừng bị các cây leo y lan bao phủ. Có một người đến khu rừng này, muốn lợi ích cho ngôi rừng, muốn hạnh phúc, muốn an ổn khỏi các ách phược cho ngôi rừng. Người ấy chặt đứt các nhánh cây cong thiếu hẳn sinh lực, vất chúng ra khỏi ngôi rừng, dọn dẹp trong rừng sạch sẽ. Người ấy săn sóc kỹ lưỡng các nhánh cây tala thẳng thẳng, khéo mọc. Chư Tỳ-kheo, sau một thời gian, ngôi rừng như vậy được trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các Người hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các Người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. [9]

Kinh pháp cú, đức Phật cũng từng thuyết rằng:

Yassa accan-ta-dussil-yam, māluvā sālā-mi-vottha-tam;

Karoti so tathattānam, yathā nam icchatī diso.

Ví như dây leo māluva trùm lên cây sālā, người có giới tội tệ quá mức tạo ra cho bản thân điều mà kẻ thù mong muốn gây ra cho người ấy. [10]

Trong một kiếp nọ, Bồ-tát từng được sanh làm một vị thọ thần ở rừng cây sālā. Khi ấy, thiên vương Vessavaṇa vừa được Thiên chủ Sakka đưa lên ngôi nên thiên vương cho phép các thần cây tự chọn trú xứ cho mình. Thần cây Bồ-Tát khuyên bà con mình chọn trú xứ xung quanh trú xứ của mình để tạo nên một khóm rừng. Nhưng có một số chọn những cây



mọc một mình giữa khoảng trống. Khi có một cơn giông thổi qua rừng thì những cây trơ trọi một mình bị trốc gốc, còn cây đứng thành nhóm không bị hề hấn gì. Do đó mới nói là sức mạnh của sự đoàn kết là như vậy.[11]

Một thuở nọ, Licchavī Bhaddiya đến yết kiến và đàm đạo với đức Phật rồi nói với Thế Tôn rằng: các ngoại đạo đồn Thế Tôn là người biết được huyền thuật lõi cuốn những đệ tử ngoại đạo. Đức Thế Tôn đã giảng giải cho Licchavī Bhaddiya một bài pháp và kết luận rằng:

Này Bhaddiya, nếu thế giới cùng với chư Thiên, Māra, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy thời gian dài! Này Bhaddiya, nếu các cây sālā to lớn này được huyền thuật dụ dỗ này cám dỗ, để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả cây sālā to lớn này được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài nếu chúng có thể suy nghĩ được, còn nói gì với con người![12]

Rừng cây sālā có lẽ rất phổ biến vào ngày xưa, vì chúng ta có thể thấy cuộc đàm đạo của các vị Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa) và Tôn giả Ānanda. Chư vị gặp gỡ nhau vào đêm rằm trăng sáng, cây Sālā trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Từng vị, từng vị đưa ra quan kiến của mình về đức hạnh của một vị Tỳ-khưu như thế nào mới có thể được gọi là vị Tỳ-khưu có thể làm sáng chói khu rừng Gosīnga[13]. Loại cây có hương hoa này, đôi khi còn được dùng làm vật thực. Gia chủ Ugga đã từng nấu món cháo từ hoa cây sālā và cúng dường đến đức Thế Tôn[14]. Cho đến giờ, cây sālā vẫn là một nguồn thực vật cung cấp gỗ ở Ấn Độ. Tinh dầu từ hạt cây sālā được sử dụng cho đèn và chất nhựa của nó còn được sử dụng như một loại thuốc, hoặc để tạo mùi thơm và một loại nước

hoa gọi là dammar ở tiếng Hindi. Bơ làm từ Sālā được chiết xuất từ hạt, có thể được sử dụng thay thế ca-cao trong sản xuất Chocolate.

Như vậy, có thể nhận định rằng, cây đầu rồng không thể là cây sālā và chúng ta cũng không nên nhầm lẫn giữa hai loại cây này vì chúng hoàn toàn là hai giống cây khác nhau. Cây sālā nở vào mùa nóng và lâu lâu mới có hoa, sự kiện cúng dường khi hoa nở ra để đón mừng Bồ-tát đản sanh và cúng dường đức Thế Tôn trước khi viên tịch thì rõ ràng sự kiện hoa nở là một dịp hiếm thấy. Ngược lại, cây đầu lân thì hoa quanh năm suốt tháng. Vì lẽ đó, chúng ta cần thay đổi cách nhìn của mình trong bao nhiêu năm qua. Sālā huyền thoại ngày ấy không bao giờ được nhầm lẫn với cây đầu lân mà bao nhiêu thế hệ truyền nhau cùng nhầm.

Về nguyên nhân vì sao? Có thể sự nhầm lẫn này bắt nguồn từ thế kỷ 17, khi người Bồ Đào Nha đem giống cây đầu lân từ Nam Mỹ trồng tại nhiều nơi ở đảo Sri Lanka. Từ đó, giống cây đầu lân được đem trồng tại nhiều chùa ở xứ đảo này, các chùa khác trong vùng Đông Nam Á, và các chùa ở Việt Nam cũng không ngoại lệ. Giống cây này trở nên phổ thông vì dễ trồng, lớn nhanh, thích hợp với khí hậu ẩm ướt miền nhiệt đới, và trở hoa có màu sắc hình thù đẹp mắt.

Bhik. Samāhipñño Định Phúc

Nguồn tham khảo:

- Hình ảnh từ Internet
- Website của Tỳ-khưu S.Dhammika (<http://sdhammika.blogspot.com>)
- Facebook của Dr. Bình Anson và website Phật giáo (<http://budsas.net/sala/index.htm>)

[1] Tính từ thời gian đức Phật viên tịch Níp-bàn. Nghĩa là ngày rằm tháng Tư thì Phật lịch sẽ bước sang một năm mới.

[2] Tam minh: Túc mạng minh (Pubbenivāsānussatiñāṇa), Thiên nhãn minh (Dibbacakkhuvijjā) và Lậu tận minh (Āsavakkhayañāṇa).

[3] Tên thật của cây Bồ-đề là Assattha, nhưng vì đức Bồ-tát đã đạt thành Phật quả dưới cội cây này nên sau đó cây assattha được gọi là cây Bồ-đề – Bodhirukkha.

[4] D.ii.14 (Mahāpadānasutta).

[5] JA.i.53

[6] “Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát” – D.ii.14 (Mahāpadānasutta).

[7] D.ii.136 (Mahāparinibbānasutta).

[8] A.ii.200 (Salhasutta).

[9] M.i.125 (Kakacūpamasutta).

[10] Dhp.162

[11] JA.i.328f (Rukkhadhammajātaka).

[12] A.ii.193 (Bhaddiyasutta).

[13] M.i.212 (Mahāgosīngasutta).

[14] A.iii.49 (Manāpadāyīsutta).

TÍNH THIÊN LIÊNG

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Những cuộc chiến tranh thế giới, bom nguyên tử, nạn diệt chủng, trái đất bị hư hoại, đời sống con người bị khủng hoảng vì không có hướng đi tinh thần, vì ma túy, vì tự do tình dục, vì bạo lực, khủng bố... tất cả đều vì con người đã đánh mất tính thiên liêng của chính mình, của thế giới, đồng loại, và như vậy cuộc đời đã biến thành sa mạc...

Những vấn nạn xã hội, suy cho thấu đáo đều bắt nguồn từ sự đánh mất tính thiên liêng, coi mọi sự là phàm tục, tầm thường trong tương giao với người khác, với thiên nhiên và với chính mình. Tai nạn giao thông luôn ở mức cao, phần nhiều do coi thường sinh mạng người khác, Nạn ma túy gia tăng, do coi thường thân tâm của mình. Sống chung trước hôn nhân và nạo phá thai cũng do coi thường thân tâm của mình, của người khác và của đứa con đáng lẽ phải được ra đời. Môi trường bị hư hoại, do thái độ coi thường thiên nhiên. Chúng ta có thể kể ra nhiều nữa những nguyên nhân và hậu quả xã hội tương tự như thế.

Nếu chỉ nói về thân chứ chưa nói về tâm của con người thì thân thể con người có 40 đến 60 ngàn tỷ tế bào, nghĩa là nhiều hơn 10 ngàn lần dân số thế giới hiện nay. Những tế bào này được cấu tạo bởi 6 triệu tỷ tỷ phân tử, nhiều hơn 60 lần tinh tú trong vũ trụ được biết đến cho tới bây giờ. Những phân tử lại được tạo thành từ một tỷ tỷ nguyên tử, tương đương với số tinh tú trong 10 ngàn vũ trụ như vũ trụ hiện thời của chúng ta. Nói tóm lại, đứng ở góc độ phân tử và nguyên tử, con người về mặt thể xác còn lớn hơn vũ trụ. Thế nên người xưa mới nói, một con người là một tiểu vũ trụ.

Chúng ta đã nghe những nhà thiên văn học kể rằng, khi nhìn vào vũ trụ và thấy

được các hành tinh, họ đều sửng sốt: không những vì số lượng quá lớn (hàng hà sa số), mà còn vì tính chất trật tự, điều hòa, phong phú và đẹp đẽ của chúng. Cho nên hầu như ai cũng có một cảm thức thiên liêng về vũ trụ. Ở bất cứ ngành nào, nơi đỉnh cao của nó, người ta đều có một cảm thức thiên liêng, một ước mơ vô thức về cái gì đó tuyệt đối trong ngành của mình. Một họa sĩ nếu không tin có một cái đẹp siêu việt vĩnh cửu mà mình đang dẫn

dẫn tiếp cận sẽ không sáng tác được.

Một nhà toán học nếu không tin có một trật tự thiên liêng nào đó, nói theo ngôn ngữ của Kant,

nói theo ngôn ngữ của Kant, một trật tự "siêu nghiệm,"

thì không còn hứng

thú theo đuổi toán

học. Và những nhà

chính trị trên khắp thế

giới, kể cả những tay

cơ hội chủ nghĩa, bao

giờ cũng viện dẫn đến

những yếu tố thiên

liêng: Tổ quốc, nhân

dân, tiến bộ... Nói về

điều mà chúng ta gọi là

tính thiên liêng ở đây,

Einstein phát biểu: "*Cái đẹp*

đề nhất mà chúng ta trải nghiệm

là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền

tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa

học chân chính. Người nào không biết đến nó,

không còn khả năng ngạc nhiên hay kinh ngạc,

người đó coi như đã chết, đã tắt ngọn lửa sống

trong mình" (Thế giới như tôi nhìn thấy, Ein-

stein, 1930).

Không những người ta luôn luôn hướng

đến cái thiên liêng, cái bí ẩn, cái Chân Thiện

Mỹ như người ta vẫn hình dung trong đầu, mà

người ta còn kính trọng, cho một người nào đó

những giá trị cao nhất, rằng người đó đã nắm

giữ phần nào cái bí ẩn, cái thiên liêng, cái siêu

việt. Do đó mà có những từ ngữ như: vĩ nhân,

vĩ đại, hiền nhân, thánh nhân... Chúng ta kính

mến Einstein, bởi vì ông đã biết được phần nào

cái bí ẩn của vũ trụ, và bởi vì nhân cách của

ông đối với thế giới. Chúng ta kính trọng Trần

Nhân Tông, bởi vì nhà vua có một phẩm



chất siêu việt, vượt khỏi con người bình thường trong nhiều lĩnh vực, trí tuệ, đạo đức tài năng, ý nguyện... Sự vượt khỏi con người bình thường này là sự hoàn thiện những tính cách, những khả năng tiềm ẩn trong con người bình thường của mình, thì người đó được xem là có tính thiêng liêng, một bậc Thánh.

Đạo Phật là con đường rộng rãi đưa con người đến chỗ hoàn thiện chính mình, và sự hoàn thiện này là một sự hoàn thiện hướng thượng. Ví dụ con người bình thường chúng ta đều xem một hành động hy sinh của một người vì một hy sinh cao cả (cứu người, giúp người vì sự tiến bộ của đất nước...) là thiêng liêng. Như vậy, một người theo hạnh Bồ tát hy sinh mình cho sự tiến bộ thân và tâm của rất nhiều người, hẳn người ấy phải có phẩm tính siêu việt, thiêng liêng.

Chỉ nói về một mặt, cái nhìn của đạo Phật về thế giới về con người, chúng ta thấy cái nhìn ấy mang tính thiêng liêng. Kinh Duy Ma Cát có đoạn:

"Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tôi thấy cái này toàn là gò đồng, hầm hố, gai góc, núi non sỏi đá, đầy những cái dơ bẩn xấu xa."

Loa Kế Phạm Vương trả lời: "Bồ tát đối với tất cả chúng sinh, thấy đều bình đẳng, Tâm sâu thẳm thanh tịnh, ý nơi trí tuệ Phật liền thấy cõi Phật này là thanh tịnh..."

Đức Phật nói: "Như vậy, Xá lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, liền thấy cõi đời này đầy đủ phẩm tính trang nghiêm."

Với tâm thanh tịnh, thế giới này trở lại nguyên trạng của nó là thanh tịnh trang nghiêm, kỳ diệu, bất khả tư nghì..., mà ở đây chúng ta gọi là thiêng liêng. Thiền sư Thiền Lão đời Lý, khi trả lời vua Lý Thái Tông, đã nói lên điều chứng nghiệm như sau:

*Trúc biếc, mai vàng đầu ngoại cảnh
Trắng trong, mây bạc lộ toàn chân.*

Với người khác cũng thế. Bồ Tát Thường Bất Khinh (một tiền thân của Phật Thích Ca) khi bị đám đồng chọc ghẹo, đánh đập, chửi rủa, đã nói với họ: *"Tôi không dám khinh thường các người, bởi vì các người sẽ thành Phật."* Việc này có thể hiểu sơ lược là: mỗi người đều có hạt giống Phật tánh mà khi triển khai ra, nó sẽ thành cái thiêng liêng tối hậu, và một người như vậy là một vị Phật.

Khi đã nhìn thấy thế giới và người khác trong thực tướng là thanh tịnh trang nghiêm, con người hết khát khao từng sự vật riêng biệt, hết khát khao và thù hận khi chạy theo ảo ảnh của mình. Trái lại con người càng khát khao bao nhiêu thì thế giới càng biến thành sa mạc bấy nhiêu. Khi con người hoàn thiện chính mình thì sẽ thấy thế giới và con người là thiêng liêng. Bước đầu căn bản của công cuộc thiêng liêng hóa này (mà thuật ngữ Phật giáo gọi là *trang nghiêm tịnh độ*) là sự tôn trọng : tôn trọng thế giới, tôn trọng con người và tôn trọng chính mình. Đây là ý

VÀO XUÂN

khép ngày

khép tháng

khép năm

ta về dọn một chỗ nằm mà vui

này em năm cũ khóc cười...

mai năm sẽ mới lại rồi đó em

này hoa chẳng bận sang hè

rũ lòng trừ tịch nở ven hàng rào

này thay áo mới đi nào

mai ta lại dắt em vào mùa xuân

mai năm sẽ mới lại rồi đó em

này hoa chẳng bận sang hè

rũ lòng trừ tịch nở ven hàng rào

này thay áo mới đi nào

mai ta lại dắt em vào mùa xuân

TRẦN THIÊN THỊ

nghĩa giới luật của đạo Phật.

Vào thế kỷ thứ XIX, Nietzsche đã nói một câu đầy tiên tri đối với thế giới *"Sa mạc đang lan dần."* Sa mạc là chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa toàn trị của vật chất trong chính trị, kinh tế và xã hội, và bây giờ về phương diện triết học, là chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại. Về mặt cụ thể, ai cũng thấy những cuộc chiến tranh thế giới, bom nguyên tử, nạn diệt chủng, trái đất bị hư hoại, đời sống con người bị khủng hoảng vì không có hướng đi tinh thần, vì ma túy, vì tự do tình dục, vì bạo lực khủng bố... Tất cả đều vì con người đã đánh mất tính thiêng liêng của chính mình, của thế giới, đồng loại, và như vậy cuộc đời đã biến thành sa mạc. Trong tình hình đó, một trong những chủ đề của chính đạo Phật là giúp đỡ con người phục hồi lại tính thiêng liêng của chính mình. Giúp con người khám phá lại tính thiêng liêng của chính mình, của thế giới và của nhân loại, đó là sứ mệnh thiêng liêng của đạo Phật trong thời hiện đại. Đạo Phật dễ dàng thâm nhập và phát triển ở Tây phương cũng vì nó đã làm được điều đó: trả lại, bằng lý thuyết và thực hành, tính thiêng liêng của con người của người khác và của thế giới.

VĂN HÓA ĐA DẠNG GIỮA LỄ PHẬT ĐẢN & GIÁNG SINH

TN. *Giới Hương*

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Lễ Phật đản và lễ Giáng sinh đều là những ngày lễ tôn giáo lớn nhất. Phật đản (rằm tháng tư) là lễ kỷ niệm ngày Đức Phật (người thành lập đạo Phật) đản sinh, trong khi Giáng sinh (ngày 25 tháng 12) là lễ kỷ niệm đức Chúa Jesus (người thành lập đạo Thiên Chúa) ra đời.

Nói đến Phật đản là nói đến lễ Tắm Phật. Lễ tắm Phật đã thấm sâu vào sinh hoạt tín ngưỡng của nhân gian, ngay cả người dân không theo đạo Phật cũng thích tới chùa để dự lễ Tắm Phật, chia nước tắm Phật để uống hay đem về nhà để tốt cho gia đình. Tục lệ này ngày nay còn được người Thái Lan tôn trọng qua lễ Songkran (hội té nước vào ngày 13-15/4) tạt nước vô người khác như lời cầu mong chúc phúc cho mọi người gội sạch được bụi bặm phiền não của cuộc đời, thân tâm được mát mẻ, an vui.

Vào ngày Phật đản, Tăng ni Phật tử đứng trước Đức Phật sơ sanh (Baby Buddha) thành tâm tụng bài kệ:



*Con nay rưới tắm các Như Lai
Trí sạch trang nghiêm công đức lớn
Chúng sanh năm trước rời cầu trần
Cùng chứng Như Lai tịnh pháp thân.*

*Trong thành Tỳ Gia chưa từng sinh
Giữa cây Sa La chưa từng diệt
Bất sinh bất diệt đức Cồ Đàm
Trong mắt nhìn xem càng thêm bớt.
Sáng nay là mồng tám tháng tư
Cung vua Tịnh Phạn sinh Tất Đạt
Chín vòng phun nước ngoài trời đến
Hoa sen đỡ bước theo đất mọc.*

An mâu ni, mâu ni, tam mâu ni, tát bà ha.

Bài kệ ý nói Như Lai vốn đã hiện hữu thường hằng, ngài chỉ giả thị hiện trên cõi đời, chứ thật ra ngài chưa từng sanh ở thành Ca Tỳ La Vệ và cũng chưa từng nhập diệt ở Sa La song thọ. Tuy vậy, hôm nay đẹp trời ngày rằm tháng 4, tăng ni Phật tử vẫn làm lễ tắm Phật để tưởng niệm Bậc Thánh Nhân xuất hiện mang thông điệp giải thoát cho đời. Múc gáo nước thơm tắm ngài chứ thật ra là để nhắc nhở chúng ta tắm rửa thân tâm của chính mình được trong sạch, không phiền não, sân hận, tham lam và nhờ đó mới có nhiều công đức và phước báu trang nghiêm vô thượng bồ đề. Đó là chân ý nghĩa của lễ Phật đản.

Lễ Giáng sinh còn gọi lễ Noel hay Christmas, một ngày lễ quốc tế kỷ niệm ngày Chúa Giêsu sinh ra đời. Theo tự điển online, chữ Christmas (*Christ* + *Mas*, viết tắt là Xmas) là phẩm vị cao thượng của Đức chúa trời Giêsu. *Mas* nói đủ là *Mass* (thánh lễ). *Christ* + *Mas* là thánh lễ của Chúa Giêsu ra đời. Thuật từ "Noel" có gốc Latinh, theo tiếng Pháp nghĩa là "(ngày) sinh", tức cũng đồng nghĩa là ngày sinh của Đức Chúa Giêsu Hải Đồng. Tác giả Mây Lang Thang trong bài thơ Giáng Sinh đã viết như sau:

*Mùa sao lại về giữa đêm đông
Thương về quê Mẹ quận đau lòng
Tuổi thơ gửi lại phương trời ấy
Mang sầu viễn xứ nhớ mênh mông.
Máng cỏ năm xưa lặng lẽ quy
Ngắm nhìn Con Chúa nét từ bi
Ước làm mục tử đêm đông ấy
Âp yêu sưởi ấm Chúa Hải Nhi.*

Ngày sưởi ấm Chúa Hải Nhi này là lễ tưởng niệm lớn, nên các nhà thờ, xóm đạo và



nhiều khu dân cư trang hoàng các lồng đèn ngôi sao ngũ sắc và có các hàng động với các tượng thánh mô tả cảnh Chúa Giesu chúa ra đời năm xưa. Ngày này là ngày nghỉ cộng đồng, nên gia đình bà con, bạn bè hay đi chơi xa hoặc thường tụ về một nơi, nhất là gia đình cha mẹ, quay quần dưới cây sa pin (cây thông Noel) để ăn uống, chia vui và tặng quà cho nhau. Hình ảnh chúa hài đồng, cây thông hình tháp nhấp nháy những ánh đèn màu lung linh và ông già Noel mặc bộ đồ đỏ xen lẫn trắng, tay xách những gói quà thắt nơ xinh xinh, cuội xe tuần lộc đi từng nhà tặng quà cho các trẻ cũng đã thấm sâu vào sinh hoạt tín ngưỡng của nhân gian từ lâu đời và đã được dân tộc hóa, trở thành ngày nghỉ lễ chung cho tất cả các nước trên thế giới bao gồm cả phương đông, chứ không hẳn chỉ là phương tây.

Ngày Phật đản (Vesak Day) truyền thống cũng được xem là ngày nghỉ cộng đồng chung cho toàn nước như ở các nước Tích Lan, Thái Lan, Nepal, Tây Tạng... Đức Phật sanh tại Nepal (khoảng thế kỷ thứ V trước Tây Lịch), mang văn hóa phương Đông. Chúa Jesus sanh tại Do Thái (thế kỷ thứ nhất Tây lịch) mang văn hóa phương Tây. Tắm Phật và xe kiệu hoa diễn hành là nghi thức điển hình trong lễ Phật đản và đã trở thành ngày lễ rất quan trọng trong các nước Phật giáo. Thái tử Sĩ Đạt Đa sơ sanh (Baby Buddha) bụ bẫm một tay chỉ trời và một tay chỉ đất, đứng trong thau nước thơm để từng Phật tử múc gáo nước dội tắm thân Như Lai đã trở thành biểu tượng độc đáo của mùa Phật đản.

*Sáng nay hoa chen nhau nở
Gió đưa hương bay ngạt ngào
Hòa vui chim mạng tiếng hót
Nắng mai lộng lẫy ban mai.*

*Lâm Tỳ Ni dù bé nhỏ
Áp ủ muôn mái đầu
Ôi tình thương không cách trở
Rộng trùm lên khắp địa cầu.*

*Bao nhiêu lòng mong đợi
Hôm nay Phật đản sanh
Núi sông tô điểm mới
Gió reo nhạc thanh bình.*

*Chim ca vang trong rừng vắng
Cá lội mừng giữa đại dương
Triều người quỳ trong im lặng
Cảm thông lòng người cảm thông.*

*Từ bi ngồi trong ánh mắt
Tình thương phủ khắp năm châu
Trong tôi đời sao quá
Ồi vui niềm vui sáng ngời.
(Hôm Nay Phật Đản Sanh – Nguyễn Hiệp)*

Tóm lại, tính đến năm 2019 thì Phật lịch là 2563 (544 BCE + 2019 CE), tức trải qua 2563 năm. Đây là năm Chúng Thánh Điểm Kỳ, kể từ khi kết tập lần đầu tiên sau khi Phật Nhập Niết Bàn được kể là Phật lịch 01. Nếu tính 80 năm trụ thế nữa thì đức Thế Tôn ra đời trước Thiên Chúa giáng sinh là 624 năm (80+544). Chúa Giêsu ra đời vào thế kỷ thứ nhất, đến nay Tây lịch 2019 tức Đạo Cơ Đốc đã trải qua 2019 năm. Suốt một thời gian dài nhiều thế kỷ như vậy, lễ Phật đản và lễ Giáng sinh vẫn tồn tại và ngày càng phát triển phong phú. Điều này chứng tỏ chúng đã đi sâu và cắm rễ vào lòng dân tộc từ rất lâu xa, nên đã được biểu hiện với nhiều phương thức văn hóa tượng thanh, tượng sắc đa dạng, được thập phương tín đồ tiếp nhận và xem như ngày lễ quan trọng nhất của tôn giáo mình.

Thích Nữ Giới Hương
(Huongsentemple@gmail.com)

CULTURAL DIVERSITY IN THE BUDDHA'S BIRTHDAY AND CHRISTMAS

The Buddha's Birthday and Christmas are all the biggest religious holidays. The Buddha's Birthday (the full moon day of the fourth month in a lunar calendar) is a celebration of the birth of the Buddha (the founder of Buddhism), while Christmas (December 25th) is a celebration of the birth of Jesus (the founder of Christianity).

In regards to the Buddha's Birthday is the Ceremony of Bathing [Baby] Buddha. The Bathing Baby Buddha Ceremony has penetrated deeply into the Buddhists' religious beliefs and practices. Even non-Buddhists are also interested in visiting Buddhist temples to participate in the ceremony to get the holy water to drink or bring it back to home for goodness. Nowadays, this custom has been followed by the Thai people through the Songkran festival (water festival in April 13-15). They are water-

ing the others as a symbol for sending best wishes and blessings, to wash away their defilements and afflictions, their body and mind are purified and refreshed.

On the Buddha's Birthday, the monastics and Buddhist laity are standing in front of the baby Buddha statue and recite the following verses:

*I devotedly bathe the Tathagata now
Pure mind dignified the great merit
Sentient beings leave five layers of impure
Enlightend the real Tathagata body.
In the Kapilavastu City, He has never born
Between the trees of sala, He has never*

passed away

Without born and death, it is Gautama Buddha

In his view, without distinguishing decrease or increase.

This nice morning is April 8th

At the Palace, the Prince Siddhartha was born

Nine heavenly dragons watered to bath Him

From the earth, lotuses raised his seven wonderful steps.

Om muni, muni, sammuni, satva.

The verse means that the Tathagata inherently exists, he just appeared to be in this life, yet never he be born in Kapilavastu, nor be passed away in the Sala forest. However, on the full moon day of the fourth month (lunar calendar), the monastics and the Buddhist laity still celebrate the bathing ceremony to commemorate the appearance of the Noble One who brought up the message of liberation for all beings. Scooping the scented water to bath Him, we actually water our bodies and minds so that we would be purified, free from afflictions, anger and greed. Thanks to that we would get good merits and blessings in order to dedicate ourselves to reach Nirvana. That is the true meaning of the celebration of the Buddha's birthday.

Christmas is also called Noel or Christmas, an international holiday celebrating the birth of Jesus. According to the online dictionary, the word Christmas (*Chris + Mas*, its abbreviation is Xmas) is the noble dignity of Jesus, God's son. Mas is the abbreviation of Mass. *Chris + Mas* is Jesus' holy birth. The term "Noel" is Latin meaning "birthday" in French, which also mean the birthday of the Baby Jesus. Mây Lang Thang in the poem "Christmas" wrote as follows:

The star season is coming back in the middle of a winter night

I'm in grief when thinking of my motherland

My childhood would be saved in that further land

Missing dearly as living far away from homeland.

Being silently and kneeling down beside the manger

Looking at the compassionate face of the Baby Jesus

I wish to be a herdsman of that winter night

Loving and warming up the Baby Jesus.

The occasion of warming up the Baby Jesus is a great memorial service in which churches, the Christian neighborhoods and people have adorned the colorful five-star lanterns, made the caves with the statues depicting the scenario in which Jesus was born long ago. This is a community holiday; therefore, families, relatives and friends, often travelling from far away, to gather at a certain place such as parents' houses, assembling under the Noel tree to eat, have fun and share gifts to one another. The images of Baby Jesus, the tower-shaped pine tree with colorful lighting and decoration, Santa in his red and white suits who has ready wrapped gifts, riding the reindeers, coming from house to house and giving the gifts to kids are deeply ingrained into daily life for many people, quickly becoming a common holiday for many countries in the world in the West and the East.

The traditional Vesak Day is also a public holiday for some countries such as Sri Lanka, Thailand, Nepal, Tibet, etc. The Buddha was born in Nepal (the fifth century BCE) representing for the Eastern culture. Jesus was born in Israel (the first century CE) representing for the Western culture. The Bathing Ceremony and the Flower Vehicle Parade are typical rituals in the Buddha's Birthday celebration in Buddhist countries. The Buddhist followers will take turn to bath a statue of plump Prince Siddhartha (the Baby Buddha) with one finger pointing to the sky and the other pointing to the earth, standing in a brass of scented water. This image is a unique symbol of the Buddha's Birthday season.

This morning the flowers are blooming

Their fragrance are pervading by the wind

Birds are singing, people are happy

A beautiful morning with the splendid sunshine.

A small village of Lumbini

Gathering thousands of people

The boundless compassion

Is spreading all over the globe?

Everyone is waiting

Today the Buddha was born

The mountains and rivers are beautified

Peaceful melodies have gone with the wind.

Birds are singing in the woods

Fishes are swimming happily in the oceans

Millions of people are kneeling mindfully

Sympathy and kindly the people's heart are!

SÓNG BIỂN NHA TRANG

*Dừng vó ngựa khi chiều phai nhạt nắng
Lên đồi cao lồng lộng bóng Phật cười
Nhìn xuống Nha Trang toàn cảnh hiện
Biển phố ngời reo gió nắng trùng khơi*

*Ngồi chạnh nhớ ở đây ngày xưa cũ
Mình rong rêu phiêu lạc bước tang bồng
Đùa chơi với dã tràng xe cát
Cứ xói đào như muốn lấp bể Đông*

*Vòng qua đó đầu ghềnh Cầu Đá
Nhìn bên kia cuối bãi ngút xa mờ
Man mác ngàn thu vù thoáng mộng
Cuốn xô về bảng lảng ngát trời thơ*

*Lên Tháp Bà xuống Hòn Chông chợt thấy
Cả đại dương trong ánh mắt xanh ngần
Đứng trước bao la mà lòng lãnh hội
Trợn kiếp người như bọt sóng phù vân.*



Phong cảnh Đức Phật ngòi trên đỉnh đồi Trại Thủy, Nha Trang, chiều tà 12. 3. 2019

thơ TÂM NHIÊN

*Compassion appears in the eyes
Loving kindness is covering the five continents
Life is so beautiful in me
Oh happy and joy!
(Today the Buddha was born – Nguyễn Hiệp)*

In summary, to the year of 2019 the Buddhist calendar will be the year of 2563 (544 BCE +2019 CE) which goes through 2563 years. After the Buddha's passed away, the time of the First Buddhist Council is counted as the first year of Buddhist Calendar (Chúng Thánh Điểm Ký). If we add the Buddha's 80 year-old with 544 BCE, the time of the Buddha (was born) before the time of the Jesus (was born) is 624 years (80+544). The Jesus was

born in the first century and up to now 2019 i.e. the Christianity goes by 2019 years. Passing through such a long time with many centuries, the celebrations of the Buddha's Birthday and Christmas still persist and grown more richly. This shows that those activities have been rooted in people for a long time; therefore, their manifestations are also diverse with various modes of cultural performances which are appreciated by religious followers from all over. They observe it as the most important memorial service of their religions.

Thích Nữ Giới Hương
(Huongsentemple@gmail.com)

NHU CẦU VÌ HÒA BÌNH VÀ ÂN CẦN

Nguyên bản: *The Need for Peace and Kindness*

Tác giả: **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA**

Anh dịch: **Jeffrey Hopkins, Ph. D.**

Chuyên ngữ: *Tuệ Uyển*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(Chánh Pháp xin phép tác giả và dịch giả lược bớt một số câu/đoạn Đức Dalai Lama giới thiệu về tác phẩm của Ngài, chỉ tập trung nơi đây chủ đề về Hòa Bình)



Tôi đã du hành qua nhiều nơi khắp thế giới, và bất cứ khi nào tôi nói chuyện với mọi người, thì tôi luôn luôn có cảm giác rằng tôi là một thành viên trong gia đình của họ. Mặc dù chúng ta có thể mới gặp lần đầu, nhưng tôi xem mọi người như bạn. Thật sự chúng ta đã biết nhau, một cách sâu sắc, như những con người mà chúng ta cùng chia sẻ những mục tiêu căn bản như nhau: Tất cả chúng ta đều tìm cầu hạnh phúc và không muốn khổ đau.

HAI CÁCH ĐỂ HẠNH PHÚC

Có hai cách để tạo dựng hạnh phúc. Thứ nhất là bên ngoài. Bằng việc có được chỗ ở tốt đẹp hơn, áo quần tốt đẹp hơn, và những người bạn tốt đẹp hơn thì chúng ta có thể thấy được

một tiêu chuẩn nào đó của hạnh phúc và hài lòng. Thứ hai là qua phát triển tinh thần, vốn có thể mang lại hạnh phúc nội tại. Tuy nhiên, hai sự tiếp cận này không thể phát triển một cách như nhau. Hạnh phúc bên ngoài không thể tồn tại lâu dài mà không có bộ phận tương ứng của nó. Nếu điều gì đó đang vắng mặt trong nhận thức của ta – nếu điều gì đó tâm hồn ta đang thấy thiếu – thế thì mặc cho quanh ta là những thứ xa hoa nhất, thì ta cũng không thể hạnh phúc. Tuy nhiên, nếu ta có hòa bình trong tâm hồn, thì ta có thể thấy hạnh phúc ngay cả dưới những hoàn cảnh khó khăn nhất.

Tiền bộ vật chất không thôi đôi khi giải quyết một vấn đề nhưng lại tạo ra một rắc rối khác. Thí dụ, những người nào đó có thể có được giàu sang, một nền giáo dục tốt, và vị trí xã hội cao, nhưng hạnh phúc lánh tránh họ. Họ dùng thuốc ngủ và uống rượu quá nhiều. Đôi khi là thiếu thốn thứ gì đó khiến họ không thể hài lòng, vì thế những người này nương tựa vào ma túy hay rượu chè. Trái lại, một số người ít tiền bạc để lo lắng nhưng hưởng thụ hòa bình nhiều hơn. Họ ngủ ngon về đêm. Mặc cho nghèo trong ý nghĩa vật chất, nhưng họ toại nguyện và hạnh phúc. Điều này cho thấy tác động mạnh mẽ của một thái độ tinh thần tốt. Sự tiến bộ vật chất không thôi sẽ không thể giải quyết toàn bộ vấn nạn khổ đau của nhân loại.

ÂN CẦN TỬ TẾ

Tất cả chúng ta bắt lực khi được sanh ra. Không có lòng ân cần của cha mẹ thì chúng ta không thể sống còn, kém thành công hơn nhiều. Khi trẻ con lớn lên trong sợ hãi liên tục, không ai tựa nương, chúng đau khổ cả đời. Vì tâm hồn trẻ nhỏ rất yếu đuối, thế nên nhu cầu cho lòng ân cần của chúng đặc biệt rõ ràng.

Người trưởng thành cũng cần lòng ân cần.

Nếu người nào đó chào đón tôi với một nụ cười dễ thương, và biểu lộ một thái độ thân hữu chân thành, tôi sẽ cảm kích rất nhiều. Cho dù tôi có thể không biết người đó hay thấu hiểu ngôn ngữ của họ, nhưng họ làm cho trái tim tôi vui sướng tức thời. Trái lại, nếu lòng ân cần thiếu vắng, thì ngay cả với người nào đó trong nền văn hóa của tôi, người mà tôi đã biết trong nhiều năm, tôi cũng cảm thấy được. Ân cần và yêu thương, một cảm nhận thật sự của tình anh chị em, những thứ này là rất quý giá. Chúng tạo thành cộng đồng hiện thực và vì vậy là rất quan trọng trong xã hội.



TIỀM NĂNG CON NGƯỜI

Mỗi chúng ta có cảm nhận tất yếu về tư ngã, "cái tôi." Chúng ta cũng chia sẻ những mục tiêu căn bản: Chúng ta muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Thú vật và côn trùng cũng muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, nhưng chúng không có năng lực đặc biệt để nghĩ đến việc đạt được hạnh phúc sâu hơn và vượt thắng khổ đau như thế nào. Như những con người, được ban cho khả năng tư duy, chúng ta có tiềm năng này, và chúng ta phải sử dụng nó.

Trong mọi cấp độ - như những cá nhân, và như những thành viên của một gia đình, một cộng đồng, một quốc gia, và một hành tinh - những kẻ gây rối hiểm độc mà chúng ta đối diện là sân hận và vị kỷ. Loại vị kỷ mà tôi liên hệ ở đây không chỉ là một cảm nhận của cái tôi, nhưng là một sự phóng đại của tính tự cho mình là trung tâm. Không ai tuyên bố cảm thấy hạnh phúc trong khi sân hận. Khi nào mà sân hận vẫn còn khống chế tính khí của chúng ta, thì không thể có sự hạnh phúc tồn tại lâu dài. Để đạt được hòa bình, tĩnh lặng, và tình thân hữu thật sự, chúng ta phải giảm thiểu tối đa sân hận và trau dồi lòng ân cần cùng một trái tim nhiệt tình. Điều này có thể đạt được qua những sự thực tập mà tôi sẽ diễn tả trong quyển sách này.

Việc phát triển một trái tim nhiệt tình của chính chúng ta cũng có thể chuyển hóa những người khác. Khi chúng ta trở thành những con người dễ thương hơn, thì những người láng giềng, bạn bè, cha mẹ, người phối ngẫu, và con trẻ sẽ trải nghiệm ít sân hận hơn. Họ sẽ trở thành nhiệt tình hơn, yêu thương hơn và hòa hiệp hơn. Chính không khí trở thành hạnh phúc hơn sẽ thúc đẩy sức khỏe tốt hơn, có lẽ ngay cả sống lâu hơn.

Quý vị có thể giàu sang, quyền lực và học vấn tốt, nhưng nếu không có những cảm nhận lành mạnh của lòng ân cần và yêu thương thì

sẽ không có hòa bình trong chính quý vị, không có hòa bình trong gia đình quý vị - ngay cả con cái của quý vị cũng đau khổ. Lòng ân cần là thiết yếu cho hòa bình tinh thần. Khi quý vị thấy những trang sách sắp đến, phương pháp trung tâm cho việc đạt được một đời sống hạnh phúc hơn là rèn luyện tâm thức quý vị trong sự thực tập hàng ngày vốn làm suy yếu những thái độ tiêu cực và làm mạnh những thứ tích cực.

Câu hỏi lớn là chúng ta có thể thực tập ân cần và hòa bình hay không. Nhiều vấn nạn đã xuất phát từ các thái độ như đặt chúng ta lên trước bằng mọi giá. Tôi biết từ kinh

nghiệm của chính tôi là có thể thay đổi những thái độ này và cải thiện tâm thức con người. Dù nó không màu sắc, không hình thể, và đôi khi yếu đuối, nhưng tâm thức con người có thể trở thành mạnh hơn sắt thép. Để rèn luyện tâm thức, quý vị phải tập nhẫn nại và quyết chí, nó tạo hình cho sắt thép ấy. Nếu quý vị thực tập cải thiện tâm thức với một ý chí mạnh mẽ và khoan dung, bằng việc cố gắng, cố gắng, cố gắng, thì bất chấp bao nhiêu khó khăn mà quý vị cố thể chạm trán vào lúc đầu, nhưng rồi thì quý vị sẽ thành công. Với sự nhẫn nại, và thực tập, cùng thời gian, sự thay đổi sẽ đến.

Đừng bỏ dỡ. Nếu quý vị bi quan vào lúc khởi đầu, thì quý vị không thể thành công. Nếu hy vọng và quyết tâm, quý vị sẽ luôn luôn thấy một mức độ nào đó của thành công. Giành được huy chương vàng không thành vấn đề. Quý vị sẽ phải cố gắng tột cùng.

LỆ THUỘC HỖ TƯƠNG

Phần lớn thế giới bây giờ được nối kết với nhau bởi một mạng lưới truyền thông điện tử và thông tin tức thời. Trong thế kỷ 21, nền kinh tế toàn cầu của chúng ta đã làm cho các quốc gia và người dân của chúng lệ thuộc nặng nề vào nhau. Thời xa xưa, sự trao đổi giữa các quốc gia không cần thiết. Ngày nay, thật không thể duy trì sự cô lập, thế nên nếu các quốc gia không có sự tôn trọng hỗ tương, thì các vấn nạn phải sinh ra. Mặc dù có những dấu hiệu nghiêm trọng của rắc rối giữa các quốc gia giàu nghèo, và giữa những nhóm người giàu nghèo trong các quốc gia, thì những rạn nứt kinh tế này có thể được chữa trị bằng một cảm nhận mạnh mẽ hơn của sự lệ thuộc hỗ tương và trách nhiệm toàn cầu. Người dân trong nước này phải xem người dân trong nước khác như anh chị em, những người cũng xứng đáng phát triển quê hương của họ.

Mặc cho mọi nỗ lực tốt nhất của các lãnh tụ thế giới, các khủng hoảng cứ bùng lên. Chiến tranh giết hại người dân vô tội; người già



và trẻ con chết liên tục không ngừng. Nhiều chiến binh đang đánh nhau ở đây không phải do ý muốn của họ, nỗi khổ đau thật sự mà các chiến binh vô tội này đang trải nghiệm là rất đau buồn. Việc buôn bán vũ khí – hàng nghìn và hàng nghìn loại vũ khí và đạn dược được sản xuất trong những nhà máy như đổ dầu vào lửa bạo động, nhưng nguy hiểm hơn súng ống hay bom đạn là sự thù hận, thiếu vắng yêu thương, và thiếu vắng sự tôn trọng các quyền lợi của người khác. Khi mà thù hận vẫn còn lưu trú trong tâm thức con người, thì nền hòa bình thật sự là không thể có.

Chúng ta phải làm mọi cách để chấm dứt chiến tranh, và để thoát khỏi thế giới của vũ khí hạt nhân. Lần đầu tiên khi tôi viếng Hiroshima, nơi trái bom nguyên tử đầu tiên được thả xuống, khi tôi thấy ngay hiện trường và nghe các câu chuyện của những người sống sót, trái tim tôi xúc động sâu sắc. Bao nhiêu người đã chết ngay trong thời khắc ấy! Bao nhiêu người nữa bị thương tật! Bao nhiêu đau đớn và thể lương mà chiến tranh nguyên tử đã tạo ra! Tuy thế, hãy nhìn vào biết bao tiền của được dành cho vũ khí hủy diệt hàng loạt. Thật sốc, đáng hổ thẹn vô cùng.

Những tiến bộ trong khoa học và kỹ thuật đã làm lợi lạc vô vàn cho nhân loại, nhưng không phải là không có giá của nó. Trong khi chúng ta hưởng thụ sự phát triển của máy bay phản lực, thí dụ thế, vốn làm cho chúng ta có thể du lịch một cách dễ dàng trên thế giới, thì những vũ khí tàn phá kinh khủng cũng được tạo ra. Bất chấp quê hương của họ xinh đẹp và xa xôi như thế nào đi nữa, nhiều người vẫn sống trong sợ hãi liên tục của một hiểm họa thật sự: hàng nghìn và hàng nghìn đầu đạn hạt nhân đang chờ tấn công. Nhưng nút bấm phải được một người nào đó nhấn tay vào, và vì thế quyết định của con người là trách nhiệm tối hậu.

Cách duy nhất để đạt đến nền hòa bình trường cửu là qua sự tin tưởng, tôn trọng hỗ tương, yêu thương và ân cần. Những cố gắng bằng sức mạnh toàn cầu để chiếm ưu thế qua

chạy đua vũ trang – cho dù nguyên tử, hóa học, sinh học, và quy ước – là phản tác dụng. Làm thế nào một thế giới đầy thù oán và sân hận đạt được nền hòa bình thật sự? Hòa bình bên ngoài không thể có được nếu không có hòa bình nội tại. Thật cao quý để hành động cho những giải pháp bên ngoài, nhưng chúng không thể được thực hiện một cách đầy đủ khi người ta vẫn còn thù oán và sân hận trong tâm thức họ. Đây là nơi sự thay đổi sâu sắc phải được bắt đầu. Cá biệt thì chúng ta phải hành động để thay đổi những nhận thức căn bản mà những cảm nhận chúng ta lệ thuộc. Chúng ta chỉ có thể làm như vậy qua rèn luyện, bằng việc dẫn thân vào việc thực tập với mục tiêu định hướng lại dần dần cung cách chúng ta nhận thức chính mình và người khác.

Tình trạng tuyệt vọng của thế giới chúng ta kêu gọi chúng ta hành động. Mỗi chúng ta có trách nhiệm cố gắng để hỗ trợ ở cấp độ sâu xa hơn cho cộng đồng nhân loại chung của chúng ta. Bất hạnh thay, nhân loại thường bị hy sinh quá nhiều trong việc bảo vệ lý tưởng. Điều này chắc chắn là sai lầm. Những hệ thống chính trị phải thật sự làm lợi ích cho con người, nhưng, như tiền bạc, chúng có thể điều khiển chúng ta thay vì hoạt động cho chúng ta. Bất kỳ lúc nào, với trái tim nhiệt tình và nhân nại chúng ta cũng có thể quan tâm đến những quan điểm của người khác, và trao đổi ý kiến trong những thảo luận trầm tĩnh, thì chúng ta sẽ tìm ra những điểm đồng thuận. Đó là trách nhiệm của chúng ta – vì lòng từ ái và bi mẫn cho con người – để tìm sự hòa hiệp giữa các quốc gia, các lý tưởng, các nền văn hóa, các nhóm chủng tộc, và kinh tế cùng những hệ thống chính trị. Khi chúng ta thật sự nhận ra tính duy nhất của toàn thể nhân loại, thì động cơ của chúng ta để tìm hòa bình sẽ phát triển mạnh mẽ hơn. Trong cảm nhận sâu xa nhất, chúng ta thật sự là những anh chị em của nhau, cho nên chúng ta phải chia sẻ đau khổ của nhau. Sự tôn trọng, tin tưởng và quan tâm hỗ tương cho sự cát tường của nhau là hy vọng tuyệt vời nhất cho một nền hòa bình bền lâu.

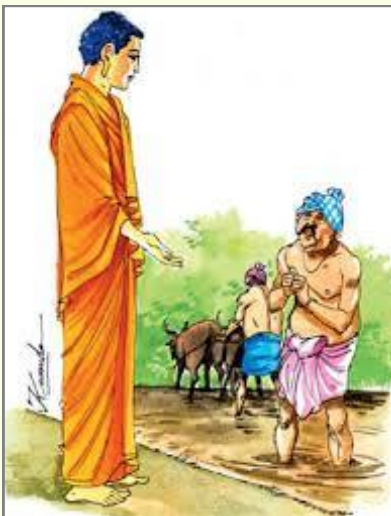
Đĩ nhiên, các lãnh tụ quốc gia có một trách nhiệm đặc biệt trong lãnh vực này, nhưng mỗi cá nhân cũng phải phát huy sáng kiến, bất chấp niềm tin tôn giáo. Quả thật như là con người, bằng việc tìm cầu để thành đạt hạnh phúc và tránh khổ đau, chúng ta là những công dân của hành tinh này. Tất cả chúng ta có trách nhiệm cho việc tạo nên một tương lai tốt đẹp hơn.

Để có được một thái độ thân hữu, một trái tim nhiệt tình, tôn trọng cho các quyền của người khác, và quan tâm cho lợi ích của họ thì chúng ta phải rèn luyện tâm thức.

TAO DỰNG HÒA HIỆP

Hòa hiệp và hữu nghị vốn cần thiết trong gia đình, quốc gia, và thế giới của chúng ta chỉ có thể đạt được qua yêu thương và ân cần từ

tế. Bằng việc hỗ trợ nhau, với sự quan tâm và tôn trọng, chúng ta có thể giải quyết nhiều vấn nạn một cách dễ dàng. Hòa hiệp không thể xuất phát từ đỉnh điểm của mất lòng tin, lừa dối, bắt nạt và tinh thần ganh đua không thiện cảm. Thành công qua hăm dọa và bạo động là thắng thế tạm thời; thành quả tầm thường của nó chỉ có thể tạo thêm những rắc rối mới. Đó là tại sao chỉ trong vài thập niên sau thảm họa vô vàn của Thế chiến thứ I, Thế chiến thứ II đã nổ ra và hàng triệu người nữa đã chết. Nếu chúng ta thẩm tra lịch sử lâu dài của thù oán và sân hận, thì rõ ràng chúng ta thấy nhu cầu để tìm ra một phương cách tốt đẹp hơn. Chúng ta chỉ có thể giải quyết các vấn nạn của chúng ta qua những phương tiện hòa bình chân thật – không chỉ những lời nói hòa bình mà là một nền hòa bình từ tâm hồn và trái tim. Trong cách này, chúng ta sẽ có một thế giới tốt đẹp hơn.



ngày của tôi, một cách đặc biệt khi tôi đối diện với những rắc rối. Dĩ nhiên đôi khi tôi thất bại. Đôi khi tôi bức tức. Có khi tôi sử dụng những lời thô tháo, nhưng khi xảy ra như vậy, lập tức tôi nghĩ "Ồ, như vậy là sai rồi." Tôi cảm nhận điều này vì tôi đã tiếp thu những sự thực tập yêu thương và tuệ trí làm cốt lõi. Những sự thực tập hàng ngày này là rất hữu ích và rất giá trị trong đời sống của tôi. Do vậy, vì biết rằng quý vị và tôi có tâm hồn và trái tim như nhau, cho nên tôi chia sẻ chúng với quý vị.

Điều này có thể chứ? Đánh đấm, lừa dối, và bắt nạt đã cột chúng ta vào trong hoàn cảnh hiện tại; bây giờ chúng ta cần sự rèn luyện trong những sự thực tập mới để tìm lối ra. Đường như nó phi thực tế và lý tưởng hóa, nhưng chúng ta không có sự thay thế cho yêu thương, việc nhìn nhận giá trị nhân bản và tính duy nhất của nhân loại. Đây là cách duy nhất để đạt được niềm hạnh phúc miên viễn.

Tôi đã du hành từ quốc gia này qua quốc gia khác với ý nghĩa duy nhất này. Tôi đã rèn luyện tâm thức trong nhiều thập niên, vì thế khi tôi gặp gỡ mọi người từ những nền văn hóa khác nhau thì không có rào cản nào. Tôi tự tin rằng mặc cho những nền văn hóa khác nhau cùng những hệ thống chính trị kinh tế khác nhau, nhưng một cách căn bản tất cả chúng ta là giống nhau. Càng gặp gỡ nhiều người hơn sự tự tin của tôi càng trở nên mạnh mẽ hơn về tính duy nhất của nhân loại, được đặt nền tảng trong sự thấu hiểu và tôn trọng, là một căn bản thực tế và có thể thành tựu được cho tư cách của chúng ta. Bất cứ nơi nào tôi đến, đây là điều mà tôi nói đến. Tôi tin rằng từ ái và bi mẫn – một cảm nhận chân thành về tình anh chị em – là tôn giáo phổ quát. Bất chấp ta là Phật tử hay Ki tô hữu, Hồi giáo hay Ấn giáo, cho dù chúng ta hoàn toàn không thực tập tôn giáo gì cả thì vấn đề quan trọng là cảm nhận đồng nhất với nhân loại của chúng ta.

Quý vị có đồng ý không? Quý vị có nghĩ là điều này vô nghĩa không? Tôi không phải là một Thánh Vương (God King) như một số người gọi tôi. Tôi chỉ là một tu sĩ Phật giáo. Những gì tôi đang nói là từ sự thực tập của tôi, rất giới hạn. Nhưng tôi thật sự cố gắng để thực hiện những ý tưởng này trong đời sống hàng

Khi tôi mới 15, Hồng Quân đánh chiếm miền Đông Tây Tạng, và chỉ trong một năm chính quyền Tây Tạng quyết định tôi nên trực tiếp điều khiển công việc của quốc gia. Đó là một thời điểm khó khăn khi chúng tôi nhìn sự tự do của chúng tôi bị xói mòn, và trong năm 1959, tôi bị buộc phải đào thoát khỏi thủ đô dưới sự che chở của màn đêm. Trong lưu vong ở Ấn Độ, chúng tôi đối diện với các rắc rối hàng ngày từ nhu cầu điều hòa với khí hậu khác biệt quá lớn đến nhu cầu tái thiết lập những cơ cấu văn hóa. Sự thực tập tâm linh đã cho tôi một triển vọng để có thể giữ sự tìm kiếm cho những giải pháp mà không đánh mất quan điểm về sự kiện rằng tất cả chúng ta là những con người bị hưởng dẫn lạc lối bởi những ý kiến sai lầm và được hợp nhất bởi những mối quan hệ chung, sẵn sàng cho sự cải thiện.

Điều này đã dạy tôi rằng những nhận thức của yêu thương, tĩnh lặng, và tuệ giác là quan trọng với đời sống hàng ngày và phải được trau dồi trong sự thực tập hàng ngày. Rắc rối bắt buộc phải xảy ra, cho nên việc trau dồi thái độ đúng đắn là cần thiết. Sân hận làm suy giảm năng lực phân biệt đúng và sai, và năng lực này là một trong những công cụ cao cấp nhất của loài người. Nếu nó bị đánh mất thì chúng ta cũng không còn. Đôi khi cũng cần phản ứng một cách mạnh mẽ, nhưng điều này nên được thực hiện mà không có sân hận. Sân hận là không cần thiết. Nó vô giá trị.

Tôi gọi từ bi yêu thương là nguyên liệu chính của địa cầu. Loài người muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Hòa bình tinh thần là nhu cầu căn bản cho toàn thể nhân loại. Đối với những chính trị gia, kỹ sư, khoa học gia, người nội trợ, bác sĩ, giáo viên, luật sư – cho tất cả mọi người trong mỗi nỗ lực – một động cơ lành mạnh, yêu thương là nền tảng của sự lớn mạnh tâm linh.

Trích từ quyển *How to Practice the Way to a Meaningful Life*

KHÔNG NÊN NÚP DƯỚI Ô DÙ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Nên giữ gìn tư cách, trau dồi trí đức và tác phong nghiêm chỉnh, trong đi đứng nằm ngồi, ăn uống ngủ nghỉ. Không nên dựa thế kẻ khác. Không nên lấy bè bạn, thân quyến trang sức cho hiện thân của mình. Bởi những giả tưởng ấy không mãi che mắt được người và chắc chắn ta sẽ sầu muộn buồn khổ và lụy thân. Đó không phải là điểm tựa tốt. Điểm tựa tốt và tư duy trong sáng và hạnh lành của chính bản thân ta. Đó là hành trang thiết yếu để vãng sanh tây phương hay cứu cánh niết-bàn.

Trong kinh có câu chuyện:

Ngày xưa có một vị tỳ kheo vừa đi lang thang trên quãng rừng vắng vẻ và rừng rưng rúc. Bỗng có con quỷ hiện ra đón hỏi:

“Ông đi đâu? Tại sao lại khóc?”

Tỳ kheo đáp:

“Tôi chẳng may phạm giới bị giáo hội trục xuất. Dân chúng thấy thế không cúng dường nữa. Tôi phải bỏ tu lạc ra đi. Nghĩ tủi thân mà khóc.”

“Thế ông cũng đồng cảnh ngộ với tôi. Tôi vì bị tội nên bị Từ Sa Môn Thiên Vương đuổi. Bây giờ tôi có thể giúp ông được dân chúng tín nhiệm cúng dường long trọng. Nhưng ông nhớ, khi được dân chúng cúng vật gì, trước phải cúng vái tôi.”

Tỳ kheo ưng thuận. Quỷ bèn cõng tỳ kheo bay về tu lạc. Dân chúng ở tu lạc thấy tỳ kheo từ trên trời từ từ hạ

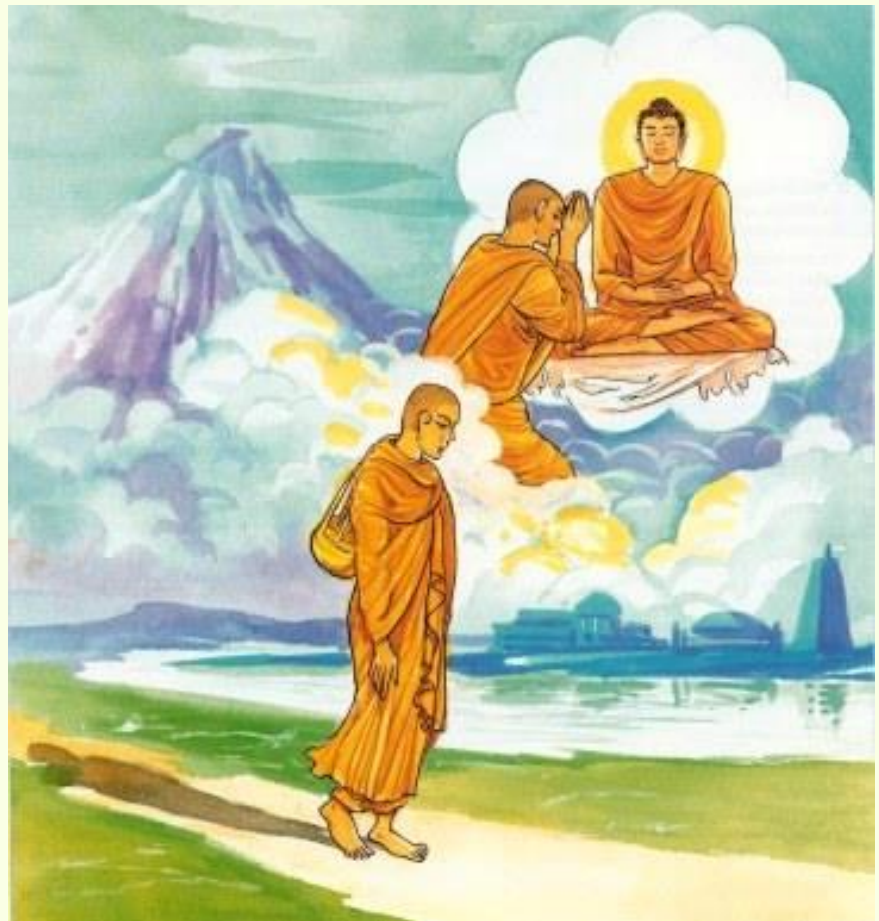
xuống chứ nào thấy quỷ, nghĩ tỳ kheo này đặc đạo có đầy đủ thần thông đấng vân được trên hư không, nên cung kính cúng dường lễ bái rước về chùa. Họ lại còn trách giáo hội xét xử thầy tỳ kheo này không công bình, đuổi người chúng đắc. Từ đó dân chúng tập nập cúng bái. Lễ vật tươm tất. Tỳ kheo hứa mỗi mỗi cúng vái đều gọi tên quỷ cả.

Ngày kia quỷ cõng tỳ kheo đi trên hư không chẳng may

gặp quân của Từ Sa Môn Thiên Vương. Quỷ kinh hãi ném tỳ kheo xuống đất nát thây, còn nó thì đào tẩu mất dạng.

Sống ở đời, mưu công danh cầu địa vị ngoài tầm vóc trí tuệ thân phận của mình, đó là cách tự rước họa ương như vị tỳ kheo vi phạm tính hạnh ấy vậy.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

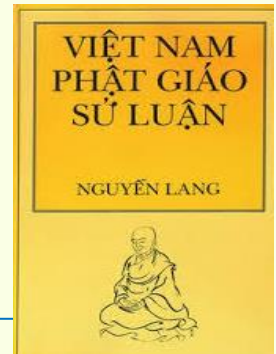


CÁC DANH TẶNG ĐỜI NGUYỄN

(Chương XXV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo kỳ trước)

THIÊN SƯ THANH NGUYÊN

Thiền sư Thanh Nguyên, hiệu Minh Nam, là người viết bài tựa cho sách *Pháp Hoa Đễ Cương* của Thanh Đàm. Hai vị có lẽ cùng một bản sư và một môn phái. Sau đây là bài kệ của ông tán dương sách *Pháp Hoa Đễ Cương*:

*Hồ xanh trong biếc nầy sen thơm
Kinh mục nêu bày nghĩa đại cương
Minh chính nhất thừa đà quảng bá
Đạo trung tâm yếu lại hoàng dương
Quần phương tổ ngộ tâm viên tịch
Đại chúng đồng tham lý vĩnh trường
Thanh tịnh sen kia ngồi pháp giới
Tự tính Tỳ lô khéo xiển dương.*

**(Bích thanh đàm xuất diệu liên hương
Hoa mục chi tiêu tổng pháp cương
Minh Chính nhất thừa khai tối quảng
Đạo trung tâm yếu thị hoàng dương.
Quần phương hội ngộ tâm viên tịch
Chúng đẳng đề quan nhập lý trường
Thanh tịnh liên hoa quang pháp giới
Tỳ Lư tính hải diễn chân thường)**

Bài tựa sách *Pháp Hoa Đễ Cương* được viết vào tháng tám âm lịch năm 1820. Hai chữ Minh Chính trong bài thơ là pháp hiệu của Thanh Đàm.

THIÊN SƯ AN THIÊN

Ông là tác giả *Tam Giáo Thông Khảo*. Sách cũng có tên *Đạo Giáo Nguyên Lưu*, được biên tập vào khoảng giữa thế kỷ thứ mười chín, trong thời gian vua Thiệu Trị còn tại vị. Thiền sư An Thiên trú trì tại chùa Đại Giác ở làng Bồ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sách *Tam Giáo Thông Khảo* gồm ba quyển. Có lẽ sách được in năm 1845, bởi vì đầu sách có một bài tựa ký tên Nguyễn Đại Phương, viết vào năm 1845. Quyển thứ nhất nói về đạo Phật, gồm có những mục sau đây:

1- *Phụng Chiếu Cầu Pháp*: Việc du học của thiền sư Tính Tuyền Trạm Công

2- *Bản Quốc Thiền Môn Kinh Bản*: Các bản kinh khắc ở Việt Nam.

3- *Đại Nam Thiền Học Sơ Khởi*: Khởi thủy Thiền học Việt Nam.

4- *Đại Nam Phật Tháp*: Các tháp Phật ở Việt Nam.

5- *Vô Ngôn Thông Truyền Pháp*: Thiền phái Vô Ngôn Thông.

6- *Danh Chấn Triều Đình*: Các cao tăng nổi tiếng ở triều đình.

7- *Lê Triều Danh Đức*: Các cao tăng đời Tiền Lê

8- *Lý Triều Danh Đức*: Các cao tăng đời Lý

9- *Trần Triều Danh Đức*: Các cao tăng đời Trần.

10- *Tỳ Ni Đa Lưu Chi Truyền Pháp*: Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi

11- *Tuyết Đậu Truyền Pháp*: Thiền phái Thảo Đường.

12- Những việc thần bí liên quan đến các thiền sư Việt Nam qua các triều đại.

13- Danh từ Phật học và các thần thoại trong Phật giáo ở Trung Hoa và Việt Nam.

Quyển thứ hai và quyển thứ ba nói về Không và Lão Giáo.

THIÊN SƯ NHẤT ĐỊNH

Thiền sư Nhất Định pháp danh là Tính Thiên, người Quảng Trị, sinh năm 1783. Ông xuất gia hồi còn là một nhi đồng, lớn lên được thiền sư Phổ Tịnh chùa Thiên Thọ làm lễ thế độ làm sa di. Sau ông thụ giới cụ túc với thiền sư Mật Hoàng ở chùa Quốc Ân. Vâng mệnh vua Gia Long, ông giữ chức vụ trú trì chùa Thiên thọ.

Năm 1833, vua Minh Mạng thỉnh ông trú trì chùa Linh Hựu. Năm 1839 vua lại thỉnh ông làm Tăng Cương chùa Giác Hoàng. Tính ông ưa vân du nên không thích quản đốc các chùa quốc tự. Năm 1843, ông xin từ chức Tăng Cương chùa Giác Hoàng, được vua Thiệu Trị chấp nhận. Ông rất hài lòng, nói:

Già rồi, may được vua thương,

**Một thân, một bát rộng đường vân du.
(Hạnh phùng tấu đặc nhưng hồi lão
Nhất bát cô thân vạn lý du)**

Mấy năm sau đó, ông lên núi Dương Xuân Thượng quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, dựng một thảo am để ở, gọi là An Dưỡng Am. Cảnh trí ở đây u nhàn đẹp đẽ. Ông tu ở đây cho đến năm 1847 thì tịch, thọ đúng sáu mươi bốn tuổi. Ba người đệ tử xuất sắc nhất của ông là Lương Duyên, Cương Kỳ và Linh Cơ.

Thái giám viên nương vào đức độ của ông, dựng chùa lớn tại địa điểm An Dưỡng Am, đặt tên là chùa Từ Hiếu, kiến trúc tương tự kiến trúc lăng vua Tự Đức. Tên chùa là Từ Hiếu vì các đệ tử ông vẫn nhớ lúc sinh tiền ông rất có hiếu với cha mẹ, dù đã đi xuất gia.

THIÊN SƯ GIÁC DIỆU

Ông họ Đỗ, pháp danh là Hải Thuận, sinh năm 1805 tại làng Bích Khê, Quảng Trị. Năm mười ba tuổi, ông vào làm điệu chùa Thiên Thọ (Báo Quốc). Năm hai mươi tuổi được thụ giới sa di với thiền sư Bản Giác ở chùa này. Năm 1835, ông được Bộ Lễ ban cấp giới đao và độ điệp, và đặc pháp với thiền sư Nhất Định ở chùa Linh Hựu. Ông trú trì chùa Diệu Đế, đứng ra trùng tu các chùa Huệ Lâm, Báo Quốc và Kim Tiên. Năm 1895, ông tổ chức đại giới đàn tại chùa Báo Quốc.

Ông có nhiều đệ tử đặc pháp xuất sắc như các thiền sư Tâm Quảng, Tâm Thế, Tâm Truyền và Tâm Tịnh.

Ông mất năm 1896, thọ chín mươi một tuổi.

THIÊN SƯ TỊCH TRUYỀN

Thiền sư Tịch Truyền pháp danh là Kim Liên, người làng Trình Viên ở Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội. Sinh năm 1746, ông xuất gia hồi bé, lớn lên được thiền sư Hải Quỳnh ở chùa Liên Tông làm lễ thế độ. Ông trú trì chùa Vân Trai, tu hành rất tinh tấn, giữ giới cẩn mật. Năm 1816, ông tịch, thọ bảy mươi tuổi. Đệ tử đầu của ông là thiền sư Chiêu Khoan. Ông có để lại bài kệ sau đây:

Tâm có trước đất trời

Thân có sau trời đất

Đất trời bọc thân tâm

Xoay vần bao giờ mất.

(Tâm vi thiên địa tiên

Thân vi thiên địa hậu

Thân tâm thiên địa nội

Tuần hoàn vô cùng kỷ).

THIÊN SƯ CHIẾU KHOAN

Ông họ Nguyễn, sinh năm 1741 ở làng Trình Viên, tỉnh Hà Nội. Ông xuất gia từ hồi còn bé, ở chùa Vân Trai, pháp danh là Tường Quang, đệ tử của thiền sư Tịch Truyền. Ông ưa tu hạnh đầu đà, tịch cốc ba năm, và trong sáu năm liền, ông chỉ ăn mỗi ngày một bữa. Ông học đức khiêm cung, hễ vị tăng nào đến chùa là ông đắp y ra đánh lễ, không phân biệt cấp

bực. Đệ tử quy y rất đông. Đi đến đâu ông cũng khuyên người tu phúc, bố thí, phóng sinh, chép kinh, giảng kinh.

Ông tịch năm 1830. Đệ tử đầu tay của ông là thiền sư Phổ Tịnh.

Thiền sư Phúc Điền là người có công đức lớn trong việc bảo tồn sử liệu Phật giáo. Ông biên soạn sách *Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục* (130). Ông trú trì chùa Liên Tông, làng Bạch Mai, tỉnh Hà Đông nhưng công việc san khắc này được thực hiện tại chùa Bồ Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Công việc san khắc, ông giao cho thiền sư Phương Viên, giám tự chùa Bồ Sơn đứng ra chủ trì. Một vị tăng chùa Bồ Sơn pháp danh là Thanh Hà phụ trách việc viết chữ khắc bản. Thiền sư Phúc Điền viết bài tựa cho sách đầu năm 1859, và có lẽ sách được ấn hành trong năm đó.

Phúc Điền cũng là người khai sơn chùa Thiên Quang, ở núi Đại Hùng, tỉnh Hà Nội. Chùa này được thiền sư Phổ Tịnh hồi nhỏ đã theo thiền sư Phúc Điền để tu học, sau này ông thụ giới cụ túc với thiền sư Chiêu Khoan.

THIÊN SƯ PHỔ TỊNH

Ông quê ở làng Vũ Lăng, ở Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội, xuất gia theo học với thiền sư Phúc Điền, lớn lên thụ giới cụ túc với thiền sư Chiêu Khoan ở chùa Vân Trai. Sau đó ông về trú trì chùa Thiên Quang ở núi Đại Hùng, do Phúc Điền kiến tạo. Ông có để lại bài thơ sau đây:

Tĩnh tọa bao năm núi Đại Hùng

Thân cùng, đạo vẫn thấy vô cùng

Sáu chữ chuyên trì thân thọ ký

Lưu truyền hậu thế rạng tông phong.

(Kinh niên tĩnh tọa đại hùng phong

Thực thị thân cùng đạo bất cùng

Lục tự chuyên trì thân thọ ký

Lưu truyền hậu thế hiển tông phong).

THIÊN SƯ THÔNG VINH

Thiền sư Thông Vinh người làng Nhân Kiệt, tỉnh Hải Dương. Hồi còn bé ở chùa Hàm Long với thiền sư Tĩnh Ngạn, lớn lên được thụ giới cụ túc với thiền sư Phúc Điền. Ông có công tu tạo lại nhiều ngôi chùa. Đệ tử rất đông, đi hoằng hóa khắp nơi. Ông có để lại bài kệ sau đây:

Tâm không cảnh tịch

Siêu việt thánh phàm

Y nhiệm tình sinh

Ràng buộc trăm mối

Các pháp nhân thiên

Đều tại nơi ấy

Ta người nhất thể

Nguồn gốc là tâm.

(Tâm không cảnh tịch

Việt thánh siêu phàm

Y nhiệm tình sinh

Vạn duyên hệ phược

**Thiên nhân chư pháp
Tận tại kỳ trung
Bỉ ngã nhất thể
Nguyên bản duy tâm)**

THIÊN SƯ LIỄU THÔNG

Thiên sư Liễu Thông pháp danh là Chân Giác, tên tục là Huỳnh Đậu, sinh năm 1753 ở Thanh Hóa. Trên đường du hóa, ông vào tận Gia Định, vùng đất Cây Mai, dựng thảo am trên nền một ngôi chùa Thủy Chân Lạp đã đổ nát để thiền tọa. Nền này ở trên một chiếc gò cao. Một hôm, thấy chim phụng hoàng đến đậu trên cây ngô đồng trước am, ông liền đặt tên gò là Phụng Sơn và am là Phụng Sơn Am. Dần dần Phụng Sơn Am trở thành chùa Phụng Sơn, thiên sư Liễu Thông ở lại đây hành đạo cho đến khi viên tịch. Đó là vào năm 1840. Đệ tử của ông là thiên sư Hải Linh, pháp danh Quảng Tú, tên tục là Lê Văn Núi, kế thế trú trì chùa Phụng Sơn. Thiên sư Hải Linh trú trì tại đây suốt năm mươi sáu năm, đến năm 1896 thì viên tịch. Tháp của hai vị tổ chùa Phụng Sơn được xây dựng trong đất chùa. Sau khi Hải Linh mất, một vị thiên sư tên là Thanh Sơn, pháp danh Đạt Bích kế tiếp trú trì chùa Phụng Sơn. Thanh Sơn trú trì được gần bốn năm thì tịch. Bốn đạo chùa Phụng Sơn liền đến thỉnh thiên sư Thanh Mãng, pháp danh là Thiên Định, lúc đó trú trì chùa Tịnh Độ ở làng Tân Sơn Nhất, về trú trì chùa Phụng Sơn. Thiên sư Thanh Mãng nhận lời và ủy cho một vị đệ tử trẻ là Huệ Minh thay mặt mình chăm sóc chùa Phụng Sơn. Huệ Minh vân du học đạo, chùa Phụng Sơn được thiên sư Như Chấn người Gia Định, xuất thân từ chùa Giác Viên, đến trú trì.

Thiên sư Như Chấn, pháp danh là Thiên Nghĩa, tự thiêu nhằm ngày Phật đản năm 1903. Thiên sư Huệ Minh du học về, làm lễ hỏa táng Như Chấn, và xây cất lại chùa Phụng Sơn thành một ngôi Phạm Vũ. Chùa hoàn thành vào năm 1915 (131).

(còn tiếp)

(130) Xin xem chương XX

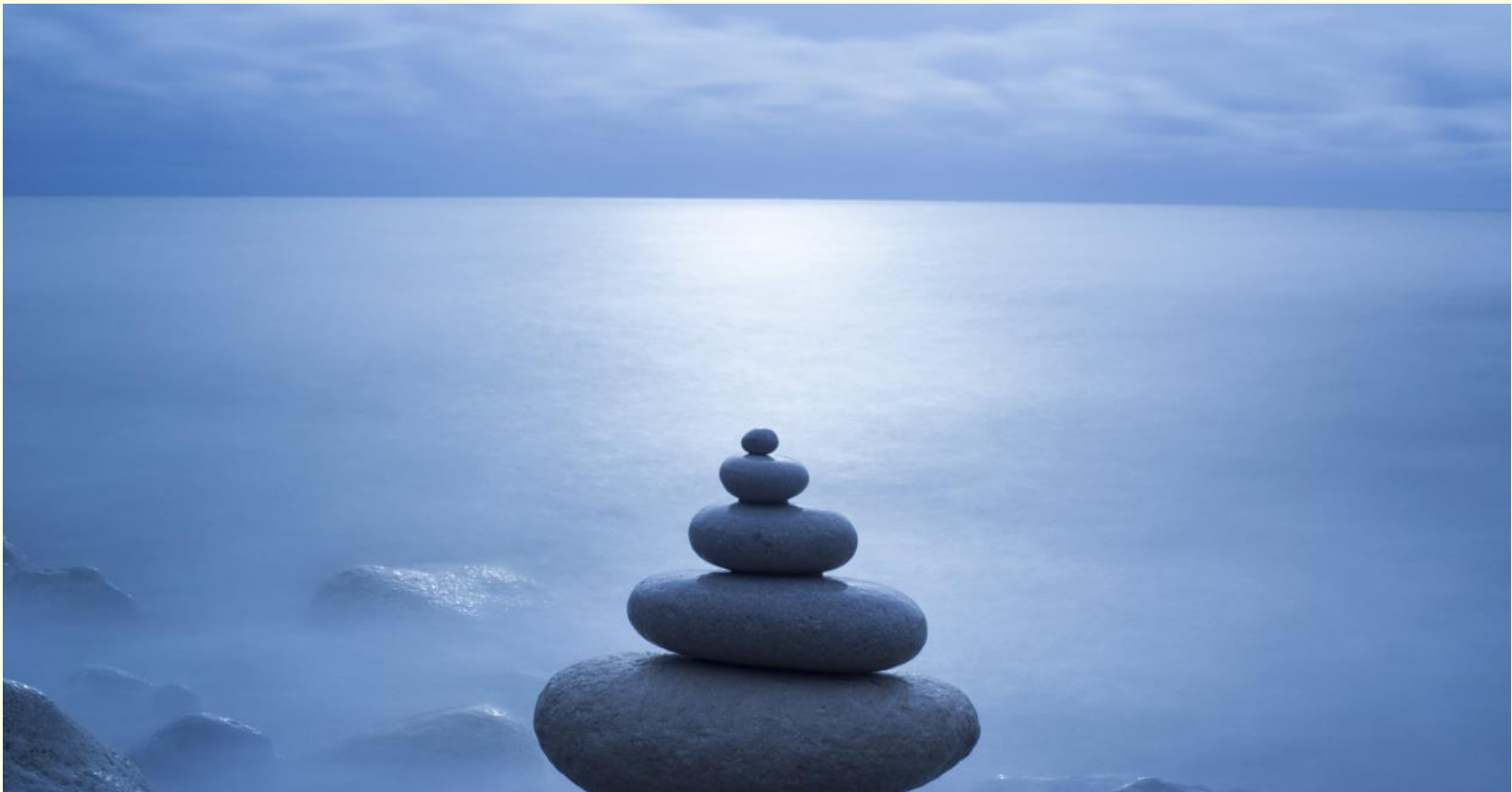
(131) Tài liệu báo *Tri Tân* số 7, ngày 18.7.1941



TRỞ VỀ NGUỒN

*Tôi sẽ trở về nơi đầu non cuối sóng
Nghe thông reo trên lá cỏ cây vàng
Chiều thu xuống bng hoàng hôn thấp thoáng
Bên kia bờ đò gọi khách qua sông!
Chân bước vội đi vào cơn giá lạnh
Mùa đông xưa sương tuyết phủ ngập tràn
Tôi lắng đợi nghe cây rừng nín thở
Cuối nẻo tràn cát bụi quá hồn mang!
Như chú Mán ngu ngơ ngày tháng tới
Gói đầu thiền trên phiến đá lơ mơ
Bởi mê tâm thân thức nặng hôn trầm
Khiến chậm trễ trên bước đường học đạo
Năm tháng vẫn thu qua xuân lại đến
Nhờ duyên may đưa đẩy tới cửa Thiền
Bên thầy, bạn tu học được sáng lòng
Ngồi im lặng như Đạt Ma ngày trước
Hãy lắng hết xôn xao... cho TÂM hiện
Bụi phiêu bông để mặc gió mây trôi
Chỉ một TÂM ôm trọn cả đất trời...
Vàng trắng ấy, ôi vô cùng màu nhiệm!
Đời là mộng thì có đâu nuôi tiếc
Chỉ mong sao tâm thức được an nhiên
Và quên hết những gì không cần thiết
Đường ta đi... từng bước trở về nguồn.*

thơ **DIỆU VIÊN**



Thiền trong cuộc đời một người hành khất

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Tosui là một thiền sư nổi danh vào thời của ông. Ông đã sống trong nhiều thiền viện và giảng dạy tại các tỉnh khác nhau.

Ngôi thiền viện sau cùng ông ghé thăm tụ họp quá nhiều môn sinh cho nên ông nói với họ rằng ông sẽ hoàn toàn từ bỏ hẳn công tác giảng thuyết. Ông khuyên họ nên phân tán ra và đi tới bất cứ nơi nào mà họ mong muốn. Sau đó không một ai còn thấy được chút dấu tích nào của ông nữa.

Ba năm sau một trong số những môn sinh của ông khám phá thấy ông đang sống với một vài người hành khất dưới một cây cầu ở Kyoto. Anh ta lập tức năn nỉ Tosui dạy anh.

"Nếu anh có thể làm được như ta làm dù chỉ trong vài ngày thôi, ta có thể dạy," Tosui trả lời.

Vì thế anh môn sinh cũ ăn mặc như một người hành khất và sống qua một ngày với Tosui. Ngày hôm sau một trong số những người hành khất qua đời. Tosui và môn sinh của ông khiêng cái xác đi vào lúc nửa đêm và chôn xác đó trên một sườn núi. Sau đó họ trở về nơi trú ẩn của họ dưới cây cầu.

Tosui ngủ yên suốt đêm còn lại, nhưng anh môn sinh không thể ngủ được. Khi trời sáng Tosui nói: "Chúng ta không phải xin ăn hôm nay. Ông bạn quá cố của chúng ta đã để lại một ít ở đây kia." Nhưng anh môn sinh không ăn nổi một miếng nào cả.

"Ta đã bảo là anh không thể làm được như ta mà," Tosui kết luận. "Hãy đi ra khỏi đây và đừng quay nhiều ta nữa."

(phòng dịch theo 101 ZEN STORIES
transcribed by NYOGEN SENZAKI and PAUL REPS)

THÔNG BÁO

Thực Hiện Bộ 2 Của Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý văn thi hữu và độc giả,

Trong Lời Đầu Sách của Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo xuất bản vào đầu năm 2010, chúng tôi có nói đến sự thiếu vắng rất nhiều tác giả viết về Phật Giáo trong bộ sách này. Đó hoàn toàn là vì lý do khách quan, bởi vì vào thời điểm đó do 2 yếu tố hạn chế: phương tiện thu thập tài liệu và sự đáp ứng của các tác giả viết về Phật Giáo tại hải ngoại.

Sau khi Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo được ấn hành và phổ biến cho đến nay đã tròn 9 năm, chúng tôi nhận được nhiều sự khuyến khích từ chư tôn đức Tăng Ni, quý văn thi hữu và độc giả khắp nơi cho việc thực hiện tiếp Bộ II. Nhưng vì cơ duyên chưa đầy đủ và cũng có phần vì công việc bận rộn nên dù rất muốn làm tiếp Bộ II mà hoàn cảnh không cho phép. Mãi đến nay mới có thể chuẩn bị bắt tay vào công việc này. Rất mong sự cảm thông và hỗ trợ của chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu.

Mục đích chính của Ban Chủ Trương khi thực hiện Bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo, như đã được nhấn mạnh trong Lời Đầu Sách của Bộ I, là xem đây như một văn khố lưu trữ những sáng tác phẩm của chư tôn đức Tăng, Ni và các văn thi hữu viết về Phật Giáo để làm tài liệu tham khảo và nghiên cứu cho những người đi sau.

Để thực hiện Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo chúng tôi xin chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu tại hải ngoại tiếp tay hỗ trợ bằng 2 cách:

- 1- Khuyến khích, kêu gọi và giới thiệu cho Ban Chủ Trương những tác giả hiện sinh sống tại hải ngoại đã có các sáng tác văn thơ về Phật Giáo;
- 2- Tác giả có đóng góp văn thơ Phật giáo tại hải ngoại, xin gửi cho chúng tôi các tài liệu sau đây:
 - Một tâm hình chân dung,
 - Một bản sơ lược tiểu sử của tác giả, gồm các chi tiết chính như sau: Họ tên, Pháp danh, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, cộng tác với báo chí, trang mạng toàn cầu,... (đánh máy dạng Word),
 - Danh sách các tác phẩm đã xuất bản hoặc bài viết đã đăng (đánh máy dạng Word),
 - Ít nhất 5 bài thơ (đánh máy dạng Word), hoặc
 - 3 bài văn (đánh máy dạng Word).

Thời hạn chót gửi tài liệu là cuối tháng 8 năm 2019.

Mọi liên lạc về tài liệu cho Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo xin gửi về địa chỉ email: vanhocphatgiaovnhnsk@gmail.com

Rất mong được sự hợp tác tận tình của chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu để Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sư Khảo được hoàn thành mỹ mãn.

Kính cảm ơn chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu.

Kính chúc chư vị đạo nghiệp viên thành, thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo.

California, ngày 12 tháng 1 năm 2019

Ban Chủ Trương:

Thích Nguyên Siêu

Thích Tâm Hòa

Quảng Thành Bùi Ngọc Đường

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Tâm Quang Vĩnh Hào

MAY RA

*may ra còn một chút tình
để ta trôi dạt bồng bềnh với em
may ra còn một chút ghiền
để ta sưởi nắng bên thêm xuân xanh
may ra còn một chút lành
để ta ngộ lý nhân thành quả tươi
may ra còn một chút người
để ta bước giữa vòng đời đa đoan
may ra còn chút hơi tàn
thở vào thiên cổ lụy làn hiện sinh.*

TĨNH TỌA

*chuông trầm rung núi lạnh
sương tỏa bóng mờ sông
cổng chùa xao gió quạnh
sư khép mở cánh lòng*

*chùa cao chót vót mây
sơn khê cỏ mọc đầy
dưới lùm cây ẩn hiện
sư vén áo thu bay*

*mái chùa xanh dấu rêu
triền non khói phiêu diêu
hiên ngoài con ếch nhảy
sư ngồi tan cả liêu.*



thơ PHÙ DU

ĐỌC 3 BÀI THƠ VỀ ĐỨC PHẬT CỦA THI HÀO RILKE

Nhân Mùa Phật Đản Lần Thứ 2643

Huỳnh Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thi hào Rilke có tên đầy đủ là René Karl Wilhelm Johann Josef Maria Rilke, thường được biết với tên ngắn gọn hơn là Rainer Maria Rilke. Ông sinh ngày 4 tháng 12 năm 1875 tại Thủ Đô Prague của Czechia và qua đời vào ngày 29 tháng 12 năm 1926 tại Montreux của Thụy Sĩ, theo Bách Khoa Từ Điển Mở.

Rilke sáng tác rất nhiều gồm một tiểu thuyết, thơ, và nhiều thư từ. Ông được xem là nhân vật chuyển tiếp giữa các nhà văn truyền thống và hiện đại.

Rilke du hành khắp Âu Châu, gồm Nga, Tây Ban Nha, Đức, Pháp, Ý và những năm cuối đời thì sống tại Thụy Sĩ, là nơi ông lấy cảm hứng để sáng tác nhiều bài thơ. Ông được biết đến nhiều nhất vì những đóng góp cho nền văn học Đức, tuy nhiên, trên 400 bài thơ của ông được làm tại Pháp.

Đối với các độc giả tiếng Anh, những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông gồm tuyển tập thơ *Duino Elegies* và *Sonnets to Orpheus*, tiểu thuyết bán tự truyện *The Notebooks of Malte Laurids Brigge*, và tuyển tập 10 lá thư được xuất bản sau khi ông qua đời dưới tựa đề *Letters to a Young Poet* [Những Lá Thư Cho Chàng Thi Sĩ Trẻ]. Tại Hoa Kỳ, Rilke vẫn là một trong những nhà thơ nổi tiếng, có thơ bán chạy nhất, theo Bách Khoa Từ Điển Mở.

Rilke đã làm 3 bài thơ về Đức Phật tại những nơi khác nhau được đăng trong 2 phần của tuyển tập thơ *New Poems* [Những Bài Thơ Mới] của ông, được xuất bản vào năm 1907 và 1908 và gồm một số bài thơ yêu thích nhất của ông – trong đó có bài "The Panther" và "Archaic Torso of Apollo." 2 bài thơ đầu về Đức Phật nằm trong phần đầu. Bài thơ về Đức Phật thứ 3 nằm trong phần thứ 2 của tuyển tập thơ đó, theo giáo sư Tiên Sĩ Luke Fischer, giáo sư dạy tại Phân Khoa Triết Học của Đại Học Sydney,



Rainer Maria Rilke
(Wikipedia)

Úc, cũng là nhà thơ và học giả, cho biết.

Fischer kể rằng từ tháng 9 năm 1905 đến mùa xuân 1906, Rilke sống và làm việc trong một ngôi nhà tranh, với vai trò một thư ký riêng cho Auguste Rodin tại tỉnh Meudon của Nam Dương [Indonesia]. Trong thời gian này, một tượng Phật, do điêu khắc gia người Pháp tạc và được mua lại từ cuộc Triển Lãm Thế Giới tại Paris năm 1900 đã làm cho Rilke chú ý và thích thú. Từ nhân duyên đó mà 3 bài thơ về Đức Phật của Rilke được ra đời.

Theo Rischer, 3 bài thơ của Rilke là đặc trưng cho cuộc đối thoại trung gian và xuyên văn hóa giữa Tây và Đông, giữa Châu Âu và Châu Á, giữa nghệ thuật điêu khắc và thơ, giữa vị khai sáng Đạo Phật và Nhà thơ Hiện đại.

3 bài thơ về Đức Phật của Rilke được giới thiệu ở đây dựa vào bản dịch Anh ngữ của Giáo Sư Luke Fischer.

Buddha

As if he were listening. Silence: far away ...

We hush and no longer hear it.

*And he is a star. And surrounding him
are other giant stars that we can't see.*

*O he is everything. Really, are we waiting
that he might see us? Should he have need?
And were we to prostrate ourselves before him
he would remain deep and idle like a beast.*

*For that which tears us to his feet
has revolved in him for millions of years.
What we undergo he has forgotten
and that which excludes us, he knows.*

Đức Phật

Như thể ngài đang lắng nghe. Tịch lặng: xa xăm...

Chúng con lặng im và không nghe gì hết.
Ngài là vì tinh tú. Và chung quanh Ngài
là những ngôi sao lớn khác mà chúng con
không thể thấy.

Ồi, ngài là tất cả pháp. Phải chăng chúng con
đang mong
rằng Ngài có thể nhìn thấy chúng con? Ngài
cần chăng?
Và cho dù chúng con có sụp lạy trước Ngài
Ngài vẫn trầm lặng và nhàn rỗi như chúa tể
của loài thú hoang.

Chính điều đó đã kéo chúng con quý mọp dưới
chân Ngài
Đi nhiều quanh Ngài hàng triệu năm
Những gì chúng con kinh lịch Ngài đã rũ sạch
Và đó là thứ chướng ngại chúng con, Ngài biết
rõ.

Buddha

*Already from afar the foreign shy
pilgrim feels the golden shimmering;
as if the rich filled with remorse
had piled up their secrecies.*

*But coming nearer he is stupefied
by the grandeur of the eyebrows:
for these are not their drinking vessels
or pendant earrings of their women.*

*Could anyone then say, which
things were melted down to erect
the figure on this calyx:*

*muter and a calmer yellow
than a golden figure and touching
the surrounding space as itself.*

Đức Phật

Đã xa rồi sự nhút nhát
khách hành hương cảm thấy lung linh vàng
rực;
như thể sự giàu sang chứa đầy ân hận
đã chất đầy những bí ẩn của họ.

Nhưng khi đến gần Ngài hơn thì sững sờ
bởi sự vĩ đại của hàng lông mày:
vì đây không phải là bình nước uống của họ
hay đôi bông tai phụ nữ của họ.

Có thể người nào đó nói rằng,
mọi thứ đã được nấu chảy ra để tạo nên
bức tượng trên đài hoa này:

một màu vàng lặng thinh và trầm lắng
hơn bức tượng vàng và chạm đến
không gian chung quanh như chính nó.

Buddha In Glory

*Centre of all centres, core of cores,
almond that encloses and sweetens itself –*



Rainer Maria Rilke (1875-1926) - Photo: cultura.hu

*everything, reaching to all the stars
is your fruit's flesh: Hail.*

*Look, you feel how nothing clings to you;
now your shell surrounds the infinite
and there the strong sap dwells and rises.
And from without a radiance assists him
for high above your suns are turned,
whole and glowing, in their orbits.
Yet in you has already begun
what endures beyond the suns.*

Đức Phật Trong Hào Quang

Trung tồn trong tất cả bậc tôn quý,
như hạt hạnh nhân ngọt ngào nằm ở giữa –
mọi thứ, vươn tới tất cả những vì sao
là tinh tú kết quả của bạn: Tuyệt vời.

Hãy nhìn, bạn cảm thấy không có gì bám víu;
Bây giờ cái vỏ của bạn bao quanh vô hạn
Và ở đó nhựa sống mạnh mẽ ngự trị và vươn
lên.
Và không từ sự rạn vỡ nào hỗ trợ Ngài

Bởi vì trên cao xanh những mặt trời của bạn đã
chiếu
khắp cả và chói sáng, trong các quỹ đạo của
chúng.
Nhưng trong bạn vốn đã bắt đầu
những gì tồn tại ngoài vầng thái dương.

Dịch thơ từ nguyên tác vốn đã là điều
không thể tránh khỏi sự mất mát đối với
nguyên tác. Hà huống nơi đây dịch lại từ một
bản dịch thì lại càng đi xa vạn dặm. Đó là chưa
nói đến khả năng hữu hạn về ngôn ngữ và thơ
của người dịch! Vì vậy, xin hãy lượng thứ cho
những điều vụng về.

Điều gây thích thú đặc biệt ở đây là một
thi hào lớn như Rilke đã từng rung động và
cảm kích trước một tượng Phật trong vườn. Chỉ
là một tượng Phật thôi đã có thể làm cho trái
tim và tâm hồn của nhà thơ run lên thành cung
bậc của ngôn ngữ trinh khiết nhất của loài
người để ca ngợi Đức Phật.

Rilke quả có duyên lành với Đức Phật.

GIẢ DẠNG THẦY TU

Người ta kể chuyện ngày xưa
Có người trông giống thầy tu vô cùng
Cột đầu, bện tóc, hở lưng
Mặc đồ rách rưới, sống vùng hoang vu
Tựa như một kẻ khô tu
Sống nhờ vào tấm lòng từ của dân
Bên ngôi làng nhỏ ở gần,
Nhưng đây là kẻ bản thân lọc lừa
Bê trong gian xảo không từ
Bê ngoài giả dạng “thầy tu lành hiền
Chẳng ham chi đến bạc tiền
Thành thoi buông xả nơi miền nhân gian.”

*

Ông già điền chủ trong làng
Muốn gây công đức nên mang cúng dường
Thức ăn ngon của địa phương
Đồng thời dựng ở mé rừng gần đây
Một am cỏ cho ông thầy
Để thầy trú ngụ hàng ngày tu thân,
Nhìn thầy ông lão nghĩ thầm:
“Bê ngoài có vẻ người chân tu rồi
Chắc thành thật và tốt thôi
Không làm việc xấu. Đây người đáng tin.”
Lo xa trộm cướp nổi lên
Ông đem một số bạc tiền của ông
Đến am lén lút vùi chôn
Tiền vàng đủ một trăm đồng quý thay,
Chôn xong ngỏ ý nhờ thầy
Coi giùm sản nghiệp giấu đây của mình.
Thầy tu lên giọng nghĩa tình:
“Đừng nhiều thắc mắc mà thành đa nghi
Người như ta có ham chi
Đã từng buông xả hết đi chuyện đời
Chẳng ham chiếm đoạt của người
Bạc vàng côi tục ta thời chẳng mong.”
Trở về điền chủ hài lòng
Nhủ thầm mình thật vô cùng khôn lanh

Khi tin tưởng bậc tu hành
Con người chân thật tốt lành biết bao.
Tiễn ông già khỏi rừng sâu
Thầy tu giả dạng khởi đầu máu tham
Nghĩ thầm: “Cả một kho tàng
Đủ cho ta sống vẻ vang trọn đời
Khỏi làm việc, sống thanh thoi
Khỏi cần khát thực mọi người nữa đâu.”
Thế là chỉ ít ngày sau
Thầy tu gian xảo đào mau lấy vàng
Dem đi chôn lén bên đường
Rồi quay về sống bình thường trong am.
Vài ngày sau thầy ghé thăm
Tới nhà điền chủ uống ăn thân tình
Ăn xong khẽ ngỏ ý mình:
“Nhờ ông tôi sống an bình chốn đây
Một thời gian khá dài thay
Tôi nên chấm dứt việc này ngay thôi
Tu là xa côi tục rồi
Không nên bám víu một nơi chốn nào
Dù ông có tốt biết bao
Tôi xin được phép rời mau khỏi làng
Tránh điều cầu ướm vương mang
Ra đi tiếp bước trên đường tu thân.”
Thốt lời lưu giữ nhiều lần
Vẫn không níu được bước chân của người
Ông già điền chủ đành thôi
Tiễn người ra tới tận nơi đầu làng.
Sau khi rời một quãng đường
Thầy tu giả hiệu đã ngừng bước đi
Trong lòng tính toán nghĩ suy:
“Làm sao lừa dối lão kia bây giờ
Để cho lão khỏi nghi ngờ
Lão điền chủ nọ ngu ngơ vô cùng.”
Thế là hấn đèn cánh đồng
Ngắt lên một ngọn cỏ bông dưới đây
Cắm lên búi tóc mình ngay
Xong rồi hấn làm bộ quay vào làng,
Ông điền chủ thật ngỡ ngàng



Thầy thầy quay lại vội vàng hỏi
ngay:

“Sao thầy trở lại chốn này?”

Thầy tu giả dạng ra tay bịp đời

Cúi đầu, đưa cổ, thốt lời:

“Nhà ông có cỏ trên nơi mái nhà

Cỏ này dính lộn tóc ta

Nên ta trở lại để mà trả ông

Của người chẳng dám lấy không

Có luôn giữ giới mới mong tu
hành.”

Ông già nghe tưởng thật tình
Thốt lời ca ngợi: “Tốt lành kẻ chi!

Xin thầy đừng nghĩ ngợi gì

Hãy nên vứt cỏ rồi đi khỏi làng

Những người vật chất không màng

Như ngài thanh tịnh xứng hàng chân tu

Không tham dù ngọn cỏ khô

Tôi đây may mắn có cơ cúng dường

Thầy tu giới đức ngát hương.”

Lão ông đánh lễ vô cùng trang nghiêm

Thầy tu từ biệt đi liền

Thấy người tin tưởng, thâm yên bụng rồi.

*

Bấy giờ từ chốn xa vờ

Có nhà buôn nọ qua nơi vùng này

Tính dừng chân nghỉ đêm nay

Bất ngờ nghe được chuyện thầy hiền lương

Nói cùng điền chủ cúng dường

Nhà buôn nghĩ: “Chuyện bất thường lạ sao!

Thật khôi hài biết là bao

Thầy kia chắc trộm vật nào quý hơn

Hơn ngọn cỏ, hơn cọng rơm

Cho nên đóng kịch giả luôn thật thà.”

Nhà buôn hỏi giọng điều tra:

“Thế ông điền chủ ở nhà trước đây

Có trao gì cho ông thầy

Để nhờ cất giữ hộ hay không nào?”

Thật tình ông lão thuật mau

Chuyện vàng chôn cất trước sau nhờ thầy.

Nhà buôn: “Ông hãy đi ngay

Để xem tài sản mất hay vẫn còn.”

Lão ông nghe nói hoảng hồn

Vội vàng bỏ chạy về luôn tức thì

Đào trong am chẳng thấy gì

Mới hay có kẻ lấy đi hết vàng

Ông già quay lại đầu làng

Báo nhà buôn rõ tìm phương giúp mình.

Nhà buôn: “Kẻ trộm gian tình

Chính là người giả tu hành chứ đâu

Chúng ta hãy đuổi theo mau

Bắt tên lừa đảo tùm đầu gian phi.”

Họ cùng rượt đuổi kẻ kia

Bắt quân gian lại rất chi kịp thời,

Sau khi bị đánh toi bời

Kẻ gian khai rõ ra nơi giấu vàng

Mọi người quay lại đầu làng

Bên đường đào lấy kho tàng kia lên.

Nhà buôn hiền trí dạy liền:

“Hồi tên đội lốt lành hiền chân tu

Từ lâu giả dối lọc lừa

Dù cho ngọn cỏ làm như chẳng màng

Nhưng ham cả một kho vàng

Hãy ngưng mau tính xấu mang trong người

Quay về nẻo thiện ngay thôi

Tu nhân, tích đức cuộc đời ngay đi.”

*

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN

Nhà buôn là tiền thân Đức Phật

thơ

TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi
THE PHONY HOLY MAN
của Ven. Kurunegoda Piyatissa
& Tod Anderson)

Đình Tụ Mây

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Làng tôi không có hình ảnh thi vị như “con sông bên lở bên bồi,” “cầu tre lắt léo” hay “mái đình, bến nước cây đa...” Làng tôi có vẻ hơi hướng thị thành hơn; nó nằm bên chợ, nhà ga, bến xe. Làng tôi cũng không có tên Nôm như những làng khác trên đất nước này mà chỉ có tên chữ. Làng tôi có cái tên rất hay, rất đẹp... Nó là tên của một địa danh mà bà Tây Lăng Vương Mẫu thiết tiệc bàn đào ở trong Tây Du Ký. Không chỉ ở tên làng mà tên mọi địa danh quê tôi đều hoàn toàn tên chữ, nào là: Diêu Trì, Long Vân, Cảnh Dương, Phước An... đây là dấu ấn tử thời Minh Mạng. Ông vua ấy là quy chuẩn hoá ngôn ngữ danh tự và địa danh. Ông ấy mê Tàu, Hán hóa hết mọi thứ!

Làng tôi có một ngôi đình mà tên nó cũng đương nhiên là tên chữ, rất đẹp, rất hay. Khi gọi tên là hiện lên hình ảnh rất đẹp và nhiều ý nghĩa: mây tụ. Nếu quý vị đọc sử xưa thì thường thấy dấu hiệu như: mây ngũ sắc, rồng bay lên, hương toả, kỳ lân xuất... để làm điềm báo tin trước một vị vua anh minh hay một thánh nhân ra đời... Có lẽ cũng từ cái kiểu thức này mà đình làng tôi có cái tên đẹp như vậy! Mặc dù làng tôi chẳng có quới nhân xuất, chẳng có hào kiệt hay anh thư nào cả (may ra có những kẻ ngớ ngẩn).

Ngày xưa khi còn nhỏ cứ mỗi năm vào dịp Thanh Minh là ngày cúng đình rất long trọng, linh thiêng. Các bô lão người thì áo dài xanh đậm chữ thọ, người thì áo the khăn xếp... đứng ra tế lễ. Bọn con

nít chúng tôi: thằng Tèo, thằng Tí, thằng Đức... ể nghe tiếng trống chầu là chạy võ đình coi cúng đình và chờ được ăn cháo lòng, bánh hỏi. Thằng Tí lanh chanh chỉ vào tượng Nam Tào-Bắc Đẩu giải thích:

“Hai ông này ghi tên và tuổi thọ của con người ở nhân gian đó!”

Thằng Tèo thì tỏ vẻ nghiêm trang hơn, chỉ tượng Quan Công nói:

“Quan Thánh linh lắm đó, ai ăn thịt chó sẽ bị ông quở!” (cũng quái lạ thật, ông này là võ tướng võ cùng kiêu căng ngạo mạn, coi người như rơm rác... Sử gia và triều đình Tàu tô vẽ đôn lên hàng thánh nhằm định hướng tư tưởng con dân trung thành với chúng. Vậy mà người Việt cũng mê muội thờ cúng, tin sái cổ!)

Xem các cụ già tế lễ lâu quá cả bọn mau chán bèn chia phe rượt bắt chạy quanh đình. Đình lớn và rộng lắm, cửa chính quay mặt ra cánh đồng, ngoài ra còn có cửa hậu và cửa hai bên. Bọn tôi thấy kinh thành trong các phim Hồng Kông đều liên tưởng đến đình mây tụ sao mà giống nhau thế. Buổi tối có hát bội miễn phí cho người làng và các làng bên cùng coi. Tuổi thơ chúng tôi trôi qua êm đềm bên đình. Rồi một ngày kia bỗng nhiên đình bị đóng cửa, không ai được vào trong; tiếp đó là người ta đập những phù điêu, những tượng trên nóc đình, quận cho xe đến chở Nam Tào-Bắc Đẩu cùng toàn bộ trống, chiêng, cờ, xí... đi đâu mất tiêu. Rồi đình bị lấy làm

nơi sản xuất màn trúc... Bọn chúng tôi chưng hửng, thế là mất một chỗ chơi, thế là từ nay không còn được coi cúng đình, không còn được ăn cháo lòng bánh hỏi miễn phí.

Ngày tháng qua nhanh như nước chảy mây bay, bọn chúng tôi lớn lên mỗi người tàn mác bốn hượng trời; sau hai mươi mấy năm, giờ gặp nhau trên NET rất vui nhưng để gì gặp lại nhau ở sân đình xưa. Danh ngôn Tây Phương có câu: “Không thể tắm hai lần trên một dòng sông”! Đúng vậy, dòng sông phút trước đã qua, dòng sông phút sau chưa đến, dòng sông lúc này không phải là dòng sông khi nãy... Dòng đời cũng như dòng sông nó chảy mãi không ngừng. Nhưng nó về đâu? Nó chảy muôn nơi, nó về biển cả rồi nó sẽ quay lại nguồn cội nơi nó đã ra đi. Nó chở những hạt phù sa bồi đắp cho ruộng đồng bờ bãi mà nó đi qua. Nó hoà vào sông khác trước khi ra biển, thậm chí có những dòng sông chết trước được thấy biển cả, nó chết trong sa mạc. Dầu cho nó chết hay được về biển cả thì mọi dòng sông vẫn chảy tràn trong tâm tưởng của con người. Nó vẫn hiển hiện bên đời. Nó hoá thân thành những ly nước trong lành mà ta uống, nó là những giọt sương, nó là hơi nước ở trong trời đất này!

Một ngày kia lên Net, tôi lại thấy ngôi đình ngày xưa, vẫn còn lần châu trên các trụ biểu, vẫn mái tam quan và bậc tam cấp nhìn ra cánh đồng. Tiếc rằng cánh đồng giờ bị san lấp để chia lô bán hết rồi! Ngôi đình đây mà hồn các bô lão mặc áo dài khăn đóng tế lễ ngày xưa đâu?

HỌC TU THÌ HIỂU

*Kinh doanh cửa Phật lợi mang
Bán buôn tạp nhạp đạo tràng thì không
Thu tiền lệ phí mỗi mong
Trục lợi đại chúng sống không thẹn người
Cuộc đời nhân quả chẳng rời
Mượn đời tạo đạo đất trời không tha
Người ơi hãy nhớ cho là
Học tu thì hiểu chánh tà rõ thôi
Thơ này tôi chẳng diều bới
Viết là tự nhắc để rồi tiến tu.*

(9-3-2019)

NGÕ THOÁT

*Ngõ thoát đường xưa ngấp nấp vàng
Gió cuốn người về ánh đạo quang
Trang kinh khép lại lòng rộng mở
Trải nghiệm từng giây cõi Niết Bàn*

*Chánh Pháp muôn đời soi rạng ý
Khai thông tâm thức vượt thời gian
Bỏ thói kiêu căng cùng ảo tưởng
Thấu triệt cõi nguồn tánh hiển quang.*

(Dallas Texas, 2-3-2019)

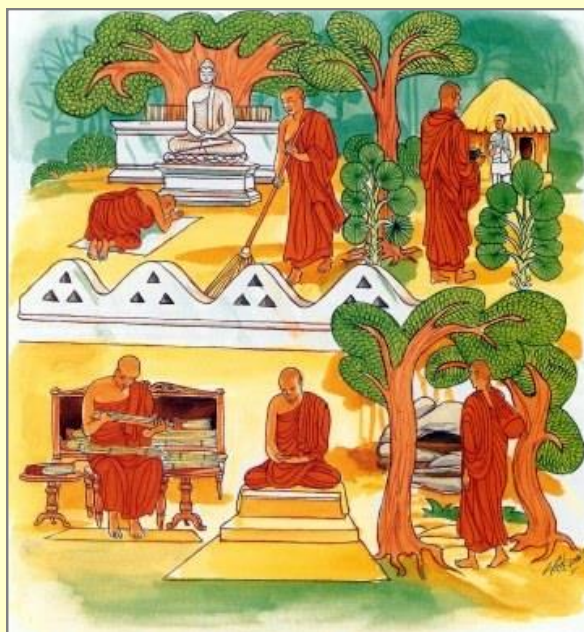
HƯỚNG VỀ NGUỒN CỘI

*Người giúp ta ta xin nhớ mãi
Ấn nghĩa đền quyết dứt niệm THAM
Lòng không cầu khẩn than van
Nương theo Chánh pháp thanh nhàn
kết duyên.*

*Người chửi ta ta xin im lặng
Nhớ thực hành Phật dạy đừng SÂN
Lắng lòng trải nghiệm từ tâm
Hướng về nguồn cội âm thầm sáng trong.*

*Người bỏ ta ta xin nhìn lại
Nguyện không buồn khởi niệm lòng SI
Phát tâm sống đạo từ bi
Tháng ngày tu tập chẳng gì bận tâm.*

(5-3-2019)



thơ TÁNH THIỆN

The Story of five Old Bhikkhus

Dhammapada, Verses 283 & 284

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (283) and (284) of this book, with reference to five old Bhikkhus.

Once, in Savatthi, there were five friends, who became Bhikkhus only in their old age. These five Bhikkhus, were in the habit of going together to their old homes for alms-food. Of the former wives of those five, one lady in particular, by the name of Madhurapacika was a good cook and she looked after them very well. Thus, the five Bhikkhus went mostly to her house.

But one day, Madhurapacika fell ill and died suddenly. The old Bhikkhus felt their loss very deeply and together they cried praising her virtues and lamenting their loss.

The Buddha called those Bhikkhus to him and said, "Bhikkhus! You all are feeling pain and sorrow because you are not free from greed, hatred, and ignorance (raga, dosa, moha), which are like a forest. Cut down this forest and you will be freed from greed, hatred and ignorance."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 283: O Bhikkhus, cut down the forest of craving, not the real tree; the forest of craving breeds danger (of rebirth). Cut down the forest of craving as well as its undergrowth and be free from craving.

Verse 284: So long as craving of man for woman is not cut down and the slightest trace of it remains, so long is his mind in bondage as the calf is bound to & ever follows its mother cow.

At the end of the discourse the five old Bhikkhus attained Sotapatti Fruition.

FOREST OF LUST

Cut down the hole forest of desires, not only single trees,
since from this forest of greed grows fear. Cut down all
of this forest, Bhikkhu, and uproot its undergrowth
and you shall be freed from the chain of craving.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



MÙA XUÂN EM ƠI

Mùa xuân em ơi!
Hoa đào rực rỡ
Thấp thoáng má hồng
Như cổ tích ngàn năm tự phương Đông.
Một sớm mùa xuân chân trời hải ngoại
Muôn sắc hương hoa
Em ở đâu lại về đây ngẩn ngơ mắt biếc
Mảnh mai thướt tha thanh vận hình hài.
Mùa xuân ơi!
Vẫn mãi mãi muôn đời
Trời hai phương bỗng bênh mây trắng
Một cõi sơn hà bao chia chẻ cách ngăn.
Cuộc rong chơi tự bao giờ và bắt tận
Lại hồi sinh cứ mỗi độ sang xuân
Cánh đào hồng rơi trên thảm cỏ xanh xanh
Đôi gót chân sơn đạo in vết quanh vườn
Tiếng hát bay trên thảo nguyên bát ngát
Mùa xuân ơi mình mãi giữa con đường.
Lên chùa lễ khói trầm hương hóa hiện
Cung trời vàng vĩnh viễn vô biên
Mái chùa mới tái hiện hình ảnh ngàn năm nước Việt
Hồn tổ tiên mộng lung giữa trời đất ngoại phương
Em ơi mùa xuân đẹp đến dường nào!
Lòng nao nao...
Mùa xuân em ơi, một chữ tình vô hình đến vậy!
Mà tâm tư dậy cả sóng lòng
Như cánh bướm bên này khẽ vỗ
Nửa bên kia, sơn hà nối bão tố cuồng phong
Mùa xuân giữa giòng
Và đó đây nối liền nguồn cội.

XUÂN SẮC BIẾC HỒNG

Cuối đông đã rộ hoa đào
Mái chùa hải ngoại nao nao tác lòng
Mùa lên xuân sắc biếc hồng
Một cung trời mộng giữa giòng tử-sanh



THỦY TIÊN

Ô hay mân bạc chén vàng
Thủy tiên rực rỡ mùa sang sáng này
Mình già mà chẳng kịp hay
Sao còn đủ để lòng say sắc trần

CÚNG DƯỜNG

Đầu mùa áo lụa xênh xang
Trắng trong bạch ngọc giữa vàng hương thôn
Cúng dường Thiện Thế Thế Tôn
Hương là lời kệ vô ngôn giữa trần

THỪA RẰNG

Rót ly vang đỏ tự mừng
Mấy mươi năm lẻ đã từng vậy sao
Ừ thì chẳng đón đưa nhau
Thừa rằng quên đã từ lâu lắm rồi

MỪNG XUÂN

Tạ ơn chư Phật ba đời
Trong ngoài cố quận đất trời thanh tân
Hỷ hoan xuân vẫn thật gần
Hoàng hoa hội để mấy lần trùng lai.

thơ

TIÊU LỤC THẦN PHONG

Bậc Thánh xử kiện

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Có một người đàn bà bỗng một đứa bé đến hồ sen của Đức Mahasadha để rửa tay cho nó. Sau khi rửa ráy cho con và để con ngồi trên đồng áo quần khô, người đàn bà ấy xuống hồ tắm rửa.

Lúc bấy giờ, một con quỷ Dạ Xoa cái trông thấy và thèm ăn thịt đứa bé. Nó liền biến thành một người đàn bà và đến nói với mẹ đứa bé rằng:

- Chị ơi, thằng nhỏ dễ thương quá! Phải con chị không?

- Vâng con tôi đây.
- Tôi cho nó bú nhé?
- Được, chị cứ cho.

Lúc ấy con quỷ ẵm đứa bé lên, nâng niu rồi bỗng đi mất.

Trông thấy con mình bị người lạ mặt bỗng đi, mẹ đứa bé đuổi theo và la lên:

- Chị, chị đem con tôi đi đâu đấy?
- Sao, con chị à? Đây là con của tôi.

Hai người đàn bà tranh chấp nhau về đứa bé.

Từ trong nhà nghe tiếng cãi cọ ồn ào, Đức Mahosadha gọi họ và hỏi:

- Có chuyện gì xảy ra đấy?

Sau khi biết được lý do của cuộc tranh chấp và nhận ra con quỷ Dạ Xoa cái qua đôi mắt đỏ ngầu và thân hình không in bóng của nó, Đức Mahosadha hỏi thêm:

- Các người có muốn ta phân xử việc này không?
- Xin Ngài phân xử cho.

Đức Mahosadha gạch một đường thẳng trên mặt đất, đặt

đứa bé nằm cân phân trên đường thẳng ấy và bảo con quỷ cầm hai tay đứa bé, mẹ nó cầm hai chân đoạn Ngài hô lên:

- Hai người kéo đi. Đứa bé sẽ thuộc về người kéo được nó.

Hai người đàn bà nong sức kéo, đứa bé đau quá ré lên khóc.

Mẹ đứa bé, vì quá thương con, không kéo được nữa và đứng khóc.

Đức Mahosadha hỏi mọi người chung quanh:

- Trong hai người, mẹ ruột và người dưng, ai là kẻ thương yêu đứa bé?

- Kính thưa Ngài, mẹ ruột.

Và ai là người mẹ của đứa bé? Người giữ đứa bé hay là người thả đứa bé?

- Kính Bạch Ngài, người thả đứa bé.

- Các người có biết người ăn cắp đứa bé này không?

- Kính Ngài, chúng con không biết được.

- Đây chính là một con quỷ Dạ Xoa cái, nó đã ăn cắp và định ăn thịt đứa bé.

- Kính Bạch Ngài, tại sao Ngài biết?

- Bởi vì đôi mắt của nó đỏ ngầu, thân hình của nó không có bóng, nó không có một chút tình thương đối với đứa bé và kéo đứa bé một cách tàn nhẫn.

Bấy giờ Đức Mahosadha mới hỏi con quỷ Dạ xoa cái:

- Đây là ai?
- Tôi là quỷ Dạ Xoa.
- Tại sao mày ăn cắp đứa

bé?

- Để ăn thịt nó.

- Vì mê muội, kiếp trước mày đã phạm nhiều tội ác và phải đầu thai làm quỷ. Thế mà ngày nay mày vẫn tiếp tục phạm tội ác. Ngu si lầm lạc như thế thật là quá đỗi.

Sau khi ban dạy những lời vàng ngọc trên, Đức Mahosadha quy y cho con quỷ Dạ Xoa trước khi nó từ giã.

Mẹ của đứa bé hướng về Đức Mahosadha và bạch rằng:

- Kính Bạch Ngài, con xin kính chúc Ngài được trường thọ.

Rồi với đứa con trong tay và niềm hoan hỷ trong lòng, người đàn bà bái biệt Đức Mahosadha...

THIỆN CHÂU

"Không bỏ thí tiền của, không bỏ thí pháp, không bỏ thí vô úy, thường ôm lòng tham lam ganh ghét, do nhân duyên ấy sẽ sanh vào cõi nạ quỷ."



GỎI BẮP CHUỐI



Nguyên liệu:

- 1 bắp chuối hột
 - 1 miếng tàu hũ ky trắng
 - 150g nấm rơm búp
 - 1 cây mì căn
 - 1 nắm rau răm
 - 100g đậu phộng
 - 50g củ kiệu tươi băm nhỏ
- Nước tương, giấm, chanh, đường, ớt, dầu ăn, bột ngọt

Cách làm:

1. Chuẩn bị

- **Bắp chuối** : Rửa sạch, luộc chín, vớt ra, lược phần non, xé nhỏ, vắt lại cho ráo nước (khi luộc nên nặn chút chanh vào nước cho bắp chuối được trắng)
- **Tàu hũ ky** : Rửa sơ nước lạnh, xắt nhỏ chiên với dầu ăn cho vàng, nêm chút nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn (dầu ăn nên khử chút kiệu tươi băm nhỏ cho thơm)

- **Nấm rơm** : gọt rửa sạch với nước lã có pha chút muối, xắt mỏng, để ráo nước xào với dầu đã phi chút kiệu băm nhỏ, nêm vừa ăn như tàu hũ ky
- **Mì căn** : Xé nhỏ bằng 1/2 ngón tay, chiên với dầu đã phi chút kiệu tươi cho thơm, nêm chút nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn
- **Đậu phộng** : Rang với chút muối cho vàng, bóc vỏ, giã hơi nát
- **Rau thơm** : lật rửa sạch, để ráo nước, xắt nhỏ
- **Ớt** : Tia hoa, ngâm nước

2. Trộn gỏi

Trộn chung : Bắp chuối + 1/2 tàu hũ ky + 1/2 nấm rơm + 1/2 mì căn lại cho đều, nêm nước tương + chanh + đường + bột ngọt + ớt giã nhỏ cho gỏi được vừa ăn, gỏi chua chua ngọt ngọt là được.

3. Trình bày

Cho gỏi chay ra đĩa hình bầu dục, rải thêm 1/2 tàu hũ ky + nấm rơm + mì căn còn lại lên mặt gỏi, cho rau thơm + đậu phộng lên. Giữa đĩa cắm ớt tia hoa cho đẹp. Gỏi này dùng chung với nước tương + chanh + ớt + đường.

(Nguồn linkedin)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

TẠI SAO NHIỀU NGƯỜI HOA KỲ ĐANG HƯỚNG VỀ PHẬT GIÁO

Tôn giáo xưa cổ phương Đông này đang giúp nhiều người phương Tây các nan đề tâm bệnh hiện đại

Tác giả: OLGA KHAZAN

Dịch giả: **Phan Tấn Hải**

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(Lời Dịch Giả: Bài này dịch từ "Why So Many Americans Are Turning to Buddhism: The ancient Eastern religion is helping Westerners with very modern mental-health problems" của tác giả Olga Khazan, đăng ngày 7 tháng 3/2019 trên tạp chí The Atlantic. Trong bài dẫn ra một thống kê, cho thấy người dân ngày càng gặp nhiều khủng hoảng tâm lý, căng thẳng, trầm cảm, trong khi 60% quân hạt Hoa Kỳ không có tới một bác sĩ tâm lý. Đó là lý do nhiều nhà tâm lý trị liệu khuyên người dân nên tìm tới Phật giáo để thiền tập, xem như một phương thuốc. Thống kê trong bài cũng nói rằng, **40% dân Mỹ đang thiền tập ít nhất là hàng tuần**. Nhiều người Mỹ không tìm được câu trả lời từ tôn giáo Ky tô họ được dạy từ thơ ấu, trong đó một số đã rời bỏ nhà thờ để theo Phật giáo, một số vẫn giữ tôn giáo cũ và chỉ chọn thiền tập như một phương thuốc y khoa trị liệu. Chúng ta nghĩ gì? Cộng đồng người Việt đã hình thành ở Mỹ từ 44 năm nay, đã có thêm hai, hay ba thế hệ hậu sinh, trong đó nhiều em hoàn toàn không biết tiếng Việt, đã suy nghĩ gần như người Mỹ, và chắc chắn đa số các em cũng nằm trong nhóm 40% dân Mỹ đang nghĩ tới, hay đang tìm tới Phật giáo như vị thuốc. Do vậy, các chùa hải ngoại nên đưa thiền tập vào sinh hoạt chính trong hoằng pháp.)

Trong bộ áo tràng màu vàng, với đầu không để tóc, vị nữ thiền sư dạy chúng tôi không làm gì hết. Chúng tôi ngồi lặng lẽ trong các ghế nhựa plastic, nhắm mắt, và tập trung vào hơi thở. Trước đó, tôi chưa bao giờ thiền tập, nhưng tôi đã từng đi nhà thờ, do vậy tôi một cách phản xạ cúi đầu xuống. Rồi tôi nhận ra, vì thấy rằng việc này sẽ kéo dài khoảng 15 phút, tôi nên để cổ ở một vị trí thoải mái hơn.

Đó là buổi đầu trong hai thời thiền tập của



OLGA KHAZAN (The Atlantic)

lớp Kadampa Buddhism (một tông phái PG Tây Tạng) tôi tham dự tuần này, gần nhà tôi, ở Bắc Virginia, và tôi không tới Niết bàn. Bởi vì chúng tôi ở trong một thành phố lớn, bên ngoài đôi khi tiếng còi hú xuyên bức màn tĩnh lặng, và vì nơi thiền tập nằm dưới tầng hầm một nhà thờ, người ta vẫn đang cười, nói trong các hành lang. Một anh chàng bước vào hỏi, rằng đây có phải là buổi họp của Alcoholics Anonymous (lớp dạy cai nghiện rượu). Vị thầy bảo đảm chúng tôi rằng, hãy càng tập trung vào hơi thở, là phân tâm càng tan biến nhanh chóng.

Sau khi cúng tôi ngồi thiền khoảng 15 phút, vị thầy bảo hướng tập trung vào đề tài của lớp: buông bỏ sân hận. Đó là lý do thực mà tôi tới với lớp thiền này, hơn là cứ tự mình thiền tập tại nhà với cái app (ứng dụng qua điện thoại di động). Tôi muốn học thêm về Phật giáo và về cách Phật pháp có thể cải thiện sức khỏe tâm lý của tôi – và đó là lý do hàng loạt người Mỹ khác tìm tới Phật giáo các năm gần đây. Những người mới này không nhất thiết tìm giác ngộ tâm linh hay tìm một cộng đồng tín ngưỡng, nhưng là hy vọng tìm một

cách chữa trị tâm lý nhanh chóng.

Tôi đã nói chuyện với nhiều người, già và trẻ, rất ít người trong đó sinh trong gia đình theo Phật giáo. Có lẽ vài người trong đó đã hết cách chọn lựa: rối loạn tâm thần tăng vọt trong xã hội phương Tây, và câu trả lời như đường không phải là tới nhà thờ, nơi giáo dân đang suy giảm. Luôn luôn có những cách trị liệu, nhưng đều quá đắt tiền. Còn lớp thiền tôi theo học chỉ tốn có 12 đôla.

Trong khi mở một cuốn sách về Phật pháp, vị nữ thiền sư nói với cả lớp rằng giữ lòng sân là điều nguy hại. Giữ niệm sân y hệt như nắm giữ lấy một cây gậy đang bốc cháy, và than phiền rằng nó đang đốt cháy chúng ta. Và rằng, khi bị người khác làm hại, thì mình cũng tổn thương. Do vậy, vị thầy nói, câu hỏi là: "Tôi nên làm gì với tâm tôi nếu tôi cảm thấy như đang bị người khác làm hại?"

Người Mỹ khắp nơi như đường đang tự hỏi những hình thức khác của câu hỏi này: Chúng ta nên làm gì với tâm của chúng ta?

Một ông bố khoảng 40 tuổi, cư dân tại Los Angeles, đang khựng lại. Ông đã thành đạt hầu hết mục tiêu sự nghiệp, tới chức vụ quản lý cao cấp ở một công ty lớn. Nhưng công việc đầy cạnh tranh đã làm kiệt sức cuộc hôn nhân của ông, và ông đang tiến trình ly dị. Ông hiếm khi được gặp các con đã lớn. "Nói ngắn gọn, tôi đang trải qua một cuộc khủng hoảng giữa đời," theo lời người này viết cho tôi qua email, vài ngày trước khi tôi tham dự lớp thiền. (Ông yêu cầu ẩn danh, bởi vì hồ sơ ly dị và các tranh chấp khác của ông không là chuyện công khai.)

Mới năm ngoái, ông bố này hướng sang pháp trị liệu tâm lý truyền thống trong vài tháng, nhưng ông không thấy lợi ích nhiều như mong đợi. Ông đã cảm thấy hầu như được dạy là phải làm hợp lý hóa các cảm xúc và hành vi tổn thương đó. Tuy nhiên, chuyên gia trị liệu đó cũng đề nghị ông tìm đọc hai cuốn sách lợi ích: *How to Be an Adult in Relationships* (Để Làm Người Trưởng Thành Trong Quan Hệ Tình Cảm) của David Richo, và *The Wise Heart* (Trái Tim Trí Tuệ), của Jack Kornfield. Cả hai tác giả đều viết trong tư tưởng và chủ đề Phật giáo, và mới đầu năm nay họ giới thiệu ông về việc thiền tập.

Muốn tìm hiểu nhiều thêm, ông bố này mới gần đây tham dự một lớp thiền Phật giáo ở Hollywood, California, nơi ông học những cách để thiền tập thâm sâu hơn và để thay đổi cách ông ứng xử với quan hệ tình cảm. Bây giờ ông thấy cởi mở hơn và sẵn sàng để chịu đựng hơn đối với gia đình và bạn hữu. Ông nói, "Là một tín đồ Công giáo La mã, tôi gặp gian nan với một số khái niệm tôn giáo, nhưng điều đó không ngăn cản tôi ứng dụng kỹ năng và triết lý Phật giáo." Thêm nữa, ông nói với tôi, như đường là vũ trụ đã đặt Phật giáo tới trước mặt ông.

Mặc dù con số chính xác về mức độ phổ biến khó tìm, nhưng Phật giáo như đường đang hiển lộ trong thế giới phương Tây hạng A. Tác phẩm "*Why Buddhism Is True*" (Tại sao Phật giáo là sự đúng đắn chân thực) của nhà báo Robert Wright trở thành sách bán chạy trong năm 2017. Các trung tâm dạy thiền Phật giáo gần đây mọc lên ở các nơi như Knoxville, Tennessee, và Lakewood, Ohio. Bây giờ đã có hàng chục bài giảng âm thanh (podcast) về Phật pháp, trong khi có nhiều ứng dụng điện tử (apps) và các chuỗi bài giảng (playlists) đặc biệt soạn ra để dạy thiền cho từng cá nhân và không mang đặc tính Phật giáo. Có 4/10 người thành niên Hoa Kỳ bây giờ nói rằng họ thiền tập, ít nhất là hàng tuần.

Hugh Byrne, giám đốc trung tâm Center for Mindful Living tại Washington, D.C., nói rằng cộng đồng thiền tập địa phương này đã "bùng nổ trong mấy năm qua." Trong khi tôi lần dò trên mạng từ nhóm thiền này sang nhóm thiền kia tại vùng thủ đô D.C. mới đây, tôi nhận ra một vài "không gian thiền tập" nơi trước kia là trụ sở của các cơ sở doanh nghiệp thương mại. Nghiên cứu hàn lâm về thiền tình thức cũng đã bùng nổ, biến cái phương Tây một thời xem như pháp luyện tâm kỳ bí của các chàng hippies bây giờ trở thành như là kiểu "luyện tâm mì ăn liền" cho mọi người.

Phật giáo đã được ưa chuộng qua nhiều hình thức trong một số giới ưu tú kỹ thuật và giới nghệ sĩ nổi tiếng, nhưng phần chủ lực của tôn giáo này thu hút nhiều người Mỹ có vẻ như là sức khỏe tâm trí. Một số người thấy rằng tôn giáo xưa cổ này giúp họ ứng xử với mũi tên, đầu đạn và các chỉ trích trên mạng của thời hiện đại. Nhiều người thấy căng thẳng quá độ vì màn kịch diễn liên tục của chính phủ hiện nay, và các giờ làm việc đã làm họ kiệt sức trong ngày. Có gì rất là mới mẽ, lỗi cuốn về một pháp tập dạy rằng bạn chỉ cần ngồi, tỉnh thức và nhận thấy không có gì kéo dài miên viễn. Có lẽ sự thoải mái tới chỉ đơn giản từ cái biết rằng các vấn đề làm nguy hại cho con người đã có từ rất xa xưa, cả trước thời kỳ của Gmail.

Một vài chủ đề và ý tưởng như đường thống nhất các kinh nghiệm dị biệt của những người tôi đã phỏng vấn. Điều để đầu tiên của Đức Phật là "đời là khổ," và nhiều người phương Tây mới theo học thiền điển dịch rằng, có nghĩa là chấp nhận các cảm xúc đau đớn có thể tốt hơn là tìm cách tránh hoa chúng. Daniel Sanchez, 24 tuổi, cư dân New Jersey, nói, "Phật giáo nhìn nhận rằng khổ là tất yếu. Tôi không nên tập trung vào việc tránh né khổ, nhưng nên học cách đối phó với khổ."

Bên cạnh việc thiền tập mỗi sáng và đêm, Sanchez đọc kinh Diamond Sutra (Kinh Kim Cương) và Heart Sutra (Tâm Kinh), các luận thư từ thời đầu Trung Cổ, và lắng nghe những bài giảng Thiền Tông. Các kinh hoàn toàn cách biệt với nội dung bình thường của trị liệu tâm

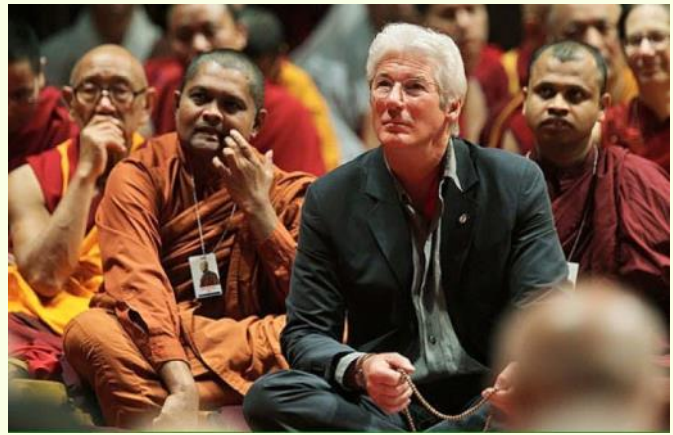
lý, trong đó người ta có thể tư duy về những gì thực sự làm người ta hạnh phúc. Tư tưởng Phật giáo khuyên rằng người ta không nên tham muốn sự tiện nghi dễ chịu và tránh né những kém tiện nghi khó chịu, mà một vài người xem như là được phép nhay rời khỏi máy chạy thể dục.

Galen Bernard, một huấn luyện viên về kỹ năng sống ở Colorado, nói với tôi rằng cuốn sách "Comfortable With Uncertainty" (Thoải Mái Trong Bất Định) viết bởi Ni trưởng Pema Chodron đã ảnh hưởng tới ông hơn bất cứ gì khác, có lẽ chỉ trừ kinh nghiệm lần đầu của ông với thuốc Prozac (thuốc an thần, trị trầm cảm). Ông nói rằng cuốn sách và lời dạy trong đó giúp ông tránh gọi tên một số kinh nghiệm như là tiêu cực. Thí dụ, với bạn gái cũ, khi mỗi tình tan vỡ và phải chuyển sang tình bạn thì cảm thọ ban đầu là đau đớn, nhưng các bài viết của Chodron và các người khác đã giúp ông nhìn thấy rằng "nó có thể như dường là quả mứt đau đớn, nhưng thực sự nó chỉ là một kinh nghiệm tôi đang có mà... có thể thực sự là một cửa ngõ tới niềm vui nơi mặt bên kia."

Trong nhiều thập niên, người ta tìm cách tự thăng hoa mình xuyên qua các lớp học và khóa hội thảo, trong đó phần nhiều kết hợp các yếu tố của các tôn giáo phương Đông. Phong trào có tên Human Potential Movement thời thập niên 1960s đã ảnh hưởng tới công trình nghiên cứu của nhà tâm lý học Abraham Maslow (người nhấn mạnh tư duy tích cực) và, có lẽ kém tích cực là, phong trào Rajneesh được Netflix quay thành phim tài liệu có tên là Wild Wild Country (1). Trong thời thập niên 1970s, tổ chức Erhard Seminars Training, viết tắt là EST, đưa ra các lớp dạy về cách "nhận trách nhiệm với cuộc đời bạn" và "hãy đón nhận chúng." (2)

Điều dị biệt – và có lẽ, bảo đảm – về Phật giáo là, đây là một tôn giáo dường hữu được tu tập bởi nửa tỷ người. Bởi vì chưa có nhiều người Mỹ gốc Caucasian (hiểu là, da trắng) thường thành trong môi trường Phật giáo, họ thường không mang bất kỳ hành trang gia đình nào với nó, hết như một số người, thí dụ, thời thơ ấu lớn lên trong môi trường Ky tô giáo hay Do thái giáo. Trong khi nhẹ nhàng không hành trang, cũng có nghĩa là việc thực tập Phật giáo thế tục thường khác biệt rất nhiều với tôn giáo tự thân. Tất cả những người thiền tập thế tục mà tôi đã nói chuyện cho bài viết này đều đang đọc nhiều sách, nghe nhiều băng giảng khác nhau, và theo nhiều vị thầy và nhiều tông phái dị biệt. Sự diễn dịch của họ về Phật pháp không nhất thiết phù hợp với nhau, hay với các luận thư truyền thống.

Tôi đã được nghe về những cái nhìn của họ, nêu lên từ một chuyên gia về Phật giáo, David McMahan tại đại học Franklin and Marshall College, người nói rằng một số diễn dịch kiểu phương Tây này có một chút pha trộn từ



văn hóa và bối cảnh nguyên thủy của Phật giáo. Phật giáo mang theo với nó một nhóm các giá trị và đạo đức mà người Mỹ da trắng không luôn luôn sống theo. Nhiều phần như các tín đồ "Công giáo tiệm cà phê" (3) gạt bỏ những phần trong tôn giáo này mà họ thấy không phù hợp, một số người phương Tây tập trung chỉ vào một số thành phần trong triết học Phật giáo và không chấp nhận, thí dụ, quan điểm về tái sinh của Phật giáo hay thờ phượng Đức Phật. Hãy gọi họ là "buffet Buddhists" (những Phật tử chỉ chọn vài món ăn trong bàn tiệc).

McMahan nói, khi tách rời khỏi bối cảnh Phật giáo, các phương pháp như thiền tập "trở thành y hệt như một miếng bọt biển khô (để lau chùi) sẽ hút nước bất cứ giá trị nào quanh nó." Nhưng các nhà sư truyền thống "không thiền tập để kinh doanh."

Cái gọi là Phật giáo thế tục, theo lời Aulry Johnson, một người pha rượu trong một tiệm ăn ở Colorado và là một hướng dẫn viên du lịch, người thường xuyên thiền tập, "có một chút dễ tiếp cận hơn đối với những người không chủ yếu tự nhận là Phật tử, hay đã tự nhận là theo tôn giáo nào khác hay triết lý nào khác, nhưng muốn ứng dụng vài phương pháp Phật giáo để phụ trợ cho quan điểm thế giới hiện nay của họ." Thực sự, nhiều trung tâm dạy thiền nhấn mạnh rằng bạn có thể tham dự khóa thiền mà không cần là Phật tử.

Phật Giáo Bàn Tiệc có thể là phi truyền thống, nhưng tính linh động của kiểu này cho người ta dễ dàng hơn trong việc áp dụng triết lý này để chữa trị bệnh trầm cảm. Một số người lại thực tập Phật giáo và thiền tập như cách thay thế cho pháp trị liệu tâm lý hay thuốc chữa bệnh tâm lý, trong tình hình hiện nay chăm sóc bệnh tâm thần quá đắt và hiếm hoi: 60% quận hạt tại Mỹ không có tới một bác sĩ tâm lý. Bernard nói, "Tôi có bảo hiểm y tế khá tốt, nhưng nếu tôi muốn có sự hỗ trợ [y tế], phải cần tới một tháng rưỡi để được khám bệnh. Có một nguồn tài nguyên [thiền tập] mà tôi có thể mở sẵn ra dùng thì thật là hữu ích tuyệt vời."

Một số người hướng tới cả Phật giáo và trị liệu tâm lý. Byrne, giám đốc viện Center for Mindful Living, nói: "Có một sự chông lẩn giữa lý do những người tới để chữa trị và lý do họ tới để thiền tập." Một số chuyên gia trị liệu cũng

khởi sự kết hợp khái niệm Phật giáo vào việc họ chữa trị. Tara Brach, một bác sĩ tâm lý và là người sáng lập trung tâm thiền Insight Meditation Community tại Washington, D.C., cũng ứng cả việc dạy thiền và nói chuyện với các chủ đề như "Từ Là Người Tới Là Người" (From Human Doing to Human Being) trên trang web của bà. Tại Texas, bác sĩ tâm lý Molly Layton khuyến khích bệnh nhân hãy tỉnh thức "ngồi với các niệm của họ," còn hơn là "nhảy vào chu kỳ suy nghĩ của họ."

Mary Liz Austin, người trị liệu tâm lý trong viện Center for Mindful Living, tương tự giúp bệnh nhân thấy rằng "chính sự dính mắc vào kết quả mới thực sự gây ra đau khổ." Một cách dạy ưa chuộng khác của bà là phương châm của Ni trưởng Chodron đưa ra, "Mọi thứ đều có thể dùng được." Nghĩa là, một cách chủ yếu, rằng những gì tốt lành cũng có thể tới từ những khoảnh khắc tệ hại nhất. Austin nói, "Tôi đang trải qua kinh nghiệm hiện nay với thân phụ của chồng tôi. Ông đang hấp hối vì ung thư. Tình hình cực kỳ tệ hại. Nhưng điều tôi đang thấy là, kết quả của việc chẩn đoán ung thư này là mọi người về bên giường bệnh bố chồng tôi, mọi người bày tỏ lòng yêu thương rất mực tới ông, và như thế cho phép những người trong đời bạn xuất hiện trong một cách mà bạn thấy quá nhiều điều đáng trân quý."

Có những lần, chính các thiền sư lại hành xử như các chuyên gia trị liệu tâm lý, đưa ra hướng dẫn thực dụng để đối phó với các khó khăn đương hữu. Byrne, người cũng dạy thiền tập, đã viết một cuốn sách về sức mạnh của chánh niệm trong việc thay đổi thói quen. Ông dùng pháp thiền tỉnh thức để giúp người khác hiểu về vô thường, một giáo lý khác của Phật giáo. Cách này là, hãy nhìn thấy cảm thọ của bạn và kinh nghiệm chúng - kể cả lo âu hay đau đớn - như là liên tục thay đổi, "y hết một hệ thống khí hậu trải nghiệm," theo lời ông. Mọi thứ, thực sự rồi, sẽ kết thúc.

Cecilia Saad thấy đó là một điểm hấp dẫn đặc biệt của Phật giáo. Một bạn thân của bà bị chẩn đoán có bệnh ung thư ba năm về trước, và Saad cảm thấy ấn tượng về cách bình tâm mà người bạn giữ được xuyên qua thời gian chẩn đoán và chữa trị. Saad nói, "Chúng tôi đã nói nhiều về quan điểm của cô ta, và cô cứ luôn luôn trở về với Phật giáo của cô." Bây giờ thì, khi Saad căng thẳng lo âu về chuyện gì, khái niệm vô thường giúp bà hình dung rằng bà đã sẵn sàng sống sót qua sự kiện mà bà đang lo âu trải qua."

Trong lớp thiền của tôi, vị nữ thiền sư đọc từ cuốn sách của bà với giọng đều đặn, tuyệt hảo, không vướng giọng địa phương (ám chỉ, nữ thiền sư là ngoại kiều, không dùng tiếng Anh như bản ngữ). Sách nói với chúng tôi là hãy xem xét rằng có 2 lý do người ta có thể gây hại chúng ta: đó là bản chất của họ là gây

hại, hay là hoàn cảnh atm thời làm cho họ hành động gây hại. Dù cách nào đi nữa, vị thầy nói, sẽ là vô nghĩa nếu chúng ta nổi giận với người kia. Bản chất của nước là ướt, do vậy bạn sẽ không nổi giận đối với trận mưa làm bạn ướt mem. Và bạn sẽ không nguyên rủa các đám mây vì tạm thời có một hệ thống khí hậu gây ra các trận mưa.

"Khi nào chúng ta bị buộc làm tổn thương người khác?" bà hỏi, giọng nâng lên trước khi trả lời: "Khi chúng ta đau đớn. Nếu bạn thấy sợ hãi, sẽ dễ dàng khởi lòng từ bi."

Bà yêu cầu chúng tôi nhắm mắt và thiền tập lần nữa, lần này trong khi suy nghĩ về việc buông xả tâm sân hận phiền muộn đối với một người nào trước đó họ từng hại mình. Tôi chuyển cách suy nghĩ một cách khó khăn, và thắc mắc về cách mà anh chàng to con ngồi phía trước tôi mặc áo T-shirt cảm thọ. Tôi gặp khó khăn hướng tâm về lòng sân hận, và mắt tôi cứ tự động chớp hoài. Bên ngoài trời là lạnh giá 30 độ (4) nhưng hầu hết các ghế trong lớp thiền đều có người ngồi. Đông như thế là rất khích lệ. Dù vậy, điểm đáng nhớ là, quá nhiều người trong chúng tôi đã sẵn sàng bước xuyên bóng đêm lạnh băng chỉ để học một vài trí tuệ căn bản về cách nào để làm bớt buồn phiền.

Trong trường Chủ Nhật (ám chỉ, lớp hàng tuần ở các nhà thờ Ky tô dạy trẻ em), khi bạn mở mắt trong khi đọc kinh cầu nguyện, mấy đứa trẻ khác sẽ mách linh mục về bạn; do vậy tự mấy đứa trẻ đó kết tội là chúng cũng mở mắt vậy. Đó là cách đôi khi người ta làm như thế, tôi suy nghĩ: Họ sẽ tự đốt cháy họ để tìm cơ hội gây hại cho người khác. Tôi hít một hơi thở sâu và tìm cách khởi lòng từ bi hướng về họ.

GHI CHÚ của dịch giả:

(1) Phim "Wild Wild Country" dài 6 tập, về cuộc đời giáo chủ Osho (Bhagwan Shree Rajneesh), là người sáng lập một cộng đồng kết hợp huyền học phương Đông với chủ trương yêu tự do, và bị nhiều báo Mỹ gọi là một đạo sư tình dục. Phim đầy đủ có thể xem ở Netflix, trong khi nhiều cuộc phỏng vấn liên hệ có thể xem trên YouTube. Có nhiều bản tin tiếng Anh có thể đọc trên Google về Osho.

(2) EST là tổ chức thành lập bởi Werner Erhard vào năm 1971, đưa ra khóa học dài 2 tuần lễ, tổng cộng 60 giờ đồng hồ, dạy kỹ năng sống, ứng phó, trách nhiệm cá nhân và chuyển hóa. Một số người chỉ trích rằng phương pháp EST là kiểm soát tư tưởng và đã tới gần như tà giáo. EST giải thể năm 1984.

(3) Tiếng Anh là "cafeteria Catholics" (Công giáo tiệm cà phê), có nghĩa là người tự nhận là tín đồ Công giáo nhưng không đồng ý một số giáo lý căn bản.

(4) Tác giả viết 30 độ là ám chỉ 30 độ F, lạnh dưới mức đóng băng, đổi ra đơn vị quen thuộc của người Việt là (âm) -1.1 độ C.

ĐÊM SAO

Hái chòm sao làm mắt thêm lấp lánh,
Lấy chút hương cho xuân mới nồng nàn...
Mây lam nhuộm câu kinh đêm quá vắng,
Bên trời kia mộng đã thấp phù sa.
Trong vui buồn đã đứng ngàn sinh diệt.
Mắt như còn lá mục hé mầm xanh,
Ai ngòi lại ôm gối trời buốt lạnh,
Một ngày qua, năm tháng cũng phai tàn.

NGÃ

Ta - một đời loay hoay vòng com áo,
Em - trăm năm giải thoát mộng vô thường.
Ai biết được giữa trần gian thực ảo,
Ngàn hoa tươi vẫn ẩn giấu tàn phai?
Ta - một bài thơ không sao viết được?
Em - trăm trang giấy mực trong ngần.
Nên tình yêu như nhát dao chém xước.
Có như không làm khó dễ lòng nhau...

EM OI!

Mùa xuân đến, rồi sẽ đi.
Như anh đã từng nói,
Xuân vẫn có lá vàng rơi.
Ngàn cánh hoa lả tả,
Trong nụ cười tươi tắn kia,
Vẫn còn đượm nét buồn,
Của thời gian nhăn nhúm,
Nhưng sao...
Đàn ong mật vẫn vờn bay?
Mùa xuân nào ở lại hay đã ra đi?
Như tuổi thơ níu kéo.
Vụng về thơ ngây,
Và, già úa tàn phai,
Như định nghĩa giá trị cuộc đời...



thơ

THỰC ĐỘ

(01-2019)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



TRUNG ĐẠO

Hai nhà đánh nhau chí tử, thầy kẹt ở giữa nhưng cứ theo lẽ phải mà làm. Hồng gia phải để nợ:

- Hoặc theo tôi, hoặc phải chầu rìa!

Huỳnh bào bang bảo:

- Phải đứng về phía tôi, còn không là mang tội phản!

Đệ tử, người thân cũng phân chia trầm trọng. Kể thì khuyên:

- Phù thịnh chứ ai lại phù suy, ấy mới là khôn ngoan thức thời!

Cũng có một nhóm thù tử:

- Không bỏ người ngã ngựa mới là quân tử!

Thầy khăng khái:

- Ta chẳng theo ai, cứ theo trung đạo mà đi.

ĐỒ GIÀ ĐỒ THẬT

Cô nàng đòi đi mỹ viện bơm ngực, độn mông, chít eo... Người yêu của cô ta cản:

- Anh yêu em, anh cần đồ thật chứ không cần đồ giả!

Cô nàng nũng nịu:

- Em sửa có một tí, trang điểm có chút xíu mà anh la rầy. Anh xem bọn đào hát kia bươm, độn, cắt, xé tùm lum rồi còn trang điểm đậm biết chừng nào!

Anh ta cười khanh khách:

- Chưa đâu em ơi! Bọn chính khách kia mới là bậc cao thủ của cái giả, mỗi khi ra trước công chúng thì phải trang điểm từng sợi tóc, nếp áo, khoe mắt... diễn văn có người soạn, thậm chí có người nhắc tuồng ở sau. Bọn ấy nói giả, cười giả, động tác giả... toàn đồ giả cả! Giả một cách rất thật, cái thật nhất là vợ vết và giả!

CÚNG SAO

Năm ấy xứ Cờ Hoa có người lên thăm chị Hằng, thế gian

sững sờ bảo:

- Bước nhỏ trên mặt trăng nhưng là bước lớn vĩ đại của nhân loại.

Năm nay cũng xứ ấy, người ta gọi xe tự hành lên sao Hỏa để nghiên cứu, chụp hình, lấy mẫu vật... thế giới còn chưa hết khâm phục thì họ lại dự định tổ chức đi du lịch không gian. Những hành tinh xa gần dần dần chinh phục cả! Ấy vậy mà ở trái đất có một xứ sở lạ lùng, cứ mỗi đầu năm lớp lớp người đội số cúng sao để giải hạn. Có nhóm khách Tây đi qua họ cười:

- Những ngôi sao vô tri kia làm sao có thể khiến cho bạn xui được?

Người xứ ấy cũng có kẻ tỉnh, cười ruồi:

- Cúng sao, bọn cáo già sung sướng hưởng tiền sao đem cúng của người mê!

SỰ THẬT

Thế gian này có một quốc độ kỳ cục đến cực độ. Người xứ ấy trên dưới bốn bên ai ai cũng nói dối như cuội. Sự dối trá trở nên bình thường. Hễ ai nói thật, làm thật thì trở thành hiện tượng bất thường. Mọi người sẽ xem là hâm, thậm chí bị kết tội phản động. Hôm nọ có vị tổng chủ lên đài tuyên bố:

- Mô đây và triều đình hết lòng lo cho dân, cho nước!

Dân chúng cười ngả nghiêng, cười bỏ càng ra đất, cười ra nước mắt:

- Bỏ khí nhà anh, tẩu hài vụng thế! Anh kếp ròm chuyên giả gái dù tẩu vô duyên nhưng cũng còn hay hơn.

Có tay vô danh nào đó phán một câu mà thiên hạ phục lẫn:

- Sự thật là không có sự thật nào được nói ra!

ĐỜI ĐẦU ĐỜI CUỐI

Người ta thắc mắc:

- Các Hồng giáo chủ và Hồng bang rất tàn độc, ngu xuẩn. Bọn chúng chẳng có tình cảm gia đình, thầy trò, quốc gia chi cả, tàn phá cào bằng hết. Họ muốn tất cả bằng nhau, cứ sao bây giờ họ lại cất nhắc toàn con em, đệ tử phe phái mình. Họ nắm hết quyền hành và vợ vết của cải vô hạn độ?

Nhiều người cùng chột dạ:

- Ở hén, sao lạ quá?

Duy chỉ có Ba Xi Đế vốn say mèm lèm bèm:

- Đó là các Hồng giáo chủ và môn phái đời đầu, bây giờ là đời cuối rồi!

Thiên hạ giạt mình khen:

- Ba Xi Đế say vậy mà tỉnh, nói trúng chóc!

THẾ NƯỚC ĐANG LÊN

Năm ấy cụ tể tướng đang hứng chí nên sướng miệng hồ to:

- Thế nước đang lên!

Trong ngoài bốn bên người ta cười rần rần:

- Đồ khí gió! Nợ công ngập đầu, dân oan kêu khóc vang trời, ô nhiễm tràn lan, kẻ thù truyền kiếp đang xà xẻo ngày đêm... mà lên cái nổi gì?

Chẳng biết miệng mồm miệng muối thế nào mà linh đễ sợ, giờ hể mưa là nước ngập lụt thành đô, dần dần phố lớn, phố nhỏ đâu đâu cũng ngập hết ráo; mưa nhỏ ngập ít, mưa to ngập nhiều thậm chí không mưa cũng ngập nốt!

Dân các vùng ngập rủa xả:

- Đồ miệng mồm thổi như rằm, độc như rắn!

STEVEN N

Georgia, 3/2019

XƯƠNG SỐNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1- Xương sống được tổ chức như thế nào?

Trong 33 đốt xương của xương sống, 24 đốt ở trên cùng được phân chia làm ba nhóm.

7 cái ở trên cổ được gọi là xương sống cổ.

12 đốt xương ở ngực nằm ở lồng ngực trong khi đó bảy đốt thắt lưng nằm ở phần dưới của lưng.

Xương cùng và xương cụt gồm năm hoặc sáu xương cột sống dính với nhau tạo thành khung xương chậu.

Cột xương sống được tăng cường và giữ tại chỗ bởi một hệ thống mạnh gồm những cơ bắp, gân, và dây chằng.

Tại mỗi điểm, xương sống là một cấu trúc rất chắc và công hiệu. Từ mỗi cột sống, ngành nhô ra mà các cơ bắp bám vào đó. Mỗi ngành có một rãnh mà trong đó ăm dây tủy sống chạy từ não, nhận và gửi các tín hiệu.

Các đốt xương sống được đệm bằng những đĩa đệm đàn hồi mà công dụng như một

vật chống va chạm và chiếm 25% chiều dài của cột sống. Vì xương sống có hình chữ S và nhảy bật nên có thể tăng được sức mạnh và sự đàn hồi của cơ quan này.

Phần cuối cùng của xương sống là xương cụt cong vào trong. Xương cụt có bốn đốt xương nhỏ dính với nhau và không có công dụng gì.

2- Dáng điệu tốt có quan trọng không?

Nếu ý niệm một một dáng điệu tốt có vẻ như không được ưa thích thì lầm lỗi ở bậc cha mẹ hoặc thầy giáo quả ghen tỵ. Mấy chục năm về trước, họ thường đòi hỏi là các bạn trẻ chấp nhận một dáng điệu đứng thẳng như cây nhồi thuốc là dáng điệu đòi hỏi của các trường quân sự như Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt hoặc West Point.

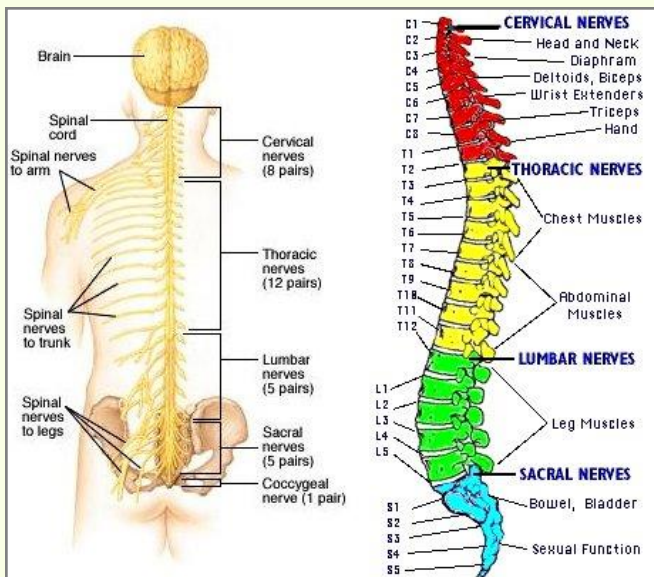
Ngày nay khái niệm hãy giữ lưng thật thẳng là trái với thiên nhiên. Lưng của con người không tự nhiên thẳng và không có một sự cố gắng nào thực hiện được điều đó. Đã có những thừa nhận rằng dáng điệu quá thẳng của nhà binh có thể gây ra vẹo kẹp cho dây thần kinh ở cổ và lưng.

Nhìn ngang, xương sống của một người trưởng thành nam giống như hai chữ S.

Bắt đầu ngay dưới xương sọ, xương sống hơi cong về phía sau, sà ra ở vai và cong lại ở sau dạ dày. Ở phần dưới cùng, xương sống lại quay ra phía ngoài và về phía sau ở xương cụt hoặc xương cuối.

Tất cả những thay đổi này đều có mục đích: nó làm cột xương sống là một thứ lò xo có thể hấp thụ những va chạm mạnh mà nếu không có nó, va chạm này sẽ chạy thẳng từ lưng lên não mỏng manh.

Các lý thuyết hiện nay về dáng điệu tốt căn cứ vào sự thẳng bằng. Mục đích là đứng với đầu cao nhưng không ngả về phía sau. Vai được ngả về phía sau đủ để ta có thể thở. Hãy cố gắng tưởng tượng rằng một đường sức



nặng, lủng lẳng từ tai xuống phần trước của xương cổ chân. Trong khi đó hãy đứng và hỗ trợ cho quý vị ở cả gót bàn chân.

3- Tại sao đau lưng lại hay xảy ra?

Khoảng 80% chúng ta bị đau lưng. Thông thường đến nỗi mà nhiều người vẫn tưởng là họ tránh được, nhất là người cao tuổi. Nhưng các bác sĩ lại không nói vậy. Mặc dù cao tuổi và sanh ra đã khuyết tật bị đau lưng nhưng đa số các trường hợp là do đời sống tĩnh tại và căng thẳng tinh thần.

Khi dân chúng quá bận vì căng thẳng, những bắp thịt chưa được huấn luyện của họ sẽ co lại. Điều này rất đúng với các "lực sĩ cuối tuần." Cơn đau của những co thắt này có thể khổ sở đến nỗi nạn nhân cho là có một cái gì ở xương lưng bị trượt hoặc gãy. Thực ra, các trường hợp trong đó một đĩa nằm ở hai đốt xương sống rời khỏi vị trí bình thường và đè lên dây thần kinh là 5 tới 10% của tất cả trường hợp đau lưng.

Trong số những khó khăn của lưng là đau ở thắt lưng thường xảy ra ở lớp ba mươi tuổi. Đa số những cơn đó cái mà ta thường gọi là chứng đau lưng: một cơn co thắt ác tính của một trong những bắp thịt chạy dọc theo phần dưới của cột sống. Người quá cân hoặc những người mà công việc một phần tĩnh tại và hơi mạnh như tài xế xe vận tải, phụ điều dưỡng đều bị bệnh này. Họ nên cẩn thận khi nâng một vật nặng với chân mà không phải lưng, chịu sức nặng và hạ người bằng cách cúi các đầu gối hơn là cúi xuống và nâng với thắt lưng.

4- Tại sao ta gù?

Quasimodo, một nhân vật chính trong tác phẩm *The Hunchback of Notre Dame* của Victor Hugo có lẽ là một nhân vật nổi tiếng nhất có thực hoặc tưởng tượng: nạn nhân bị gù lưng, một bất thường cong về phía sau của cột sống.

Phần trên của cột sống bình thường cong ra ngoài; bấu lưng là sự thoái phồng của hơi gù mà ai cũng bị. Y giới nói rằng hoàn cảnh đó không biết rõ tại sao. Tuy nhiên phải loại trừ các bất thường khác về cột sống mà một điều trị đặc biệt đều sản có.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

TÌM NHAU TRONG CỖI PHÙ VÂN

*Vào chùa từ thuở còn thơ?
Hay đây tiên kiếp,
Bây giờ hiện thân?
Tìm nhau trong cõi phù vân
Duyên xưa nào chỉ có ngàn ấy thôi!*

*Luân hồi, nghiệp vẫn nổi trôi
Bờ mê,
Bén giác,
Bao đời trầm luân!
Rừng chiều thánh thót mưa xuân
Gọi người năm cũ, nay gần hay xa?*

*Cùng trăng, tinh tọai kiết già
Rưng rưng thâm niệm Di Đà Như Lai
Quá khứ,
Hiện tại,
Vị lai?
Thuyền xưa neo bến,
Còn ai vẫn chờ?*

thơ

HẠNH CHI

(Tào Khê Tịnh Thất – Nhập thất đầu năm)



XÂY CHÙA VÀ XÂY ĐẠO TRÀNG

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có nên xây chùa lớn? Hay chỉ nên xây chùa nhỏ? Những câu hỏi như thế đang được thảo luận. Bài viết này không có ý thảo luận (và tranh luận), duy chỉ muốn nêu lên vài khía cạnh bên lề — những hình ảnh rời rạc về các ngôi chùa trong ký ức, và chép lại lời Đức Phật dạy trong Kinh SA 805.

Thực ra, chuyện xây chùa lớn vượt ngoài tầm nhìn của một người đứng từ thật xa như tôi. Đó là cuộc thảo luận của các chuyên gia nhiều lĩnh vực. Thí dụ, các nhà kinh doanh về du lịch. Hiển nhiên là, một ngôi chùa khổng lồ, hay một vòng cung du lịch tâm linh nhiều chùa sẽ tạo ra việc làm cho hàng chục ngàn người. Các thành phố ven biển như Nha Trang, Vũng Tàu... không cần làm gì cũng thu hút du khách tới. Nhưng các làng xã nơi góc núi vắng, người dân có thể đang mong đợi các ngôi chùa lớn có thể tạo ra việc làm cho nhiều người, kể cả anh chạy xe ôm, chị bán nước mía... Không cần bao nhiêu kỹ năng, nhưng là việc làm suốt đời; đó là hy hữu trong thời robot. Nhưng cũng cần ý kiến từ các chuyên gia kế toán (và kiểm toán) xem xét, vì tiền chùa, từ nhận vào tới chi ra đều nên tránh tham nhũng đục khoét, vì đất là của chính phủ (hình như nhiều chùa không thuộc sở hữu của GHPGVN?). Đó là chưa kể tới nên nghe ý kiến các chuyên gia xã hội học, xem tác dụng xây chùa lớn đối với các thị trấn quanh chùa (thí dụ, nếu bên cạnh chùa lớn lại có casino như có bản tin từng nêu ra, thì hỏng; nếu thêm nhiều khóa thiền

tập, nhiều lớp về Phật pháp thì tốt).

Trước tiên, tôi nghĩ rằng nên xây nhiều chùa. Dĩ nhiên, nên trong phạm vi hợp lý của hoàn cảnh kinh tế và xã hội địa phương. Lý do đơn giản: thời thơ ấu nếu không quen nhìn thấy mái chùa (dù là các chùa nhỏ, không phải những kiến trúc có thể gây kinh ngạc các nhà mỹ thuật), nếu không thỉnh thoảng nghe tiếng kinh kệ (dù lúc đó không hiểu gì)... thì không chắc gì tôi đã có say mê với Phật pháp như hiện nay.

Gia đình tôi thời đó sống trong xóm Chuồng Bò, nơi đường Nguyễn Thông nối dài. Vào thời kỳ hơn sáu thập niên về trước, nơi đó kể như hoàn toàn là miệt quê. Trong ký ức tôi về thời thơ ấu là các ao rau muống, các rặng tre xanh hai bên đường. Rạng sáng là nghe tiếng xe thổ mộ, vó ngựa gập ghềnh. Có một thời tôi bị bệnh ghê, thuốc nào uống cũng không hết. Má tôi đưa ra một bác sĩ ở đường Lê Văn Duyệt, chỗ gần nơi về sau có rạp hát Thanh Vân, chích thuốc mấy lần cũng không hết. Thế là ghê hành, ngứa quá, đêm ngủ khóc hoài thôi. Má tôi bắt hai dì đi xin đủ thứ lá, hễ nghe nói lá nào trị ghê là bắt đi xin liền; cứ mỗi chiều là nấu một nồi khổng lồ, rồi má tắm cho tôi.

Thế rồi, má tôi sốt ruột, đưa thẳng nhóc ra ngôi đền thờ Mẫu, nhờ ông thầy pháp hầu đồng nơi đó mặc áo xanh đỏ tím vàng, cầm nhang vẽ lên không trung đủ thứ mà người ta gọi là bùa, rồi buộc dây ngũ sắc vào cổ tôi. Nhưng cả tuần sau, khắp

người tôi vẫn còn ghê và vẫn ngứa. Không hiểu sao hồi đó, tôi còn rất nhỏ, có thể là mới 2 hay tối đa là 4 tuổi, nhưng các hình ảnh dị thường đó vẫn in vào ký ức. Thế rồi đột ngột, tự nhiên, tới một ngày là hết ghê. Mấy bà dì mới kể công, là nhờ hái lá ổi, nấu nước tắm mới hết ghê cho thằng Chít (tên hồi nhỏ, trong nhà). Bác sĩ xịn ở ngoài chợ Hòa Hưng, Chí Hòa cũng thua lá ổi. Thầy pháp cũng thua vậy, tương tự. Nhưng cũng có bà bạn má tôi, nói thể là đền Mẫu linh thiêng đấy nhé.

Thực tế là, ngôi đền Mẫu xa nhà tôi, so với một ngôi chùa lúc đó chỉ cách nhà tôi một khoảng sân cát lớn, đưa chân chỉ vài chục bước. Về sau, lòng tôi thắc mắc: tại sao má tôi không đưa thẳng nhóc qua chùa nhờ ông sư chữa bệnh. Có thể, má tôi chưa bao giờ thấy thầy chùa chữa bệnh? Mà không lẽ, má tôi bước sang chùa để nhờ, Thầy ơi, xin Thầy tụng kinh cho thằng Chít hết ghê? Nếu có chuyện như thế, mấy pho tượng Phật sẽ cười tới sập chùa.

May mắn thời đó, nhiều người đi tới đền Mẫu hát chầu văn hay xiên linh (sợ lắm, ngó là sợ), vẫn là Phật tử đi chùa. Cho nên, hồi nhỏ, tôi không thấy gì dị thường. Và rồi, hình ảnh thời thơ ấu của tôi vẫn là mái chùa không có kiến trúc gì đặc biệt đó, trong khi ký ức thoảng khi cũng là tiếng xe thổ mộ hòa lẫn tiếng chuông mõ... Kể lòng vòng như thế, để thấy rằng tất cả những cậu bé đều cần có ký ức thơ mộng về những ngôi chùa. Đôi khi tôi hình dung rằng, nếu thời thơ ấu của mình không gần ngôi

chùa, thì không biết bây giờ ra sao.

Về sau, tới lớp 11 (hồi đó, gọi là lớp Đệ nhị), tôi lại vào Chùa Xá Lợi, ngồi lê lết các góc trong khuôn viên chùa để cầm đầu, cầm cổ vào sách học thi. Hãy hình dung thêm, rằng nếu lúc đó không có Chùa Xá Lợi cho bọn học trò như tôi vào ngồi học thi, có thể tôi sẽ vào Nhà Thờ Kỳ Đồng hay vào Thư Viện Phục Hưng của các linh mục để ngồi học thi.

Kể như thế, để thấy rằng, cần rất nhiều chùa. Bởi vì có nhiều chùa (chưa nói về khái niệm chùa lớn), Phật pháp mới gắn liền với đời sống người dân. Dĩ nhiên, không phải tất cả các vị tăng, các vị ni đều là mô phạm điển hình; nhưng giới hạnh nghiêm túc hay không lại là chuyện khác, để Giáo hội giải quyết.

Câu hỏi tới đây là, Đức Phật có khuyến khích xây nhiều chùa hay không?

Thời kỳ đầu, khi các sư chưa vững vàng, Đức Phật luôn luôn bảo các sư hãy tới góc rừng, ven núi mà ngồi; thời kỳ sau, Đức Phật khuyến khích các vị sư đã vững vàng, hãy vào làng, hãy tiếp cận với người dân (có thể hiểu theo thời này, là hãy xây nhiều chùa).

Trong Tạng A Hàm, Kinh SA 805, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Thích Đức Thắng kể rằng, một nhà sư trong vườn Cấp Cô Độc, được Đức Phật khen ngợi, vì thiền tập đúng như lời Đức Phật dạy, nhưng Đức Phật cũng nói rằng có vị sư khác vi diệu hơn, vì cũng thiền tập như thế, nhưng điểm hơn là "nướng vào làng xóm, thành ấp mà ở"... hiểu là, **không còn ngồi gần Đức Phật nữa**, mà đã hòa lẫn vào xã hội người dân "để xây chùa..." Kinh này trích:

"Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

"Ông tu tập thế nào An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đối các hành quá khứ con

không luyện tiếc, các hành vi lai không sanh ra hoan lạc, đối với các hành hiện tại không sanh ra đắm nhiễm; khéo chân chánh trừ diệt những tưởng về đối ngại bên trong và bên ngoài. Con đã tu tập An-na-ban-na niệm mà Thế Tôn đã giảng dạy như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra:

"Ông thật sự đã tu An-na-ban-na niệm mà Ta đã giảng dạy, chứ chẳng phải không tu, Song có Tỳ-kheo đối với chỗ tu tập An-na-ban-na niệm của ông lại còn có phần vi diệu hơn, vượt trội hơn. Những gì là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm tu tập? Tỳ-kheo nương vào làng xóm, thành ấp mà ở, như đã nói ở trên... cho đến, quán sát diệt thờ ra, phải khéo học. Nay Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra, đó gọi là An-na-ban-na niệm vi diệu hơn, vượt trội hơn những gì An-na-ban-na niệm mà ông tu tập."... (1)

(Bản Anh dịch Lapis Lazuli Texts:

The Buddha said to Ariṣṭa, "Bhikṣu, you truly cultivate ānāpānasmṛti as I have expounded it. It is not uncultivated. However, bhikṣu, in regard to your cultivation of ānāpānasmṛti, there is still that which is superior, surpassing, and higher. What is it that is superior and surpasses the cultivation by Ariṣṭa of ānāpānasmṛti? **This bhikṣu, if he depends upon a city or village...** as previously stated in detail... up to skillfully training breathing out, contemplating cessation. This, Ariṣṭa Bhikṣu, is superior and surpasses your cultivation of ānāpānasmṛti.") (1)

Nghĩa là, nhà sư sau khi tu học vững vàng, phải vào thành phố, vào làng, sống dựa vào chúng sinh để làm phước điền, để hoằng pháp. Còn nhà sư ngồi nơi cốc vắng, cho dù tu giỏi cỡ nào, tuy được Đức Phật khen ngợi, vẫn không thể vi diệu như nhà sư bước vào cõi bụi mà mở chùa.

Có nghĩa là, chùa là gạch, cát, xi măng... Nhưng nơi đây nên hiểu lời Đức Phật dạy rằng, khi nhà sư vào thị trấn, vào làng, không có nghĩa là dựng lên bốn bức tường để ngồi, nhưng chỉ có nghĩa là, phải tiếp cận chúng sinh để lập đạo tràng.

Chùa là cái nhìn thấy được. Trong khi đạo tràng là vô hình, khó nhìn thấy, thoát hiện, thoát ẩn.

Tại Việt Nam đang có những đạo tràng lớn nhỏ khác nhau, có khi chỉ mười người, có khi vài ngàn người.

Hãy hình dung về một sân chùa tại Sài Gòn, hay tại Huế, hay tại Hà Nội: lúc 8 giờ sáng, có năm trăm (chúng ta chọn con số 500 cho có không khí Kinh Phật) Phật tử tới ngồi Thiền, tụng kinh, nghe chư tôn đức Tăng Ni thuyết pháp; tới 4 giờ chiều, nhóm 500 Phật tử đó lui về nhà. Sân chùa vắng trở lại. Đạo tràng như thế là lúc hiện ra, lúc biến mất. Tuy không thấy được như ngôi chùa xi măng, nhưng chính đạo tràng mới xây dựng con người, mới là sức mạnh của dân tộc.

Nếu có chùa, mà không có đạo tràng... rồi sẽ hỏng.

Nếu không chùa, mà có đạo tràng... rồi tới lúc sẽ hưng thịnh lại được.

Nếu có chùa, và có cả đạo tràng... sẽ là tuyệt vời.

Thực tế xây chùa dễ, xây dựng đạo tràng mới khó.

Trong Kinh SA 805, Đức Phật muốn nói là vị sư hiểu đạo rồi, nên vào thị trấn, vào làng là để xây dựng đạo tràng. Hẳn là, không có ý muốn nói tới chuyện xây chùa xi măng, nhưng đây lại là phương tiện...

GHI CHÚ:

(1) Kinh SA 805, bản Việt dịch: <https://suttacentral.net/sa805/vi/tue-sy-thang>

Bản Anh dịch: <https://lapislazulitexts.com/tripitaka/T0099-LL-0805-arista>

Kỷ lục của một bậc thầy

VĨNH HẢO

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngon đồi không cao nhưng diện tích khá rộng. Nếu đi bộ một vòng quanh chân đồi, cũng mất gần một ngày. Cây cối trên đồi đã được đốn hạ trụi lủi từ năm năm trước để tiến hành công trình xây dựng ngôi chùa, đạt kỷ lục là có chánh điện rộng lớn nhất nước; bên cạnh đó, lại thêm một kỷ lục là có tượng Phật tọa thiền vĩ đại nhất châu lục. Thế nên, khi công trình xây dựng hoàn tất, nhìn từ xa, chỉ thấy ngôi chùa nguy nga với mái ngói xanh đỏ và tượng Phật to lớn thếp vàng nhũ lóng lánh, nổi bật giữa trời mây, không còn thấy ngon đồi.

Ngoài chánh điện, nơi đây còn có nhiều tòa nhà rộng lớn, bao gồm tiền sảnh, hậu sảnh, tầng xá, tầng kinh các, bảo tàng viện, tầng quán, v.v... với ngói lợp nhập cảng và cột kèo chạm trổ tinh vi, tiếp nối liên lạc nhau tạo nên một quần thể kiến trúc qui mô, chiếm hết diện tích ngon đồi, từ chân lên đỉnh, từ mặt trước đến mặt sau.

Trên đỉnh đồi, phía tây của chánh điện, sư phụ cho dựng một căn nhà rường bằng gỗ, hình lục lăng, không vách, đặt tên là Không Phong Các. Gió lồng lộng suốt ngày đêm. Sư phụ thường ngồi uống trà một mình nơi đó. Thỉnh thoảng mới có khách phương xa đến, xin được bái kiến vị tăng sĩ nổi danh chế tác nhiều kỷ lục không ai làm nổi.

Sư phụ chỉ có một đệ tử xuất gia, đã theo chân sư phụ từ lúc còn niên thiếu. Trước, cũng có nhiều đệ tử khác xin thọ pháp với sư phụ nhưng đã lần lượt hoàn tục hoặc rời bỏ thầy để cầu học với mình sư

khác. Còn lại người đệ tử hữu duyên này, nay đã là một vị tỷ-kheo xấp xỉ tuổi ba mươi. Từ khi sư phụ dẫn thân vào việc xây dựng cơ sở, nay tình này, mai tình nọ, thầy trò ít có cơ hội ngồi với nhau để dùng bữa hay đàm đạo. Liên tục nhiều năm, sư phụ thường đi tham sát, đốc thúc các công trình xây dựng, trong khi đệ tử thì đóng cửa nghiên cứu kinh điển, tham thiền nhập định. Sư phụ đi đến tỉnh nào, đệ tử khệ nệ mang kinh sách theo đó; chưa một lần bắt tay vào việc của sư phụ, mà sư phụ cũng chưa bao giờ yêu cầu đệ tử tiếp giúp. Việc thầy làm, việc trò trò làm; người lo xây dựng bên ngoài, người lo xây dựng bên trong.

Hôm nay sư phụ muốn rời đệ tử ra ngoài đàm đạo. Cửa phòng đệ tử đóng kín, bên trong im lặng như tờ. Sư phụ gõ cửa ba tiếng không thấy trả lời, đành để lại một mẫu giấy nhỏ rồi một mình ra ngồi nơi Không Phong Các, chờ đợi. Nửa giờ đồng hồ sau mới thấy đệ tử xuất hiện.

"Thầy gọi con có việc?" đệ tử cung kính thưa.

Sư phụ không nói, chỉ tay nơi một ghế trống, bảo đệ tử ngồi. Đệ tử không dám ngồi, vẫn cung kính đứng một bên, chờ sư phụ dạy bảo.

"Con vào thiền bao năm đã tìm thấy gì rồi?" sư phụ hỏi với nụ cười nhẹ.

"Thưa, vẫn nơi ấy, không tăng không giảm."

"Nghĩa là cứ lần quần một chỗ hay sao?"

"Thưa, chỉ là không rơi vào chỗ nào ạ," đệ tử minh xác.

Sư phụ trầm ngâm một

lúc, nói:

"Tri không đủ, phải hành con ạ. Thầy đã dẫn thân thực hiện nhiều phật-sự ở khắp các tỉnh thành, dù miệt mài trong nhiều năm qua vẫn cảm thấy là chưa thỏa nguyện. Vì không muốn làm gián đoạn công phu và ý nguyện của con, thầy cứ một mình gánh hết mọi việc. Nay thầy đã già, cảm thấy sức lực không kham nổi những công trình lớn. Những ngày qua, sau khi hai kỷ lục vĩ đại cuối cùng được hoàn thành nơi đây, thầy nghĩ là tam đủ. Thầy muốn tịnh dưỡng. Nhưng cũng nhờ ngồi nơi đỉnh đồi này nhiều ngày, thầy bắt ngờ nghĩ ra một công trình vĩ đại hơn tất cả những công trình mà trước đây đã làm. Ôi, thật thú vị, thật kỳ diệu thay!..."

Đệ tử liền lên tiếng, cắt ngang hứng cảm của sư phụ:

"Thưa thầy, con nghĩ thầy nên nghỉ ngơi. Một mình thầy đã tạo nên 9 kỷ lục không ai làm nổi. Nay thầy cũng bắt đầu già yếu, thầy nên tịnh dưỡng, không cần phải tạo thêm kỷ lục nào nữa."

Sư phụ chưng hửng một thoáng, rồi nói, giọng hơi gắt:

"Ta nói chưa hết ý mà!"

Thầy-trò im lặng một khoảng lâu. Sư phụ tăng hăng, nói:

"Như đã nói khi nãy, thầy muốn tịnh dưỡng. Nhưng sáng kiến thực hiện kỷ lục vô tiền khoáng hậu này, nhất định không thể bỏ qua, mà nên làm cho bằng được. Kỷ lục này, thầy đặt lên vai con đây!"

"Ồ, thầy muốn con... thay thầy thực hiện kỷ lục... thứ mười à? Thưa thầy, con... sao làm nổi..., con đâu biết bắt đầu từ đâu... biết làm gì bây giờ!" đệ tử lúng búng nói trong họng.

Thầy nghiêm giọng, nói như trách móc, cũng vừa khích lệ:

"Con đóng cửa hai mươi năm qua để dời mài kinh điển, tìm gì, thấy gì vậy hả? Pháp Phật không phải chỉ nằm trong những cuốn kinh, những bài thi kệ! Năm xưa ta cũng như con, từ tịnh thất bước vào dòng đời, hai bàn tay không, kinh nghiệm không có, biết gì mà làm! Cứ dẫn thân đi vào, sẽ tự tìm thấy con đường, tự biết việc gì phải làm. Những kiến thức nào con đạt được từ kinh sách, chỉ có thể tự soi cho chính con, chứ soi sáng gì được cho thế gian? Không lẽ cứ ngồi trong thư phòng mà nhai đi nhai lại những sở văn, sở kiến! Hãy dừng mãi dẫn thân, mà cái dừng đầu tiên của thiền sư là bước ra khỏi tháp ngà nhàn tịnh an vui của mình."

Sư phụ ngưng, xoay qua cái bàn nhỏ, với lấy bình nước sôi; đệ tử vội đỡ lấy bình, tay run run chế nước vào ấm trà mới thay. Hương trà ướp sen xông lên một thoáng rồi theo gió cuốn đi. Đệ tử rón rén ngồi xuống chiếc ghế trống khi nãy sư phụ cho phép ngồi; châm trà vào chung. Hai thầy trò im lặng hồi lâu. Một toán du khách ăn mặc lịch sự, ồn ào bước ngang Không Phong Các; thấy hai thầy trò đang ngồi im lìm tư lự, họ lập tức ra dấu với nhau, xuống giọng, không huyền não nữa, chấp tay xá dài rồi đi thẳng về hướng đồng, khu vực chánh điện.

Chờ không khí chung quanh yên lặng rồi, sư phụ nhấp ngụm trà, tiếp tục dạy đệ tử:

"Thế gian này không gì còn mãi, nhưng trong tương đối, có những cái tồn tại rất dài lâu, mà một đời người không sao mục kích hoặc cảm nhận được sự biến đổi trong chúng. Như mặt trời, mặt trăng, như tảng núi kia... bao nhiêu triệu năm qua, vẫn như thế, có ai thấy được chúng đã đổi thay thế nào. Chưa kịp thấy sự biến hoại của chúng là đã trở thành người thiên cổ rồi. Vì vậy, thầy tạo nên 9 kỷ

lục thì cũng có lý do: thầy muốn gây ấn tượng thật mạnh vào tâm thức của người tham quan, chiêm bái; đồng thời cũng muốn những kỷ lục này, tuy là vật chất hữu hình hữu hoại, sẽ ở lại thật lâu với đời, ít ra cũng vài trăm cho đến cả nghìn năm. Mấy trăm năm không so gì được với tuổi của thiên địa nhật nguyệt, nhưng dù gì cũng khiến cho hàng triệu người của bao thế hệ thành tâm lễ bái, hoặc cúi đầu ngưỡng mộ, thậm chí chỉ chiêm quan vì tò mò, thị hiếu... cũng gieo được duyên lành với Phật. Con hiểu ý chỉ của thầy rồi chứ?"

"Dạ, con hiểu," đệ tử nhỏ giọng thưa.

"Hai mươi năm qua, thầy chưa một lần yêu cầu con làm việc gì trọng đại. Nay đã đến lúc thầy cậy đến con, mà con cũng nên xem đây như việc của con, đừng miễn cưỡng nhận đó như là việc thầy giao phó. Con hãy rời khỏi thiền sàng, dẫn thân vào trần gian khổ lụy, vận dụng trí tuệ nội quán mà phát khởi lòng từ đối với chúng sinh. Con chỉ có thể chứng nghiệm được niết-bàn ngay nơi cuộc đời khổ đau tận cùng này mà thôi."

Người học trò run bắn cả người, đứng dậy rời khỏi ghế, cố vẻ như muốn quỳ xuống, hoặc đánh lễ sư phụ, nhưng sư phụ đã nhanh nhẹn cầm lấy tay đệ tử, nâng dậy, đẩy đệ tử trở lại chỗ ngồi. Đệ tử chấp tay, nói lấp bắp, giọng đầy cảm xúc:

"Thưa thầy... con xin tâm lĩnh lời dạy của thầy... Xin cho con biết con nên bắt đầu từ đâu, và khi nào."

Sư phụ không vội trả lời; tầm mắt phóng đến tận chân trời phía tây, nơi dãy núi Người Năm mờ ảo ẩn hiện trong sương chiều. Một lúc, sư phụ chậm rãi nói:

"Chúng ta đã có quả chuông lớn nhất, tượng Phật trì bình cao nhất, ngôi chùa có nhiều tượng Phật nhất, Phật khổ hạnh bằng đồng nặng nhất, tháp chín tầng cao nhất, tượng Phật bằng đá hoa

cương lớn nhất, tượng Phật bằng ngọc lớn nhất, chánh điện rộng lớn nhất, và tượng Phật tọa thiền lớn nhất..."

Sư phụ nói ngang đó thì ngưng; mắt không rời dãy núi Người Năm. Đệ tử dõi theo mắt sư phụ, vẫn chưa đoán nổi kỷ lục thứ mười của sư phụ là gì. Thầy trò chìm trong im lặng. Bất chợt, sư phụ lại lên tiếng:

"Có ít nhất là hai lý do thầy muốn con thay thầy thực hiện kỷ lục cuối cùng này. Thứ nhất, thầy đã bắt đầu yếu, không thể đi xa, không thể đảm đương công trình lớn và dài hạn; thứ hai, thầy không muốn con hóa thành gỗ đá trong thiền phòng. Con hãy nhìn xem, dãy núi kia, rõ ràng là dáng một người nằm nghiêng bên phải, chiều dài non hai cây số, chiều cao khoảng năm trăm thước. Thầy muốn biến cả dãy núi ấy thành tượng Phật nhập diệt vĩ đại nhất thế giới! Chúng ta phải làm được, nhất định phải làm được!"

Đệ tử thất kinh, mặt mày xanh mét, nói lấp bắp:

"Thưa thầy, sao mà làm nổi! Con không thể... Công trình này to tát quá... con e sức con..."

"Con sẽ làm được. Thầy tin con làm được," sư phụ quả quyết.

Đệ tử ngồi im, mặt cúi xuống, hai bàn tay đan nhau đặt trên bàn, run lẩy bẩy. Sư phụ nhìn đệ tử, thương xót, khích lệ:

"Hai mươi năm trước, việc này đối với thầy là một thách thức kỳ thú, nhất định thầy phải thực hiện cho bằng được. Con đừng tự ti, chùn lòng trước những việc lớn. Thực ra chẳng có đại sự gì ở đời này mà người xuất gia chúng ta không làm nổi. Chỉ là muốn làm, quyết tâm làm hay không mà thôi. Lìa tất cả vọng chấp, thoát ly sinh tử mới là đại sự; còn những phật-sự hữu hình hữu tướng này, có đáng sá gì mà con phải khiếp hãi!"

Đệ tử bàng hoàng như vừa tỉnh mộng, đứng bật dậy, sụp lạy sư phụ một lạy, rồi quỳ

chấp tay, kính cẩn thưa:

"Con xin vâng lĩnh ý chỉ của thầy. Con xin nhận."

Sư phụ gật gù hài lòng; đỡ đệ tử dậy, ôn tồn nói:

"Thầy đã bàn thảo với những người cộng sự của thầy từ tuần trước. Nhóm kiến trúc sư ước tính kinh phí cho toàn công trình là khoảng 80 nghìn lượng vàng, sử dụng khoảng 100 nhân công thường trực, chính thức, làm việc ngày tám giờ, róng rã trong 10 năm thì có thể hoàn tất. Nhóm người trong hội của thầy sẽ trình bày chi tiết từng giai đoạn của công trình dài hạn này. Nhóm này sẽ theo con đến hiện trường, gồm có 4 kiến trúc sư, 4 kỹ sư xây dựng, 4 bác sĩ và y tá, 5 võ sĩ bảo vệ, 5 đốc công điều hành, 7 người đảm trách thủ quỹ và vận động tài chánh, 8 người lo hậu cần. Khi nào con sẵn sàng, họ sẽ cùng con lên đường. Phần thầy, sẽ nhập thất dài hạn cho đến khi con hoàn tất công trình trở về."

Đệ tử vẫn còn phân vân, rụt rè hỏi:

"80 nghìn lượng vàng, quá lớn, làm sao mà có?"

"Đừng lo con à. Con không biết là 9 kỷ lục trước đây, kỷ lục nào cũng phải tốn vài chục nghìn lượng vàng hay sao! Thầy làm việc nào cũng đều có các đại thí chủ ở khắp các tỉnh cúng dường, ủng hộ cả. Sau thành công của mỗi kỷ lục, họ đều mong muốn được tiếp tục đóng góp. Còn có những phú thương đến tìm thầy, xin được cúng dường hàng trăm, hàng nghìn lượng vàng dành sẵn trong quỹ để dùng đến khi hữu sự. Những người này đã tỏ ý hối tiếc vì không biết trước công trình thầy làm, và thỉnh cầu khi nào thầy thực hiện công trình mới, hãy cho họ cơ hội đóng góp, kinh phí lớn bao nhiêu họ cũng không ngại. Nói để con yên lòng, trong quỹ của hội hiện nay không đủ con số 80 nghìn lượng vàng, nhưng cũng xấp xỉ gần bằng con số ấy. Thầy chỉ cần thông báo với các đại thí chủ ở các tỉnh là họ cấp tốc chuyển vàng cúng dường

ngay; không chừng tịnh tài đóng góp còn vượt khỏi số kinh phí cần đến nữa kia!"

*

Thiền sư xuống núi. Một túi vải đơn sơ với y áo và dăm cuốn kinh đã lật nhẵn cả giấy. Từ đỉnh đồi cao, quay nhìn ngôi chùa đồ sộ nguy nga lồng lộng dưới ánh triều dương; ngược nhìn tượng Phật kỳ vĩ vàng chói, vươn lên giữa bầu trời mây trắng; rồi nhìn về dãy núi xa, xanh thẳm, nổi bật ở phương tây.

Nhóm người của hội đang trên xe, chờ đợi dưới chân đồi.

Thiền sư nhìn hai bàn tay trắng của mình, tự hỏi: đâu là chỗ diệu dụng của bồ tát hạnh? Rồi nhìn xuống hai chân với đôi giày mới sư phụ vừa trao đêm trước: đâu là khởi điểm của bồ-tát đạo?

Rời khỏi ngôi đại tự, từ cao xuống thấp, lững thững bước từng bậc cấp đi vào cuộc đời.

Những người hành khất ăn mặc rách nát, ngồi dọc hai bên đường, ngửa tay xin. Những người tàn tật nằm lết trên đất. Những đứa trẻ mặt mày nhem nhuốc, tay chân dơ bẩn, níu lấy vạt áo thiền sư:

"Thầy ơi, chúng con đói lắm, thầy cho chúng con tiền mua cơm..."

"Ơ... thầy không có tiền," thiền sư lúng túng, "các con vô trong chùa, nhà bếp sẽ cho cơm ăn nhé!"

"Không có đâu thầy ơi," lũ trẻ nhao nhao lên, "chúng con chưa bao giờ vào được cổng thì làm sao đến được nhà bếp!"

Thiền sư đứng lại, sững sờ, nhìn bầy trẻ, nhìn những hành khất cha mẹ chúng, rồi quay nhìn về cổng tam quan đồ sộ kiên cố. Thực vậy sao? Những người đói khổ này chưa bao giờ bước vào được cánh cổng kia, chưa bao giờ đặt chân lên thềm ngôi chánh điện nổi tiếng rộng lớn nhất nước? Phải rồi, ăn mặc rách rưới, đầu tóc rối bù, chân không giày giép... thì làm sao mấy người gác cổng cho phép

họ vào bên trong ngôi chùa lộng lẫy nguy nga, vườn hoa muôn sắc đẹp đẽ, sân trước sân sau lát đá hoa bóng loáng...

"Đi, mọi người đi theo thầy, thầy dắt vào trong bếp kiếm cơm," thiền sư vừa nói, vừa đưa tay mời gọi.

"Không dám thầy ơi, chúng con không vào đâu, đến cổng cũng bị chặn lại, mà thầy có dẫn vô được bên trong chúng con cũng bị mấy bác ở bếp đuổi ra thôi... chúng con sợ lắm, không dám đâu," đứa trẻ lớn nhất nói; rồi một đứa khác tiếp lời, "nhà bếp đã dặn không được vào đó, nếu không nghe lời sẽ vĩnh viễn không cho ăn nữa."

Đưa họ vào bếp xin cơm không xong, mà cho họ tiền thì không có. Thiền sư bao năm ẩn tích trong thiền phòng, mọi việc trong chùa đều có sư phụ và các tín chủ lo, nên không có nhu cầu mua sắm vật dụng, chưa bao giờ giữ tiền trong túi. Thiền sư biết ở trong các xe đậu dưới chân núi, những người trong hội đang giữ một số vàng kỉnh xù, để thực hiện một dự án rất lớn, nhưng một ít đồng bạc lẻ để chia sẻ cho những người đói khổ thì không có.

Thiền sư chẳng biết nói gì, làm gì, cứ đứng sững nơi đó. Đoàn tùy tùng dưới chân đồi ngóng cổ chờ đợi. Những kẻ đói nghèo ngược mắt trông mong. Mặt trời lên cao, trời khỏi mái chùa và nằm ngay sau tâm điểm của hình tượng pháp luân trên nóc chánh điện, khiến biểu tượng này như tự tỏa chiếu vàng hào quang sáng ngời. Nắng mai cũng rực rỡ trải ánh vàng trên khắp ngọn đồi và làng mạc gần xa; lấp lánh trên mặt sông tĩnh lặng, và soi rọi những nét mặt sầu não của những người hành khất nằm ngồi la liệt hai bên đường.

Con người dễ khiếp sợ và trở nên nhỏ nòi, co rúm trước những hình tượng vĩ đại. Sự hân thưởng cái vĩ đại có khi chỉ là mặt trái của lòng tự ti, yếu đuối và tưng phục, chưa hẳn là



niềm tin hay ngưỡng vọng đôi với điều toàn thiện, toàn mỹ.

Những kiến trúc hoành tráng cao sang, thường khi không dính nhập gì đến nỗi thống khổ của con người, mà còn là sự trêu ngươi, đim đầy những kẻ khốn cùng xuống tận đáy vực của niềm tuyệt vọng.

Kẻ giàu có thường thích làm những gì to lớn, để lại danh thơm, không quan tâm những điều nhỏ nhặt; trong khi những điều nhỏ nhặt ấy, lại thường là ước vọng to lớn một đời của những người nghèo thiếu.

Một kẻ đói khổ thiếu thốn thì chỉ nghĩ đến miếng cơm, manh áo, không dám vọng cầu những điều xa hoa, cao viễn; trong khi những đèn đài tráng lệ nguy nga thì không thích hợp cho những đôi chân lấm bụi chạm đến.

Cái vô tận thì không có hình tướng; cái có hình tướng thì không thể vô biên.

Cái vô hạn thì không đếm được bằng năm tháng; còn tính đếm được bằng dấu mốc thời gian—dù là hàng nghìn năm—vẫn chỉ là những chớp mắt của cơn đại mộng phù hư.

*

Mười năm sau, sư phụ ra thất; ngày ngày ngồi lặng nơi Không Phong Các, đôi mắt nhìn về dãy núi xa. Mắt đã mờ thêm hay sương mù phủ kín không thấy dáng người nằm? Đệ tử xuống núi mười năm chưa thấy quay đầu. Chung trà lạnh hơi chờ người đôi ẩm, kể

chuyện đội đá vá trời giữa nghìn trùng gió bụi...

Rồi một ngày, đang trưa đứng bóng, ve sầu râm ran đầu hạ, hiu hắt gió lùa cửa không, người đầu từ xa về tới. Sư phụ nhướng mắt, cố nhìn, cố nhớ; không biết là vui hay buồn.

"Con đó sao, Tuệ Không?"

"Thưa không phải, con là kiến trúc sư Tuệ Minh năm xưa, thầy còn nhớ không?"

"Ồ, Tuệ Minh, con thì phát xuất gia rồi sao? Thế còn Tuệ Không, đệ tử của ta đâu rồi? Thế còn kỷ lục Phật Nhập Diệt... đã tiến hành đến đâu, hoàn tất chưa?"

Tuệ Minh lay sư phụ, dâng một tấm bản đồ thật lớn, trải ra chiếm hết mặt bàn. Bản đồ địa lý của một nước mang hình dáng người nằm; chỉ chút dọc theo địa danh các tỉnh, huyện, xã... là tên và địa điểm của những ngôi chùa, nối nhau từ cực nam đến cực bắc, từ đông qua tây, tạo nên hình dáng Phật nhập niết-bàn. Tuệ Minh nói, đó là một nghìn ngôi chùa nhỏ được thầy Tuệ Không xây dựng suốt mười năm qua. Thay vì 80 nghìn lượng vàng để thực hiện công trình Phật nằm vĩ đại nhất thế giới, một nghìn ngôi chùa nhỏ đã được dựng lên khắp nước. Từ những vùng quê nghèo khó, cho đến những thôn ấp, buôn làng hẻo lánh, xa xôi; từ thành thị lên non cao, từ ven sông ra vùng biển, nơi nào cần chùa, cần

tiếng chuông hôm sớm, đều đã được xây một cảnh chùa nhỏ, nhưng âm cúng, gần gũi với dân tình địa phương.

Đoàn tùy tùng 37 người năm ấy theo thiền sư thực hiện công trình, sau mười năm vừa tu học vừa cất một nghìn ngôi chùa, đều đã thí phát xuất gia, phân bố đi hoằng pháp khắp nước.

Sư phụ im lặng, trầm ngâm, nhìn chăm chăm vào tấm bản đồ. Từ bức vẽ vô tri, từ dáng Phật nằm mơ hồ với những tên chùa chẳng chịt đan xen, sư phụ có thể tưởng tượng ra những đạo tràng trang nghiêm, tiếp nhận tất cả mọi người không phân biệt thành phần xã hội, kẻ trí thức hay người bình dân, kẻ giàu sang hay người nghèo khó... Một nghìn ngôi chùa nhỏ, trung bình mỗi ngôi chùa phí tổn tám mươi lượng vàng, hẳn không thể nào là những ngôi danh lam hay thắng cảnh gì đặc biệt; cũng không ngôi chùa nào trong số đó lập được kỷ lục Phật giáo hay thành tích văn hóa gì của quốc gia. Nhưng nơi đó, nơi thêm hiên và nền chánh điện, những bàn chân lấm lem sinh lầy bụi đất, đều có thể hồn nhiên, không ngần ngại dẫm lên...

"Vậy bây giờ Tuệ Không ở đâu, sao không về thăm thầy?" sư phụ hỏi.

"Thưa, từ ngày xây ngôi chùa cuối cùng, đặt tên là Vô Tướng, chúng con không thấy thầy Tuệ Không đâu nữa. Bật vô tung tích."

Sư phụ gật gù, nhìn xa xăm. Tuệ Minh đã cáo biệt từ lâu mà sư phụ hầu như không biết. Nơi Không Phong Các, sư phụ châm trà dưới trăng, uống một mình. Cạn cữ trà thì trăng đã chéch qua hướng tây, vắng vạc một phương trời. Dãy núi Ngươi Năm ngời lên dưới ánh trăng vàng sáng. Sư phụ bỗng bật cười lên sáng khoái, rồi buột miệng nói:

"Tuyệt vời thay học trò của ta! Kỷ lục vô danh vô tướng của con mới đúng thực là vô tiền khoáng hậu!"

XÂY CHÙA CHO AI?

Thanh Thị

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có một thực tế đã bị lãng quên/nhầm tưởng về những ngôi chùa, đó là sự đồng dạng về hình thức lẫn tâm thức của đại đa số Phật tử/cảm tình viên Phật giáo với những ngôi chùa, già lam. Ở đây không lạm bàn về góc độ "đế đời," "xúng tằm khu vực/quốc tế" của những ngôi chùa mới xây đáp ứng nhu cầu tâm linh/du lịch tâm linh, mà chỉ nói về đồng dạng tâm thức và hình thức giữa người dân Việt và chùa.

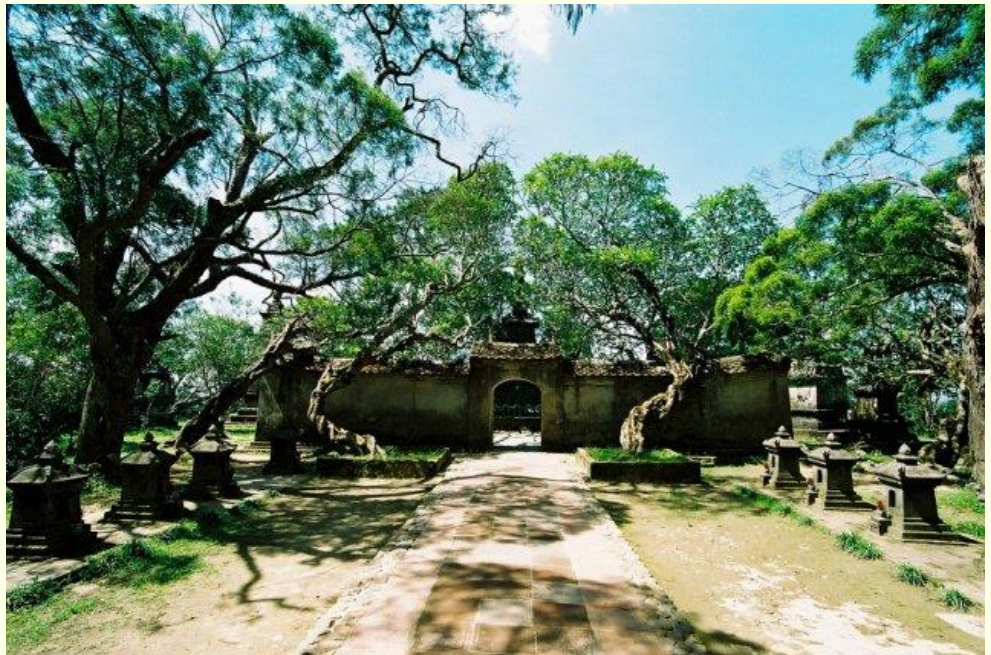
1. Về tâm thức: Chùa gắn liền với đại đa số người dân Việt, dù có là Phật tử hay không thì chùa trong họ là "quê hương." Cho nên, xét về mặt tâm thức, một ngôi chùa gắn liền với lễ cúng tháng Giêng, Phật đản sinh, cúng cầu siêu cứu huyệt (tháng 7),... thông qua đó là nơi tụ hội của những người quanh năm chân lấm tay bùn. Chùa trong họ là mái ngói đỏ nhuộm màu rêu phong, là cây đa, là nơi để "về"... Do vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của ngôi chùa cũng khiến họ xa lạ và thay đổi tư duy, nếp nghĩ để thích ứng. Nếu một ngôi chùa được xây dựng khang trang hơn, họ cũng mừng vui, nhưng, kéo theo đó là họ phải có sự thay đổi trong tâm thức nhận thức để thích ứng với ngôi chùa mới.

2. Về hình thức: Liệu có phải chẳng chúng ta đã quên rằng cần có sự đồng dạng về hình thức của ngôi chùa và ngôi nhà? Ở đây đồng dạng không phải là ở nơi thiết kế mà là đồng dạng ở giá trị. Nếu một ngôi chùa được xây dựng mới với trị giá quá lớn, trong khi đại đa số những người tới chùa lại chông chênh khổ đau, tuyệt vọng, thiếu thốn; và quan trọng là, ngôi nhà họ đang ở đôi khi không bằng trị giá một căn phòng ở của chửi tăng, thì liệu họ có cảm thấy an tâm khi "gửi lo lắng" nơi cửa Phật? Sự đồng dạng về giá trị mà

ngôi nhà của họ đang ở với ngôi chùa sẽ dẫn đến đồng dạng tâm thức như đã nói ở trên. Thực tế, nhiều ngôi chùa đã dần "mất đi" Phật tử sau khi xây dựng xong. Họ bỏ chùa? Có thể. Và có khi họ tìm đến những ngôi chùa nhỏ hơn, thiếu thốn hơn, và phù hợp hơn với hoàn cảnh sống của họ. Cho nên, thiết nghĩ, hệ lụy ấy phần nào là do sự bất tương xứng về hình thức đến tâm thức như đã nói.

Do vậy, trong truyện "*Kỷ lục của một bậc thầy*," nhà văn Vĩnh Hào đã nêu lên cái ý, thà xây ngàn ngôi chùa nhỏ mà sức lan tỏa, ảnh hưởng của nó đến từng góc ngách đời sống xã hội và quan trọng là đồng dạng về tâm thức và hình thức của đại đa số Phật tử/cảm tình viên Phật giáo, để từ đó Phật giáo có cơ hội phụng sự nhân sinh như chính ý nghĩa hiện thực mà nó có mặt vậy.

Nếu xây Chùa to mà có thể sử dụng hết giá trị của nó, không lãng phí từng hào xu "góp nhặt" của nhiều mảnh đời thì hãy cứ xây dựng, bằng không, chỉ là sự tô bồi và phô diễn cho cái tôi/bản ngã lẫn sự tham lam, háo danh của bản năng tính người mà thôi!



NGƯỜI MẸ THỨ HAI

Mẹ chồng tôi suốt một đời tận tụy
Giữ đạo dâu hiền, trọn nghĩa phu thê
Mẹ nuôi nấng mười con thơ yêu quý
Chẳng ngại nắng mưa, gian khổ không nề

Tình của Mẹ bao la như biển cả
Như suối nguồn chảy mãi tận ngàn khơi
Mẹ thương con đâu màng chi vất vả
Cho hết tuổi xuân, cho cả cuộc đời

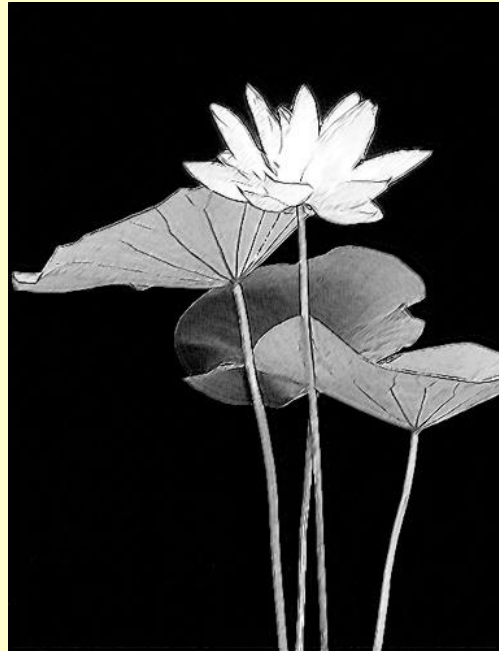
Tình của Mẹ như khúc hát tâm ca
Vỗ về con trong bão tố mưa sa
Như nhiên-đăng trong vùng trời xa lạ
Dẫn dắt con sông hiếu nghĩa nhu hòa

Tình của Mẹ như giòng sông thanh thản
Đắp phù sa cho phong phú đời con
Dù đời Mẹ qua trăm muôn ghềnh thác
Tận hiến vì con mặc sức yêu mơn

Mẹ chồng tôi sống một đời đôn hậu
Thương dâu con như con gái trong nhà
Tình của Mẹ không phân biệt nông sâu
Yêu kính Mẹ, ôi lòng Mẹ thiết tha!

Trời cuối thu lá vàng rơi, rơi mãi
Mẹ ra đi để lại những nhớ thương
Bao nỗi niềm, buồn vui, Mẹ bỏ lại
Xa thế gian, Mẹ rời cõi vô thường

Mẹ ra đi, kính Mẹ đi thư thái
Giác mộng đời thoáng chốc, Mẹ buông tay
Rũ bụi hồng, Chân-Như quay về lại
Thanh tịnh Tâm, Mẹ quy kính Như-Lai.



thơ **TUỆ-NHA**
kính bút

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười Một

(tiếp theo)

Đã có khi, tôi nhìn cuộc đời và tất cả những sinh hoạt của thế gian, chỉ là một giấc mộng, hay như một kịch trường, trong đó, mọi thứ đều giả tạo, không thực, nếu có tham dự vào đó, cũng chỉ là tham dự một trò chơi lớn. Cái nhìn đó ảnh hưởng từ kinh điển Phật giáo, điển hình là kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* mà tôi thường tụng đọc. Nhưng khi đi vào thực tế, dậm chân bước vào cuộc chơi thơ mộng của tình yêu, tôi thấy, thực ra tình yêu không phải là một trò chơi. Hay nói đúng hơn, tình yêu là một trò chơi mà người tham dự không có quyền đùa giỡn, coi thường. Người ta có thể gán cho cuộc đời, hay cho tình yêu, bất cứ tính chất nào—mộng, huyền, ảo, ảnh, lộ, điện...—đều được cả, nếu thực sự người ta thấu suốt được bản chất vô tự tính của mỗi sự thể; nhưng khi đó chỉ là quan niệm, là sự hiểu biết ở bề mặt, thì những đợt sóng trên mặt đại dương, hay những người yêu nhau trên đời, vẫn cứ là những thực tại, những sự thể có thực. Những thực thể ấy có đời sống của chúng. Dù hữu hạn, ngắn ngủi, nhưng rõ ràng là chúng

cũng có những rung động thể xác và tâm hồn; cho nên, chúng biết khao khát, biết nhớ nhung, biết hờn giận, biết chiếm hữu và biết đau khổ...

Vì thế, tôi bị cuốn vào cơn say tình ái một cách nồng muội, đến độ tôi không làm sao có thể kiềm được nỗi háo hức tìm gặp Như Như. Thường thì tôi rủ chú Đức cùng đi, vì chuyện chú ấy đến thăm gia đình chị Cầm không có gì là lạ. Lấy cớ đi theo chú ấy, tôi thăm Như Như. Nhưng những lần đi chung với chú Đức, tôi và nàng chỉ có thể nhìn nhau, chào nhau, chứ chẳng nói được với nhau điều gì. Hoàn cảnh của tôi và Như Như sau ngày tang của ông Điền, đã trở nên khác. Chúng tôi không còn tự do nói chuyện với nhau nữa. Mỗi lúc cùng chú Đức hoặc một mình đến nhà chị Cầm, tôi luôn được xem như là người khách quý của gia đình, được chị Cầm hoặc chị Nữ tiếp nơi phòng khách. Như Như lúc ấy, chỉ như một đứa con nít trong nhà, có trách nhiệm bưng trà nước cho khách, vậy thôi. Mẹ ngồi nói chuyện, còn làm sao đám ngồi hay nói xen vào. Dầu sao, thấy mặt nhau, cười với nhau, cũng đỡ nhớ phần nào. Như Như chỉ có ở nhà vào buổi sáng, lo phụ

giúp công việc lặt vặt cho mẹ trong khi ba và các anh chị lớn của nàng đi làm. Buổi chiều nàng đi học. Buổi tối, nàng phụ mẹ lo bán. Quả thật là khó có dịp nào để chúng tôi trò chuyện với nhau nữa. Mà hình như gia đình chị Cầm cũng lờ mờ đoán biết có cái gì không được bình thường giữa tôi và Như Như. Có lẽ đã có một sự ngăn đón nào đó mà tôi không rõ. Không nói được lời nào với Như Như trong nhiều ngày, tôi đâm quay quắt; và vào một lúc không kiềm được lòng mình, tôi đã viết cho Như Như một bức thư. Gửi qua đường bưu điện. Ngoài bì không để tên người gửi, chỉ để tên người nhận là nàng. Lá thư tuy rằng đã được viết với sự thận trọng vì sợ không đến tay Như Như, nhưng dĩ nhiên là cũng không làm sao che giấu được sự liên hệ tình cảm tối thiểu nào đó giữa hai chúng tôi. Kết quả là không bao giờ tôi nhận được thư hồi âm của nàng. Mà vì không nhận, tôi đoán là gia đình nàng đã biết. Tôi xấu hổ không dám xuống nhà nàng nữa. Từ vụng dại này kéo theo vụng dại kia...

Mãi gần một tháng sau, tôi mới rủ chú Đức cùng đi. Chúng tôi đến vào giấc trưa, vừa sau bữa ăn. Chị Nữ ra tiếp chúng tôi ở phòng khách.

Người bưng nước là một người anh của Như Như chứ không phải chính nàng như thường lệ. Sự kiện này tôi không nghĩ là ngẫu nhiên. Trong khi chú Đức nói chuyện với chị Nữ, ruột gan tôi nóng như đốt. Tôi cảm thấy mình có lỗi khi viết và gửi lá thư kia. Có thể trong nhiều ngày qua, một mình nàng đã cảm lạnh chịu đựng tất cả sự la trách của gia đình mà tôi không làm sao hiểu thấu. Đang bồn chồn ngồi không yên, bỗng thấy Như Như từ gian bếp bước ra phía phòng khách. Chị Nữ ngồi quay lưng vào trong và đang mãi lo nói chuyện với chú Đức nên không thấy và không biết Như Như xuất hiện. Chỉ có tôi, trong tự thế chờ đợi mới nhận ra nàng thật nhanh, và khi mắt chúng tôi giao nhau, tôi thấy được đôi mắt nhòa lệ của nàng. Như Như ôm tập đi học. Nàng vẫy tay giã từ tôi bằng cánh tay phải buông thõng xuống chứ không dám đưa lên cao, sợ chú Đức trông thấy. Tôi giả gật đầu theo câu chuyện giữa chú Đức và chị Nữ mà thực ra là để đáp lại cái vẫy tay của nàng. Như Như quay đi. Tóc nàng bồng bềnh những nhịp buồn.

Chuyện riêng tư giữa tôi và Như Như, tôi đâu cho ai biết, ngay cả chú Đức là bạn thân nhất lúc đó. Vậy mà trên đường về, chú Đức lại mở miệng nói:

"Sao dạo này thấy Như Như có vẻ buồn quá hử. Mà chú Khang cũng vậy nữa. Bộ hai người giận nhau hay sao đây?"

Tôi giật thót mình:

"Sao chú biết?"

Đức bụm miệng cười:

"Sao không biết. Nhìn là biết ngay. Giấu gì được. Cái hôm đám tang ông Diễm, Như Như hỏi tôi chú Khang có xuống không, tôi nói không, cô ta buồn xo. Rồi buổi chiều thấy tôi ngồi một mình lại đến hỏi thăm, tìm hiểu về chú Khang đủ thứ chuyện. Còn chú hử, hễ không gặp được Như Như thì giống như người mất hồn. Gặp rồi thì ra về tươi tắn, yêu đời. Chỉ có hôm nay là

thấy lạ. Cả hai đều buồn. Sao vậy? Có cần tôi giúp gì không?"

Tôi không đáp. Thấy tôi không muốn tiết lộ điều gì, chú Đức bắt qua chuyện khác. Về tới chùa, tôi thần thờ ra đứng sau núi nhìn về hướng phố. Chú Đức cũng tìm đến, đứng một bên, an ủi:

"Giận hờn chỉ rồi cũng hết, có gì đâu mà buồn."

"Có giận gì đâu. Chỉ tại... tại tôi viết thư gửi cho Như Như lại gửi ngay địa chỉ nhà đó qua đường bưu điện. Chắc là ba mẹ Như Như nhận thư, lấy đọc. Tôi hồi hận về lá thư ấy. Tôi nghĩ là nó đã làm khổ Như Như không ít đâu."

"Vậy bây giờ chú tính sao?" chú Đức hỏi.

"Tính sao! Chứ không phải chú ra đây để làm cố vấn cho tôi à? Còn hỏi tính sao!"

Đức cười ngật nghễ. Tôi cũng cười theo; một lúc, tôi nói, giọng đôi nghiêm trọng:

"Đùa với chú vậy thôi chứ tôi nghĩ, chuyện tình cảm thực ra mình chẳng nên vướng vào làm gì. Cái đó đáng ra tôi phải biết trước và phải tránh trước. Chẳng hiểu sao tôi lại dễ dãi, buông xuôi chạy theo tình cảm như vậy. Để bây giờ, tâm ý lao xao, bất định, chẳng tập trung gì được. Ngẫm lại, sự trắc trở giữa tôi và Như Như biết đâu lại chẳng là trợ duyên thức tỉnh tôi quay trở về với đời sống yên tịnh lâu nay. Tu sĩ

mà nói chuyện yêu thương thì rõ là lảm cẩm, phải không? Bởi vì rồi nó sẽ đến đâu? Chẳng đến đâu cả. Chẳng ra làm sao cả. Biết trước như vậy mà cứ nhảy vào thì rõ là điên khùng. Thầy tu mà đòi yêu thương kiểu thế tục thì tham lam quá. Chỉ tội nghiệp cho những ai không biết, lại đi yêu tu sĩ mà thôi. Tội nghiệp Như Như. Nàng hồn nhiên lắm. Thấy thương thì thương chứ đâu hiểu sâu là có nên thương một tu sĩ hay không. Nàng có biết gì đâu. Tất cả là lỗi tôi cả. Giả như tôi quyết định hoàn tục, rồi sau đó, tiến đến chuyện tình cảm với Như Như thì chẳng nói làm gì; đằng này, tôi chưa hề có ý hoàn tục. Vậy thì biểu lộ thương yêu với nàng làm gì nhỉ? Làm vậy chỉ hại cho nàng thôi."

Nghe tội tự trách như vậy, chú Đức bỗng sầm mặt xuống, vẻ ưu tư. Một lúc lâu, Đức nói:

"Tôi cũng đang lâm vào một hoàn cảnh như chú..."

"Lay Phật! Chú cũng biết... chú cũng vậy nữa à!..." tôi ôm đầu ngồi xuống một tảng đá lớn gần đó.

Đức nói:

"Đáng lẽ câu đó là tôi hỏi chú chứ không phải để chú hỏi tôi đâu!"

"Là sao?" tôi ngược lên hỏi lại

"Thì lâu nay chú nghiêm trang, ít cười đùa, suốt ngày cứ đọc kinh sách, mở miệng ra là nói chuyện thiền với Bát



nhã... đôi lúc tôi thấy chú khô khan như khúc gỗ, như cục đá, nghĩ là chú sẽ chẳng bao giờ rung động. Vậy mà rồi chú biết thương, biết yêu. Tôi mới là người phải hỏi chú câu đó: chú mà cũng biết yêu sao!”

“Mô Phật, chú nhìn lại chú xem. Cái tướng của chú mà biết yêu mới là chuyện kỳ chứ tôi thì lạ gì. Tôi tuy có mê thiền, mê Bát nhã thật, nhưng cũng có khi ướt át đàn địch, ca hát nhạc tình, lại làm thơ, viết truyện... Tôi đâu có khô khan, phải không? Còn chú hà? Có bài *Lòng Mẹ* của Y Vân, với bài gì nữa đó, à, *Làng Tôi, Nhớ Chùa, Từ Đám Quê Hương Tôi*... cứ hát hoài! Bài nào cũng tha thiết nhắc đến mẹ, quê hương, ai mà tưởng tượng nổi trái tim chú lại đập cái nhịp khác! Suốt ngày lằm lằm lì lì, giữ gìn oai nghi tế hạnh, tướng đi hiền khô như con nai, như cục đất. Đã vậy còn xăm bốn chữ *Hán Sanh Tứ Đại Sự* trên cánh tay nữa! Cứ theo cái cách quyết liệt đó, làm sao ngờ được chú biết rung động!”

Cả hai chúng tôi cùng cười một lúc thật lâu. Cười ra nước mắt. Chưa bao giờ chúng tôi cười nhiều như vậy.

Sau cơn cười hổ thẹn và tự cảnh tỉnh đó, chúng tôi cùng chìm vào im lặng. Và lúc ấy tôi mới thấy rõ tất cả sự lỗ bịch của mình trong trò chơi tình yêu mà chính mình biết trước là sẽ không có kết quả gì. Nếu tôi và Như Như càng lúc càng tiến xa hơn trong tình cảm, rồi sẽ đến đâu? Thành vợ thành chồng, sinh con đẻ cái? Không! Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện ấy. Tôi vẫn thường cho đó là chuyện tầm thường, dung tục, là vòng dây oan trái níu kéo con người trong khổ lụy. Trong khi trái tim tôi vô mình đòi hỏi cái quyền lợi muôn thuở của nó thì cả chí nguyện và nhiệt huyết tuổi trẻ của tôi vẫn muốn giốc trọn vào con đường giải thoát giác ngộ. Ừ thì tội vốn nhẹ dạ, mẫn cảm, dễ xiêu lòng... nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không biết chiến đấu. Trong cuộc chiến nội tâm, tôi đã từng

đánh tan tành đội ngũ của những con ma phiền não khi chúng chỉ vừa mới ló đầu ra khỏi những hang ổ u minh của chúng. Lẽ nào tôi không thắng nổi ma lực của tình yêu! Phải chăng vì quen hình dung phiền não với những khuôn mặt hung tàn, gian xảo, quỷ quyệt... tôi đã không lường được chúng có thể tấn công tôi ở một khuôn mặt, một nghi dung đoan trang, nhu mì, dễ thương... của một thiếu nữ đương xuân? Chàng dũng sĩ quả cảm xông trận, thấy yêu ma quỷ mị thì vung gươm đâm chém chẳng chút gờm tay, nhưng thanh gươm đó làm sao có thể vũ lộng tung hoành trước những dung nhan yêu kiều diễm lệ? Một lời nói nặng, một cử chỉ vô tình tỏ vẻ không quan tâm là đã khiến cho mỹ nhân rơi lệ, hờn dỗi rồi, làm sao cất nổi thanh gươm bén! Mà những giọt lệ ấy có chất cường toan thì phải: chúng có thể làm rỉ sét vũ khí của những anh hùng trên cả trận mạc của ngoại giới lẫn nội tâm.

Tôi rùng mình nhớ lại cái gương thất bại của những thầy đi trước. Tăng sĩ một khi vướng vào tình cảm thì như con ngựa không cương xông vào trận địa đầy những hầm bẫy; tuy rằng có thể tự mình tung tác, muốn nằm yên hay cất vó hí vang thì tùy ý, nhưng làm sao có thể lường được những hiểm nguy nào đang chờ đón. Mà một khi đã sập bẫy thì muôn đời không cứu vãn gì được nữa... Bao nhiêu chí nguyện đội đá vá trời, liễu sinh thoát tử, đốn ngộ thiên cơ... cũng vất đi!

Tôi nói với Đức:

“Tôi đang tìm cách ra khỏi cái màn lưới ấy, chú còn chui vào làm gì! Thiết khổ, tôi tưởng mình tôi lâm nạn, có chú ở ngoài nhắc nhở, góp ý, để tôi tìm đường thoát, nào ngờ chú cũng cùng một bệnh!”

“Bộ chú tưởng tôi mới vướng vào đó hả? Đâu phải chú tìm cách thoát ra tôi mới tìm cách chui vào! Tôi còn rơi vào đó trước chú nữa kia!”

“Trời đất! Dữ vậy đó! Thực là... *tiên sanh khả úy!* Thôi thôi, bây giờ tội mình cùng biết chuyện của nhau rồi, nên nhắc nhở nhau xa lánh, bằng cách nào cũng phải từ bỏ chuyện ấy mới xong. Ừ mà chuyện của chú... như thế nào? Tôi cũng tò mò muốn biết chút chút cái tình sử lâm ly của chú, có vậy tôi mới sáng mắt mà cảnh tỉnh chú được chứ. Ai vậy? Chắc cũng một người nào đó trong nhà Như Như phải không? Như Như có nhiều chị quá mà! Với lại, chú cũng thường xuống nhà Như Như mà. Hẳn phải có lý do chứ?”

“Không, không có người nào dưới đó cả. Người ấy... người ấy là người chú biết rành nhất.”

“Tôi biết rành? Tôi có quen cô gái nào đâu mà biết rành! Hơn nữa, nếu tôi mà biết rành thì tôi càng không để cho chú với người đó yêu nhau đâu! Sao, ai vậy? Nói đi, giấu làm gì.”

“Đâu có giấu. Để từ từ tôi nói chứ thúc hối gì dữ vậy. Nhưng mà tôi nói trước là chuyện của tôi không giống chuyện của chú đâu nhé. Tôi chỉ đơn phương thôi, chứ có *yêu nhau* đâu mà chú nói nghe thấy ghê quá!”

“A, đơn phương càng tốt, càng dễ thoát. Ai vậy?”

Đức ngáp ngừng một lúc, vừa cười vừa nói gọn một tiếng thật nhỏ:

“Uyên.”

“Cái gì? Uyên, em gái tôi?”

“Ời vậy tôi mới nói là chú rành nhất về người này. Nhưng mà... Uyên không biết gì hết.”

“Chỉ mình chú *thăm yêu* *trộm nhớ* thôi à!”

Đức cười ngật nghẻo. Giọng cười thật tội nghiệp. Tôi không dám nói gì đụng chạm đến chú ấy dù rằng trong lòng, tôi không đồng ý chuyện chú ấy lấy em gái tôi làm đối tượng thương yêu. Tôi không muốn gia đình tôi nghĩ lầm rằng tôi tán trợ chuyện tình cảm của chú ấy vì thỉnh thoảng tôi về thăm nhà, có kéo chú ấy đi cùng – lúc ấy tôi đâu có ngờ được là chú “*phải*

lòng” em gái tôi.

Sau một trận cười ứa nước mắt, Đức trở nên đăm chiêu, đôi mắt buồn bã nhìn chăm chăm vào một điểm nào đó dưới núi. Tôi nói:

“Thôi thì quen hay lạ gì cũng vậy, phải bỏ hết. Tôi hứa với chú, mà chú cũng phải hứa với tôi nghe, dứt khoát là từ nay, bằng mọi cách, phải chôn sâu, không, phải dẹp bỏ, cái chuyện tình cảm vô ích cho việc tu học như thế. Đồng ý không?”

Đức cười nhẹ, đáp:

“Đồng ý.”

Tuần lễ sau, Đức bỏ chùa Linh Phong, qua ở chung một tịnh thất với thầy Thiện Hữu. Tịnh thất ấy cũng nằm trên đồi Trại Thủy, cách chùa Linh Phong đâu chừng một trăm mét thôi, nhưng cây cỏ mọc um tùm không có đường qua lại nên tôi có muốn đến thăm Đức thì phải xuống núi, theo đường quốc lộ đến chùa Tĩnh hội, rồi từ chùa Tĩnh hội leo gần trăm bậc cấp mới đến được khuôn viên tịnh thất ấy. Thầy Thiện Hữu có một cái rầy ở suối Đổ, Đức theo thầy ấy vào làm rầy, có khi cả tháng mới về lại Nha Trang. Nơi ấy, theo Đức tả thì cảnh trí thơ mộng, đẹp dễ lắm. Nghe chú tả cảnh đẹp mà không lộ một chút buồn nào, tôi mừng. Hy vọng chú lãng quên thật nhanh mối tình đơn phương tội nghiệp của chú để chú mãi là một sa-môn phạm hạnh, trong trắng.

Phần chú ấy, coi như yên ổn. Chỉ còn tôi là lặn đạn, lao đao. Tôi đã thất hứa với chú Đức. Trong thời gian chú Đức vắng mặt ở Nha Trang, tôi đã... thật là xấu hổ khi nói đến điều này, tôi có đến nhà Như Như để được nhìn mặt nàng. Và thỉnh thoảng có những buổi trưa – mà Như Như nói là cô giáo bệnh cho nghỉ học, hoặc một lý do rất hợp lý nào đó của tuổi học trò biết yêu – Như Như đến chùa tìm tôi, tôi đã mừng vui vô cùng. Khi nàng chia tay, cả tôi và nàng đều bịn rịn không muốn dứt. Nàng về rồi, lòng tôi buồn dầu dầu suốt ngày. Đêm về, tôi rơi vào

THƯƠNG NHƯ...

Kính tặng Hòa Thượng Phương Trượng
Chùa Phật Tổ

*Đò đưa bao chuyến trầm tư
Sông sâu nước chảy thương như thuở đầu...
Thời gian bạc phéch áo nâu
Cõi đời nông cạn buông câu giữa dòng.*

*Thương người chở hết qua sông!
Còn ai, ai mắt vẫn không nặng lòng
Mấy đời ai rõ đục trong?
Người qua bến mộng mênh mông bước đời...*

*Đò khuya đậu bến nghỉ ngơi
Gối không nằm soái ngó trời bình yên
Tay sờ chạm đỉnh truân chuyên
Đầu sương trắng bạc buồn riêng vắt rồi*

*Dặm trường những bước đơn côi
Đã đi đã đến đã... trôi giọt sầu
Nhân gian hỏi người về đâu?
Cười khan, đồng dạ thọa đầu mở toang!*

thơ HUYỀN VŨ - NT

nổi nhớ nhưng điên cuồng, không sao định tâm quán tưởng hay niệm Phật gì được. Tôi đã tự hỏi, không còn lối thoát nào cho ta nữa hay sao?

Thực ra, trường hợp của tôi thì khác chứ đâu có đơn giản như trường hợp của chú Đức được. Dù rằng tình cảm giữa tôi và Như Như cũng chưa phải là quá sâu đậm, nhưng trái tim tôi, như đã

nói, đâu phải tim heo tim bò rao bán ngoài chợ thịt! Không thể giống chơi với nó được. Đâu phải chỉ nói một tiếng, hứa một lời, là xong! Không, tôi nghe thật rõ trong từng giây phút, nó vẫn còn nhảy đập những nhịp điệu dị thường khó hiểu của tiền kiếp u minh lãng mạn nào đó...

(còn tiếp)

